



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH



HIỆP HỘI DOANH NGHIỆP THÁI BÌNH



**DDCI**<sup>®</sup>  
THÁI BÌNH

**2024**

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ BAN NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

# KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG TỈNH THÁI BÌNH

## NĂM 2024

Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Thái Bình,  
đề nghị truy cập trang web:

<https://thaibinh.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR dưới đây:



Tháng 12/2024

**Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện**

UBND tỉnh Thái Bình

Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Bình

Economica Vietnam

**Nhóm chuyên gia**

Lê Duy Bình

Phạm Minh Tuyết

Nguyễn Thúy Nhị

Nguyễn Thị Hoài Hương

Trần Thị Phương

Đào Phương Thảo

Lê Quỳnh Chi

## LỜI CẢM ƠN

**C**hỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2024 là công trình đánh giá thực tiễn về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của tỉnh Thái Bình.

Bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện, thành phố và các sở, ngành tỉnh Thái Bình (DDCI Thái Bình) năm 2024 là công trình đánh giá thực tiễn về Năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh tại các địa phương và sở, ban, ngành của tỉnh Thái Bình. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Bình chịu trách nhiệm điều phối chính. Đơn vị đánh giá độc lập Công ty Tư vấn về Quản lý Kinh tế (Economica Vietnam) chịu trách nhiệm về xây dựng bộ chỉ số DDCI Thái Bình năm 2024, chịu trách nhiệm chính trong việc thực hiện điều tra DDCI Thái Bình 2024, và xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu điều tra và xếp hạng DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Bình và Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Bình. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo UBND tỉnh Thái Bình, lãnh đạo Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Bình và lãnh đạo các sở, ban ngành tại tỉnh, cũng như lãnh đạo tại các địa phương đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện DDCI tại tỉnh.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Chuyên gia kinh tế) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, các Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, các Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân địa phương và các cơ quan khác trong quá trình hoàn thiện phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.

## MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC BẢNG, BIỂU, HÌNH.....	7
CHƯƠNG I: GIỚI THIỆU CHUNG.....	9
1.1. Sự cần thiết triển khai DDCI Thái Bình.....	9
1.2. Mục tiêu.....	9
1.3. Phương pháp triển khai DDCI Thái Bình năm 2024.....	10
1.4. Phương pháp chọn mẫu.....	12
1.5. Hệ thống chỉ số thành phần trong DDCI Thái Bình năm 2024.....	14
1.6. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024.....	15
1.7. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024.....	17
CHƯƠNG II: CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH.....	20
2.1. Tình hình kinh doanh.....	20
2.2. Triển vọng kinh doanh.....	20
2.3. Đánh giá chung về môi trường đầu tư, kinh doanh.....	21
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH.....	23
3.1. Kết quả và điểm số.....	23
3.2. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần.....	24
CHƯƠNG IV: KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG.....	38
4.1. Kết quả và điểm số.....	38
4.2. Kết quả DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần.....	39
Chương V: Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.....	56
5.1. Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và bền vững từ DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	56
5.2. Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và bền vững từ DDCI cấp địa phương... ..	57
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	59
PHỤ LỤC.....	61

## DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

<b>BHXH</b>	Bảo hiểm xã hội
<b>BQL KKT</b>	Ban Quản lý Khu kinh tế
<b>CCHC</b>	Cải cách hành chính
<b>CNTT</b>	Công nghệ thông tin
<b>CSTP</b>	Chỉ số thành phần
<b>DDCI</b>	Department and District Competitiveness Index (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương)
<b>ĐKKD</b>	Đăng ký kinh doanh
<b>DN</b>	Doanh nghiệp
<b>DNNVV</b>	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
<b>GD&amp;ĐT</b>	Giáo dục & Đào tạo
<b>GTVT</b>	Giao thông vận tải
<b>HKD</b>	Hộ kinh doanh
<b>HTX</b>	Hợp tác xã
<b>KH&amp;CN</b>	Khoa học & Công nghệ
<b>KH&amp;ĐT</b>	Kế hoạch và Đầu tư
<b>LĐ-TB&amp;XH</b>	Lao động - Thương binh & Xã hội
<b>NN&amp;PTNT</b>	Nông thôn & Phát triển nông thôn
<b>PCCC</b>	Phòng cháy chữa cháy
<b>PCI</b>	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
<b>QLNN</b>	Quản lý nhà nước
<b>SXKD</b>	Sản xuất kinh doanh
<b>TTHC</b>	Thủ tục hành chính
<b>UBND</b>	Ủy ban nhân dân
<b>VBQPPL</b>	Văn bản quy phạm pháp luật
<b>VCCI</b>	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
<b>VH, TT&amp;DL</b>	Văn hóa, Thể thao và Du lịch

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU, HÌNH

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI Thái Bình cấp Sở, ban, ngành năm 2024 .....	15
Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI Thái Bình cấp Địa phương năm 2024 .....	16
Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành .....	17
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương .....	18
Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN, HTX, HKD .....	20
Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của DN, HTX, HKD .....	21
Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Thái Bình năm 2024.....	23
Biểu đồ 3.2. Điểm số CSTP thực hiện TTHC và cấp phép gia nhập thị trường .....	25
Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá về chất lượng hướng dẫn trình tự, hồ sơ TTHC, công việc .....	26
Biểu đồ 3.4. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT .....	26
Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá mức độ hữu ích của các thông tin trên trang web .....	27
Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành.....	28
Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ DN/HTX được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn.....	29
Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP chi phí thời gian .....	30
Biểu đồ 3.9. Số lần thanh tra, kiểm tra của Sở, ban, ngành .....	31
Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP chi phí không chính thức.....	32
Biểu đồ 3.11. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở Sở, ban, ngành.....	32
Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng .....	33
Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD .....	34
Biểu đồ 3.14. Tỷ lệ DN/HTX được mời/tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD .....	35
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế.....	36
Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI cấp địa phương tỉnh Thái Bình năm 2024.....	38
Biểu đồ 4.2. Điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC.....	40
Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP tính minh bạch và tiếp cận thông tin.....	41
Biểu đồ 4.4. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá việc thuận lợi trong việc thực hiện TTHC trực tuyến ...	42
Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương....	43
Biểu đồ 4.6. Tỷ lệ được mời tham gia góp ý kiến, đối thoại về chính sách ở địa phương.....	44
Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP chi phí thời gian .....	45
Biểu đồ 4.8. Số lần thanh tra, kiểm tra của HKD ở các địa phương .....	45
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP chi phí không chính thức.....	46
Biểu đồ 4.10. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở các địa phương .....	47
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng .....	48
Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh.....	49
Biểu đồ 4.13. Tỷ lệ HKD được mời/ tham gia các chương trình, hoạt động hỗ trợ SXKD ....	50
Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế và ANTT .....	51
Biểu đồ 4.15. Điểm số chỉ tiêu “UBND địa phương đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh trật tự” .....	52
Biểu đồ 4.16. Điểm số CSTP tiếp cận đất đai.....	53
Biểu đồ 4.17. Ảnh hưởng của các công tác quản lý đất đai, xử lý các vấn đề đất đai đến hoạt động SXKD .....	54
Biểu đồ 5.1. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững.....	56
Biểu đồ 5.2. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững.....	57





---

# CHƯƠNG I

Giới thiệu chung

  
**DDCI**  
THÁI BÌNH





## CHƯƠNG I. GIỚI THIỆU CHUNG

### 1.1. Sự cần thiết triển khai DDCI Thái Bình

Trong những năm qua, Thái Bình đã có nhiều chuyển biến tích cực, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội được quan tâm chỉ đạo và có nhiều tiến bộ, đóng góp vào sự phát triển chung của vùng và cả nước. Tuy nhiên, Thái Bình vẫn còn nhiều những hạn chế, chưa khai thác hết những tiềm năng để có thể bứt phá và phát triển bền vững; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển dẫn đến môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh của tỉnh giảm sút. Để có thể bứt phá vươn lên mạnh mẽ, phát triển bền vững, Thái Bình cần phải nỗ lực mạnh mẽ nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, đổi mới sáng tạo trong thu hút đầu tư phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Để tận dụng tối đa tiềm năng, đưa địa phương tiếp tục phát triển, thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp, khuyến khích sự phát triển của khối hộ kinh doanh và hợp tác xã thì nâng cao năng lực cạnh tranh là nội dung quan trọng.

Những năm gần đây, nâng cao năng lực cạnh tranh đã mang lại nhiều thành công trong phát triển kinh tế cho Việt Nam. Chính vì vậy, dù ở cấp độ quốc gia hay địa phương, vai trò của cải thiện môi trường kinh doanh trở thành nhiệm vụ, động lực cải cách mạnh mẽ và thiết yếu. Tiếp nối sự thành công của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), nhiều địa phương trong cả nước đã triển khai DDCI - Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương và đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận như Lào Cai, Quảng Ninh, Bắc Ninh và Đồng Tháp... Trên cơ sở chỉ số PCI áp dụng cho cấp tỉnh, UBND tỉnh Thái Bình đã ban hành Kế hoạch triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (Department and District Competitiveness Index - DDCI). Kế hoạch này nhằm mục đích đánh giá tính sáng tạo và kết quả điều hành của các sở, ban ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố từ đó góp phần cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Thái Bình. Đây được coi như một bước đi mạnh mẽ và nỗ lực cải cách của tỉnh Thái Bình hướng tới cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh một cách toàn diện.

### 1.2. Mục tiêu

DDCI là chỉ số đo lường chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các cơ quan chính quyền cấp huyện, thị xã, thành phố và Sở, ban, ngành - những cấp chính quyền có tương tác trực tiếp với các cơ sở kinh tế trên địa bàn như DN, HTX, HKD và các nhà đầu tư. DDCI được thực hiện trên cơ sở đánh giá cảm nhận của cơ sở kinh tế và cộng đồng doanh nghiệp, doanh nhân đối với chính quyền cấp huyện, thị xã và các Sở, ban, ngành.

Cần lưu ý rằng DDCI không phản ánh toàn bộ mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chức năng của một Sở, ban, ngành hay của một địa phương mà chỉ đánh giá chất lượng quản trị công, điều hành kinh tế trong mối quan hệ tương tác với DN, HTX và

HKD. Khi đánh giá tổng thể về mức độ hoàn thành công việc, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ chức năng của một Sở, ban, ngành hay của một địa phương, cần kết hợp sử dụng DDCI với các tiêu khác và chỉ số khác như PAR-INDEX hay SIPAS để có cái nhìn công bằng và toàn diện.

**Mục tiêu tổng quát:** Triển khai DDCI để thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại tỉnh Thái Bình.

**Mục tiêu cụ thể:**

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024; cải thiện thứ hạng vị trí Chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) của tỉnh trong các năm tiếp theo.
- Đánh giá mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã (sau đây gọi chung là doanh nghiệp) đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
- Tạo sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh (sau đây gọi chung là sở, ban, ngành) và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố từ đó tạo động lực cải cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực.
- Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành. Trên cơ sở đó đánh giá công tác điều hành của chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành trong năm, đề xuất các giải pháp để cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm tiếp theo; đồng thời đề xuất giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong những lĩnh vực được khảo sát.
- Kết quả khảo sát Bộ Chỉ số DDCI là cơ sở để đánh giá công tác thi đua, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong năm của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh.

### 1.3. Phương pháp triển khai DDCI Thái Bình năm 2024

- Quy trình triển khai DDCI Thái Bình năm 2024

Quy trình triển khai DDCI Thái Bình được chia thành bốn bước chính như sau:

**Bước 1: Xây dựng phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra:** Việc xây dựng, hoàn thiện phương pháp luận chỉ số DDCI Thái Bình sẽ dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, dựa trên nghiên cứu, đánh giá các chỉ tiêu của chỉ số PCI, rà soát các mô hình đánh giá DDCI của các tỉnh, thành phố và trên cơ sở thực tiễn địa phương.

Việc xây dựng, hiệu chỉnh Phương pháp luận chỉ số DDCI Thái Bình sẽ đồng thời với việc xây dựng, hiệu chỉnh lại các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

**Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN/HTX/HKD):** DDCI Thái Bình khảo sát các DN/HTX/HKD thông qua khảo sát trực tuyến và trực tiếp. Các phiếu thu về được

rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó sẽ được làm sạch, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

**Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng:** Đơn vị tư vấn thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát DDCI Thái Bình, tính toán điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt về DDCI Thái Bình.

**Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DDCI:** Sau khi báo cáo kết quả DDCI được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức công bố DDCI và thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DDCI Thái Bình trên môi trường Internet.

- **Đối tượng tham gia khảo sát**

*Đối với Khối Sở, ban, ngành*

- Đối tượng trả lời phiếu khảo sát Bộ Chỉ số DDCI chủ yếu là các doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong một số trường hợp, một số hộ kinh doanh có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát Bộ Chỉ số DDCI khi thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện các thủ tục hành chính đối với các sở, ban, ngành theo cách thức như sau:

+ Được chỉ định đánh giá tối thiểu 01 đến 02 sở, ban, ngành có sự tương tác, thực hiện thủ tục hành chính và hiểu biết về đơn vị được đánh giá. Việc xác định số lượng tối thiểu sở, ban, ngành được thực hiện trong quá trình tập hợp dữ liệu doanh nghiệp và xây dựng mẫu điều tra để đảm bảo tính khoa học, tính đại diện và phù hợp với số lượng, mức độ tương tác đối với các sở, ban, ngành.

+ Sở, ban, ngành được lựa chọn để đánh giá phải nằm trong danh sách mẫu đã được Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cùng Đơn vị tư vấn phối hợp xây dựng và xác định.

+ Được đánh giá thêm từ 01 đến 02 sở, ban, ngành (nếu có nhu cầu) dựa trên cơ sở có sự tương tác, tiếp xúc hoặc thực hiện thủ tục hành chính và hiểu biết về đơn vị được đánh giá.

*Đối với Khối Ủy ban nhân dân huyện, thành phố*

- Đối tượng trả lời phiếu khảo sát Bộ Chỉ số DDCI chủ yếu các hợp tác xã, hội kinh doanh; đối với các doanh nghiệp có đăng ký hoặc hoạt động ở các huyện, thành phố có tương tác, tiếp xúc với chính quyền địa phương cũng được lựa chọn trả lời phiếu khảo sát Bộ Chỉ số DDCI Khối Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo cách thức sau:

+ 01 hợp tác xã, hộ kinh doanh chỉ đánh giá 1 huyện, thành phố.

+ Doanh nghiệp nếu tham gia đánh giá đối với huyện, thành phố có thể đánh giá địa phương nơi mình đặt trụ sở chính và thêm địa phương nơi mình đặt cơ sở sản xuất kinh doanh, nhà máy (nếu có).

*Đánh giá của cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh, cơ quan Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, các Hội thành viên Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh.*

- Cơ quan Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Cơ quan Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh với vai trò là cơ quan đại diện cho cộng đồng các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên

địa bàn tỉnh được đánh giá tất cả các sở, ban, ngành và địa phương mà cơ quan có đủ hiểu biết và tương tác.

- Các cơ quan Hội thành viên của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh sẽ đánh giá các sở, ban, ngành mà đơn vị có đủ hiểu biết, tương tác và 01 địa phương thuộc phạm vi hoạt động chính của mình.

- **Đối tượng đánh giá**

*Khối Sở, ban, ngành:*

Đánh giá 21 cơ quan, bao gồm:

(i) Khối sở, ban, ngành của tỉnh (gồm 15 đơn vị): (1) Sở Giao thông Vận tải, (2) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (5) Sở Tư pháp, (6) Sở Xây dựng, (7) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (8) Sở Khoa học và Công nghệ, (9) Sở Công Thương, (10) Sở Y tế, (11) Sở Giáo dục và Đào tạo, (12) Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, (13) Sở Thông tin và Truyền thông, (14) Sở Tài chính, (15) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

(ii) Khối Cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (gồm 6 đơn vị): (1) Chi cục Hải quan Thái Bình, (2) Bảo hiểm Xã hội tỉnh, (3) Cục Thuế tỉnh, (4) Công an tỉnh, (5) Ngân hàng nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh, (6) Cục Quản lý thị trường tỉnh.

*Khối Ủy ban nhân dân các huyện/thành phố:*

Đánh giá 08 đơn vị, bao gồm:

(1) Thành phố Thái Bình, (2) Huyện Đông Hưng, (3) Huyện Hưng Hà, (4) Huyện Kiến Xương, (5) Huyện Quỳnh Phụ, (6) Huyện Tiền Hải, (7) Huyện Thái Thụy, (8) Huyện Vũ Thư.

*Đối với một số cơ quan, đơn vị có tính chất đặc thù, vẫn được xem xét, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ công có liên quan đến doanh nghiệp, công tác quản trị kinh tế, quản trị công, sự hài lòng của doanh nghiệp.*

- **Cách thức tiếp cận điều tra**

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các các DN, HTX, HKD theo danh sách mẫu đã được lựa chọn là phương pháp điều tra chính và chủ yếu trong điều tra DDCI Thái Bình. Nhóm đối tượng chủ yếu của phương pháp khảo sát trực tiếp là các DN/HTX/HKD ở phiếu khảo sát cấp địa phương và phiếu khối sở ban ngành.

- **Thời gian lấy thông tin điều tra**

Thời gian lấy thông tin điều tra khảo sát: Trong khoảng từ 01/07/2023 đến 30/06/2024.

Thời hiệu của các thông tin, dữ liệu về cảm nhận, chấm điểm của DN/HTX/HKD đối với các nội dung được khảo sát là đối với năm 2024.

Thời gian điều tra khảo sát: Trong khoảng từ tháng 30/9/2024 - 31/10/2024.

## **1.4. Phương pháp chọn mẫu**

Các doanh nghiệp có hiểu biết, tương tác với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; cụ thể như sau: (i) thực hiện thủ tục hành chính, (ii) tham gia cung ứng dịch vụ,

đấu thầu; (iii) tham gia các hoạt động đối thoại, (iv) tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp...

Mẫu khảo sát (đối tượng khảo sát) được chọn ngẫu nhiên từ Danh sách các doanh nghiệp đến làm việc, thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính hoặc thủ tục phối hợp tham gia ý kiến theo cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính hoặc các thủ tục hành chính chưa đưa ra thực hiện ở Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh có liên quan đến doanh nghiệp trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị và các tương tác khác với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong khoảng thời gian từ ngày 1/7/2023 đến ngày 30/6/2024 (Danh sách cung cấp đầy đủ thông tin theo mẫu yêu cầu), gồm danh sách các doanh nghiệp đang hoạt động theo danh sách cung cấp của: (i) Cục Thuế tỉnh; (ii) Cục Thống kê tỉnh; (iii) Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh; (iv) Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện; (v) Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các Hội thành viên của Hiệp hội.

Việc chọn mẫu sẽ thực hiện theo các bước như sau:

*Bước 1:* Tổng hợp, rà soát và xác minh lại danh sách mẫu dữ liệu từ các đầu mối cung cấp; tiến hành loại bỏ các mẫu trùng lặp và bổ sung đầy đủ thông tin danh sách mẫu theo quy định.

*Bước 2:* Dựa trên số lượng mẫu tổng thể được tổng hợp, tiến hành xây dựng khung chọn mẫu bằng cách tính toán tỉ lệ và số lượng phân bổ mẫu dự kiến cho 2 phiếu khảo sát Bộ Chỉ số DDCI (phiếu A và B).

*Bước 3:* Tiến hành chọn mẫu theo tỷ lệ đảm bảo các nguyên tắc cơ bản như có ý nghĩa thống kê (số doanh nghiệp đạt được mức tối thiểu đối với từng đơn vị) và phù hợp với tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính hoặc đang hoạt động ở địa phương.

Trong quá trình chọn mẫu này, đơn vị tư vấn đồng thời xây dựng một số lượng mẫu dự phòng để thay thế trong trường hợp không thể liên lạc được DN/HTX/HKD hoặc DN/HTX/HKD không hợp tác trả lời phiếu khảo sát.

Cụ thể, phương pháp chọn mẫu cho từng bộ phiếu như sau:

- **Chọn mẫu điều tra đối với phiếu DDCI cấp Sở, ban, ngành**

Sử dụng phương pháp chọn mẫu theo tỉ lệ doanh nghiệp có tương tác với sở, ban, ngành (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó). Đối với một số sở, ban, ngành có ít doanh nghiệp tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước theo danh sách đã cung cấp nhưng phải đảm bảo đủ tỷ lệ để thực hiện khảo sát, đánh giá theo yêu cầu như sau:

+ Việc chọn mẫu khảo sát sẽ đảm bảo mỗi sở, ban, ngành thực hiện các lĩnh vực quản lý nhà nước/dịch vụ công phải có số phiếu trả lời đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định về khoa học thống kê áp dụng đối với các cuộc điều tra khảo sát.

+ Đối với các sở, ban, ngành có số lượng tương tác ít hơn 30 mẫu, thì sẽ đánh giá toàn bộ các doanh nghiệp có tiếp xúc, tương tác hoặc thực hiện thủ tục hành chính và sử dụng dịch vụ công với sở, ban, ngành đó. Trường hợp không đạt yêu cầu nêu trên thì tùy theo điều kiện thực tế Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh (đơn vị chủ trì khảo sát) có trách nhiệm báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh phương án xử lý để xem xét, quyết định.

- **Chọn mẫu điều tra đối với phiếu DDCI cấp địa phương**



Sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng đồng tỉ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh. Tỉ lệ này được tính toán dựa trên tỉ lệ số doanh nghiệp ở địa phương đó trên tổng số doanh nghiệp của tỉnh; tại các địa phương có số lượng doanh nghiệp không đồng nhất sẽ lấy tỷ lệ phiếu khảo sát đảm bảo tính tương xứng, đại diện của mẫu điều tra khảo sát cho từng địa phương.

### 1.5. Hệ thống chỉ số thành phần trong DDCI Thái Bình năm 2024

**(1) Thực hiện thủ tục hành chính, cấp phép gia nhập thị trường:** Chỉ số này đánh giá mức độ thuận lợi khi làm việc, tương tác với các cơ quan; thực hiện các thủ tục giấy tờ ở các cơ quan, các thủ tục hành chính mà các doanh nghiệp thực hiện trong quá trình hoạt động như: thủ tục đăng kí kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng kí lao động, thuế, bảo hiểm xã hội, cấp phép về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện... và các dịch vụ công và các thủ tục khác ở các sở, ban, ngành và địa phương.

**(2) Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin:** Chỉ số này đánh giá khả năng, sự dễ dàng khi doanh nghiệp có thể tiếp cận những thông tin cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mức độ hữu dụng của ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp thông tin tới các đối tượng kinh doanh.

**(3) Tính năng động và tiên phong của các cơ quan chính quyền:** Chỉ số này tập trung vào các vấn đề như sự năng động, sáng tạo, tính tiên phong, chủ động, tích cực của lãnh đạo và các cơ quan chính quyền trong thực hiện các quy định chính sách của pháp luật và hiệu quả trong giải quyết các vướng mắc, khó khăn để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp.

**(4) Chi phí thời gian:** Chỉ số này đo lường thời gian mà các doanh nghiệp phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính và tuân thủ các quy định pháp luật trong quá trình sản xuất, kinh doanh; cụ thể được đo lường bằng thời gian thực hiện thủ tục hành chính hoặc quy định của pháp luật hoặc bằng thời gian doanh nghiệp phải dành cho việc tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý.

**(5) Chi phí không chính thức:** Chỉ số này đánh giá về phạm vi và mức độ của các khoản chi phí không chính thức mà các doanh nghiệp phải bỏ ra khi thực hiện các thủ tục hành chính, khi thực hiện các quy định pháp luật hoặc trong quá trình tương tác với các cơ quan chính quyền trong quá trình sản xuất kinh doanh.

**(6) Cạnh tranh bình đẳng:** Chỉ số này đề cập đến sự đối xử công bằng giữa các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh khi gia nhập thị trường; khi tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh; khi tiếp cận các chương trình, chính sách hỗ trợ; thể hiện sự phân biệt đối xử giữa các đối tượng kinh doanh với nhau theo hình thức sở hữu; theo quy mô của cơ sở sản xuất, kinh doanh hay theo mức độ thân hữu với cơ quan chính quyền (ví dụ giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp FDI với các cơ sở kinh doanh thuộc khu vực tư nhân, giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ...).

**(7) Hỗ trợ sản xuất, kinh doanh:** Chỉ số này tập trung đến các lĩnh vực thuộc chức năng của các Sở, ban, ngành và địa phương trong việc thu hút đầu tư, tạo điều kiện giúp các cơ sở sản xuất, kinh doanh phát triển tốt nhất và đo lường mức độ hiệu quả của các chương trình hỗ trợ, xúc tiến đầu tư; các chương trình, chính sách hỗ trợ có tác động tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

**(8) Hiệu lực thiết chế:** Chỉ số này đánh giá kết quả các hoạt động của các sở, ban, ngành và địa phương để đưa các quy định pháp luật, cơ chế, chính sách trong lĩnh vực, phạm vi quản lý áp dụng trong thực tế trên các khía cạnh: tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn; kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật; giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của doanh nghiệp.

Riêng Khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố cần đánh giá thêm công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong việc bảo môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các trường hợp gây những nhiễu, phiền hà cho các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh. (Chỉ số thành phần cấp địa phương: Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự)

**(9) Tiếp cận đất đai:** Chỉ số này chỉ áp dụng đối với Khối UBND huyện, thành phố. Chỉ số này đánh giá hiệu quả của chính quyền địa phương trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi, thẩm quyền của mình nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận tới mặt bằng sản xuất kinh doanh, đất đai và đảm bảo tính ổn định, yên tâm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

**(10) Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững:** Không đưa vào bảng xếp hạng Bộ Chỉ số DDCI năm 2024. Chỉ số này đánh giá hiệu quả của chính quyền địa phương và các sở, ban, ngành trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trong phạm vi, thẩm quyền của mình nhằm nâng cao nhận thức của doanh nghiệp; khuyến khích hành động, việc tuân thủ quy định pháp luật của doanh nghiệp, lồng ghép các nội dung về tăng trưởng xanh, bền vững trong các hoạt động chính của mình nhằm bảo vệ môi trường, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững; đồng thời thể hiện vai trò tích cực, tiên phong của đơn vị, địa phương mình trong lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

## 1.6. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024

DDCI Thái Bình năm 2024 tiếp tục đánh giá năng lực quản lý, điều hành của 2 nhóm: Sở, ban, ngành và địa phương. Khảo sát năm 2024 nhận được sự quan tâm của các đơn vị với số lượng phiếu thu về 2368 phiếu, trong đó có 1518 phiếu Sở, ban, ngành và 850 phiếu địa phương.

**Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI Thái Bình cấp Sở, ban, ngành năm 2024**

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Bảo hiểm xã hội	187	12,32%
Thuế	153	10,08%
Kế hoạch và Đầu tư	146	9,62%
Giao thông vận tải	95	6,26%
Tài nguyên môi trường	91	5,99%
Công thương	86	5,67%

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Y tế	82	5,40%
Quản lý thị trường	80	5,27%
Quản lý KCN, KKT	66	4,35%
Phòng cháy chữa cháy	63	4,15%
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	62	4,08%
Hải quan	61	4,02%
Xây dựng	54	3,56%
Lao động, thương binh, xã hội	49	3,23%
Ngân hàng, tín dụng	48	3,16%
Tài chính	39	2,57%
Văn hóa, thể thao, du lịch	36	2,37%
Khoa học, công nghệ	32	2,11%
Tư pháp	31	2,04%
Thông tin, truyền thông, viễn thông	29	1,91%
Giáo dục, đào tạo	28	1,84%
<b>Tổng</b>	<b>1518</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

**Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI Thái Bình cấp Địa phương năm 2024**

Địa phương	Số phiếu	Tỉ lệ %
Thành phố Thái Bình	146	17,18%
Huyện Đông Hưng	123	14,47%
Huyện Thái Thụy	111	13,06%

Địa phương	Số phiếu	Tỉ lệ %
Huyện Hưng Hà	110	12,94%
Huyện Quỳnh Phụ	96	11,29%
Huyện Kiến Xương	91	10,71%
Huyện Tiền Hải	90	10,59%
Huyện Vũ Thư	83	9,76%
<b>Tổng</b>	<b>850</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

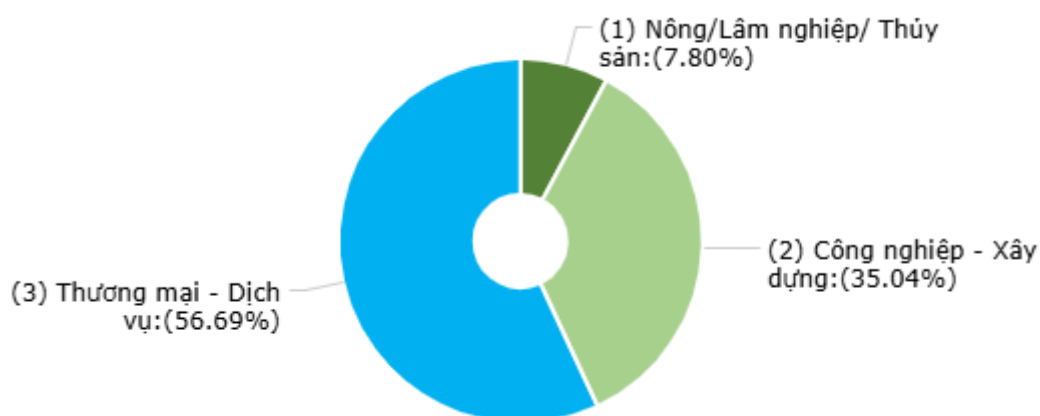
### 1.7. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024

- Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024 cấp Sở, ban, ngành

DDCI Thái Bình cấp Sở, ban, ngành được tổng hợp từ 1518 DN/HTX. Trong đó, phần lớn là các DN tham gia chiếm 71,85%, HKD là 14,78%, 7,29% là các HTX và 6,08% còn lại là các tổ hợp tác và một số ít Hiệp hội tham gia khảo sát. Trong đó, DN khối ngoài nhà nước chiếm phần lớn với 60,59%, DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 8,16%, DN có vốn nhà nước chiếm 3,10%.

Theo giới tính, chủ DN/HTX tham gia khảo sát DDCI phần lớn là do nam giới làm chủ, chiếm 73,74%, gấp khoảng 3 lần so với tỉ lệ 25,86% DN/HTX do nữ giới làm chủ.

**Biểu đồ 1.1. Tỉ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Theo lĩnh vực ngành nghề, thương mại - dịch vụ vẫn là ngành nghề kinh doanh chiếm tỉ trọng lớn nhất trong phân phối mẫu (56,69%), tiếp theo là ngành công nghiệp - xây dựng (35,04%) và nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 7,80%. Tỉ lệ này cũng khá tương đồng với cơ cấu ngành nghề của tỉnh.

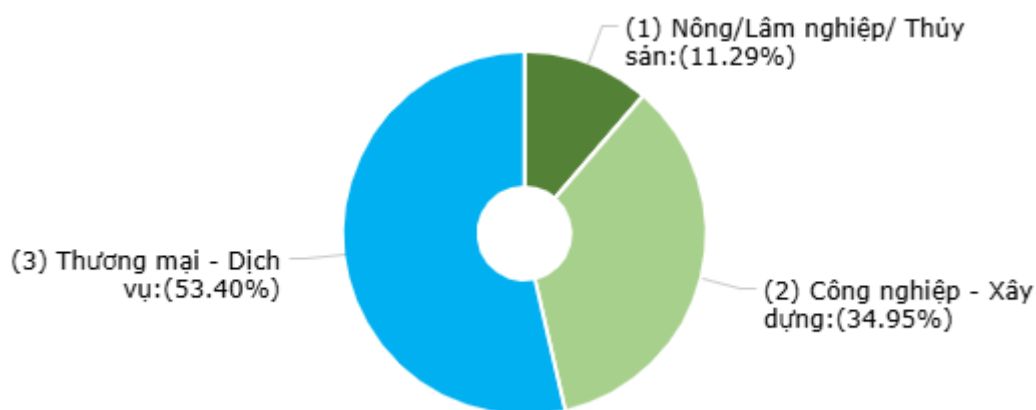
Xét theo thời gian thành lập, các DN/HTX tham gia khảo sát được thành lập trong khoảng 2-5 năm gần đây chiếm 17,24%, từ 6-10 năm là 20,91% và cách đây trên 10 năm là 46,60%. Tỷ lệ DN/HTX mới được thành lập trong vòng 2 năm gần đây là 14,38%.

- **Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024 cấp Địa phương**

DDCI cấp địa phương năm 2024 đã khảo sát 850 cơ sở SXKD, chủ yếu là HKD chiếm 49,16%, một số ít là DN/HTX từ 8 địa phương trên địa bàn tỉnh. Trong đó, chiếm phần lớn là các HKD hoạt động kinh doanh trên 10 năm (44,22%), HKD hoạt động trong khoảng 6-10 năm là 22,77%, HKD hoạt động trong khoảng 2-5 năm là 14,46%, còn lại 18,55% HKD mới thành lập dưới 2 năm.

Xét theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm tỷ lệ lớn trong mẫu điều tra là các HKD trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, chiếm tới 53,40%, tiếp theo là các HKD trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng 34,95%, các HKD trong lĩnh vực nông/lâm nghiệp/thủy sản chiếm 11,29%.

**Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

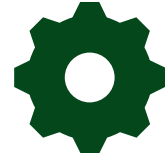




# CHƯƠNG II

Cảm nhận chung về môi trường đầu tư kinh doanh

**DDCI**  
THÁI BÌNH

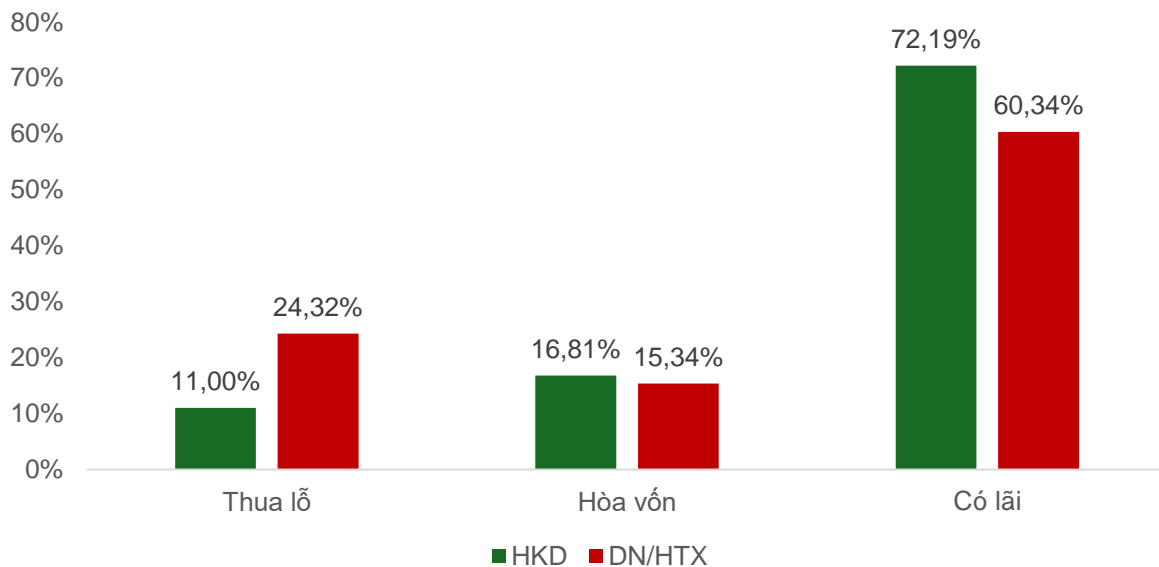


## CHƯƠNG II. CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

### 2.1. Tình hình kinh doanh

Bức tranh kinh doanh của cộng đồng sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh đan xen nhiều gam màu sáng tối. Khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024 có những tín hiệu tích cực khi phần lớn các DN, HTX, HKD kinh doanh có lãi. Cụ thể, đối với khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành, 60,34% DN/HTX hoạt động có lãi, khảo sát DDCI cấp địa phương có 72,19% HKD kinh doanh có lãi. Tỷ lệ hòa vốn của DN, HTX, HKD cũng chiếm tỷ lệ tương đối với 15,34% DN/HTX và 16,81% HKD. Tỷ lệ thua lỗ giữ ở mức thấp với 11% ở nhóm HKD và tương đối cao 24,32% ở nhóm DN/HTX. Những con số này cho thấy nền kinh tế giai đoạn hậu Covid-19 tiếp tục còn nhiều thách thức và tốc độ tăng trưởng của DN, HTX, HKD còn chậm.

**Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN, HTX, HKD**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

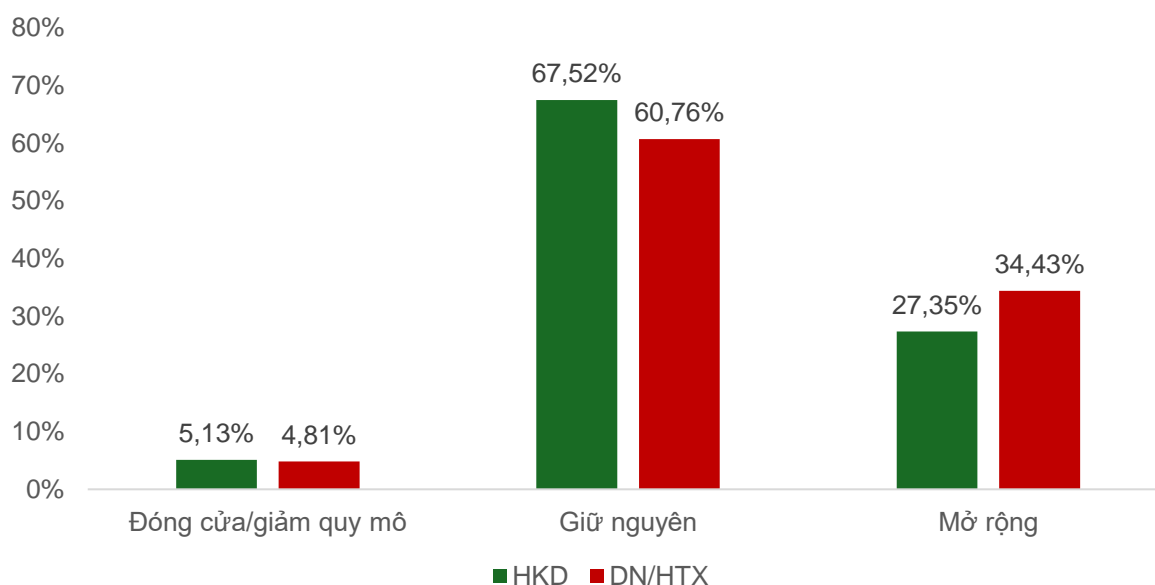
### 2.2. Triển vọng kinh doanh

Mức độ lạc quan và niềm tin của cộng đồng DN, HTX, HKD thể hiện qua đánh giá về triển vọng kinh doanh. Kết quả khảo sát DDCI Thái Bình 2024 cho thấy chỉ 4,81% DN/HTX và 5,13% HKD sẽ giảm quy mô hoặc đóng cửa. Trong cả hai nhóm DN/HTX và HKD, phần lớn các DN, HTX, HKD vẫn lựa chọn thận trọng giữ nguyên quy mô kinh doanh như hiện tại, cụ thể là 60,76% DN/HTX và 67,52% HKD. Tỷ lệ mở rộng quy mô ở nhóm DN/HTX là 34,43%, ở

nhóm HKD là 27,35%, cho thấy những điểm sáng trong bức tranh kinh tế có phần “ảm đạm” năm 2024.

Như vậy, kể từ sau đại dịch Covid-19, nền kinh tế tuy được kì vọng sẽ phục hồi nhưng những tác động từ suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng không ít đến mức tăng trưởng chung của DN, HTX, HKD, dự báo nhiều thách thức mà DN, HTX, HKD sẽ đối mặt trong thời gian tới.

**Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của DN, HTX, HKD**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

### 2.3. Đánh giá chung về môi trường đầu tư, kinh doanh

Đánh giá chung về môi trường đầu tư, kinh doanh, phần lớn các DN, HTX, HKD đều đồng ý cho rằng môi trường được cải thiện hơn và chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan cũng được nâng cao. Cụ thể, 67,16% DN/HKD và 81% HKD cho rằng chất lượng quản lý về kinh tế của chính quyền địa phương hoặc sở, ban, ngành có cải thiện. Bên cạnh việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội, các Sở, ban, ngành và địa phương cũng đã dành sự quan tâm nhất định đến các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm và bảo tồn các giá trị lịch sử, truyền thống. Theo đó, 72,07% DN/HTX và 81% HKD đồng ý với nhận định chính quyền địa phương hoặc Sở, ban, ngành có quan tâm và đặc biệt quan tâm đến các lĩnh vực phát triển bền vững, bao trùm trong các hoạt động quản lý và điều hành kinh tế. Các phản hồi tích cực này là minh chứng cho cam kết của tỉnh trong việc thúc đẩy môi trường kinh doanh, đầu tư thông thoáng, minh bạch đã được ghi nhận, song vẫn còn một chặng đường dài để thực hiện thành công các mục tiêu phát triển xanh, bền vững.



# CHƯƠNG III

Kết quả DDCI cấp Sở ban ngành

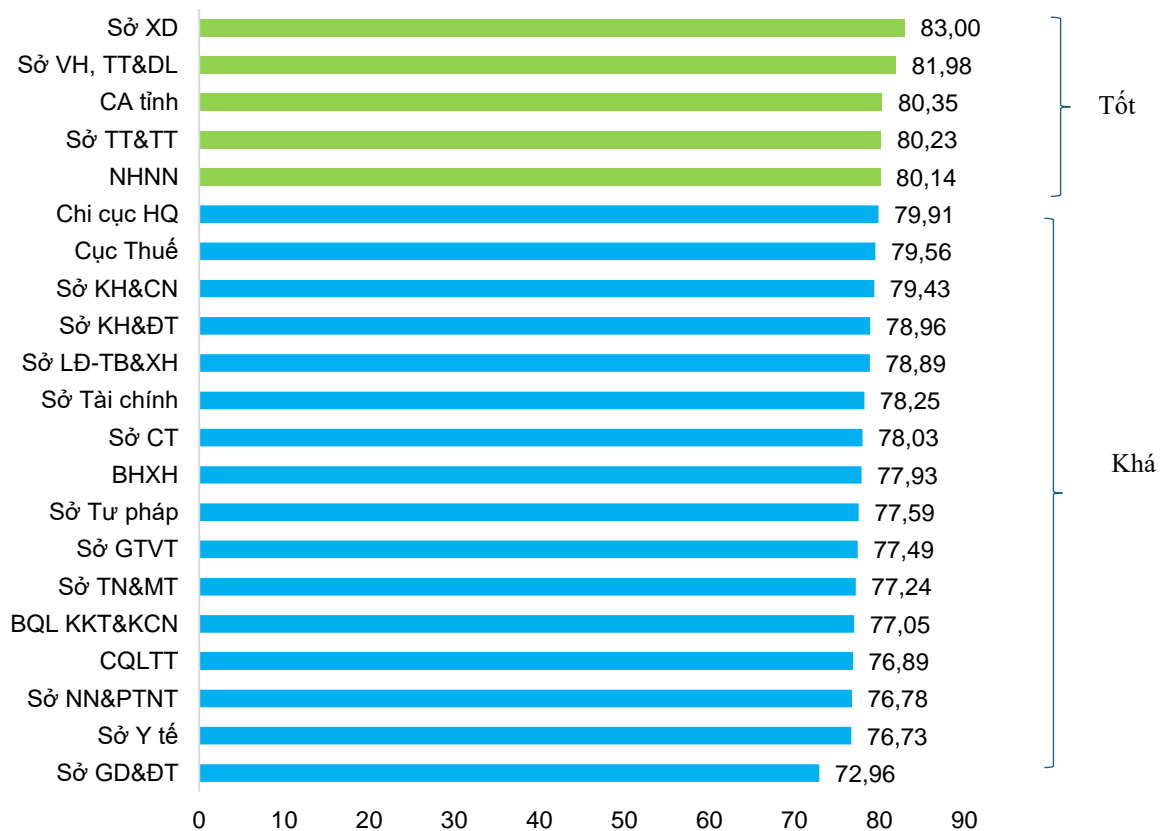




## CHƯƠNG III. KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ BAN NGÀNH

### 3.1. Kết quả và điểm số

**Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành tỉnh Thái Bình năm 2024**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Kết quả chỉ số năng lực cạnh tranh Sở, ban, ngành Thái Bình được tổng hợp từ điểm số của 8 chỉ số thành phần (CSTP). Điểm số của mỗi CSTP lại được tổng hợp từ hệ thống các chỉ tiêu. Điểm số của các CSTP và các chỉ tiêu cũng được chuẩn hóa trên thang điểm 10. Sau đó điểm số DDCI Sở, ban, ngành sẽ tiếp tục được quy chuẩn theo thang điểm 100 để thuận lợi cho việc xếp hạng cũng như thấy rõ được sự cạnh tranh của các Sở, ban, ngành được đánh giá. Biểu đồ 3.1 thể hiện điểm số và xếp hạng của các Sở, ban, ngành trên thang điểm 100.

Điểm số DDCI trung bình cấp Sở, ban, ngành năm 2024 đạt 79,03 điểm. Đánh giá của cộng đồng DN/HTX dành cho các Sở, ban, ngành chủ yếu ở mức điểm khá (trong khoảng từ 70 - dưới 80 điểm). Điểm số này một mặt cho thấy các Sở, ban, ngành tại Thái Bình đang nỗ lực



tiếp cận lên mức điểm tốt (trên 80 điểm), song thực tế vẫn còn nhiều rào cản, khó khăn, khiến cho môi trường kinh doanh chung tại tỉnh đã được cải thiện trong những năm vừa qua nhưng chưa đủ đáp ứng kỳ vọng của các DN/HTX. Cụ thể:

- Nhóm điểm số tốt là các cơ quan có điểm số trên 80 điểm, dẫn đầu bảng xếp hạng DDCI cấp Sở, ban, ngành gồm: Sở Xây dựng, Sở VH, TT&DL, Công an tỉnh, Sở TT&TT, NHNN.

Sở Xây dựng dẫn đầu bảng xếp hạng với 83,00 điểm. Sở Xây dựng được đánh giá cao ở một số chỉ số thành phần như chỉ số chi phí không chính thức, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường, tính minh bạch và ứng dụng CNTT, tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành và hiệu lực thiết chế (đều đạt nhóm điểm tốt, trên 8 điểm). Năm 2024, Sở Xây dựng triển khai nhiều đề án chuyển đổi số, cắt giảm tối thiểu 40% thời gian giải quyết, một số thủ tục cắt giảm tới 65%, 100% TTHC được giải quyết đúng hạn và trước hạn.

Sở VH, TT&DL xếp ở vị trí thứ 2 với 81,98 điểm. Sở VH, TT&DL có kết quả điểm số cao ở các chỉ số về chi phí không chính thức, thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường, tính minh bạch và ứng dụng CNTT, hiệu lực thiết chế. Tiếp theo là Công an tỉnh, Sở TT&TT và NHNN cũng thuộc nhóm điểm tốt trên 80 điểm.

- Nhóm điểm số khá là các cơ quan có điểm số từ 70 đến dưới 80 điểm, gồm 16 Sở, ban, ngành còn lại.

3 cơ quan đạt mức điểm 79 điểm là Chi cục Hải quan, Cục Thuế tỉnh và Sở KH&CN. Tiếp theo là 4 cơ quan đạt mức điểm 78 điểm gồm Sở KH&ĐT, Sở LĐ-TB&XH, Sở Tài chính và Sở Công Thương. 8 cơ quan nằm trong mức điểm từ 76 – 77 điểm và Sở GD&ĐT với 72,96 điểm ở cuối bảng xếp hạng.

Điểm số năm 2024 của các Sở, ban, ngành cho thấy sự bám đuổi sát sao với khoảng cách điểm số không quá lớn, nhất là ở nhóm điểm khá ở giữa bảng xếp hạng trong mức điểm 76-79 điểm. Khoảng cách giữa cơ quan ở vị trí thứ nhất và cơ quan đứng cuối bảng xếp hạng là 10,04 điểm, là mức điểm có khả năng thu hẹp trong thời gian tới khi các cơ quan ở nhóm cuối nỗ lực cải thiện để bắt kịp các cơ quan ở nhóm trên.

Xét về các chỉ số thành phần, chỉ số thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường, chi phí không chính thức, tính minh bạch và ứng dụng CNTT, hiệu lực thiết chế và tính năng động và tiên phong là các chỉ số được đánh giá tích cực nhất trong năm 2024, đạt trên 7,6 điểm. Tuy nhiên, vẫn còn một số chỉ số cần cải thiện trong thời gian tới như hỗ trợ SXKD, cạnh tranh bình đẳng và chi phí thời gian. Đây cũng là các chỉ số thành phần có kết quả thấp nhất trong 8 CSTP.

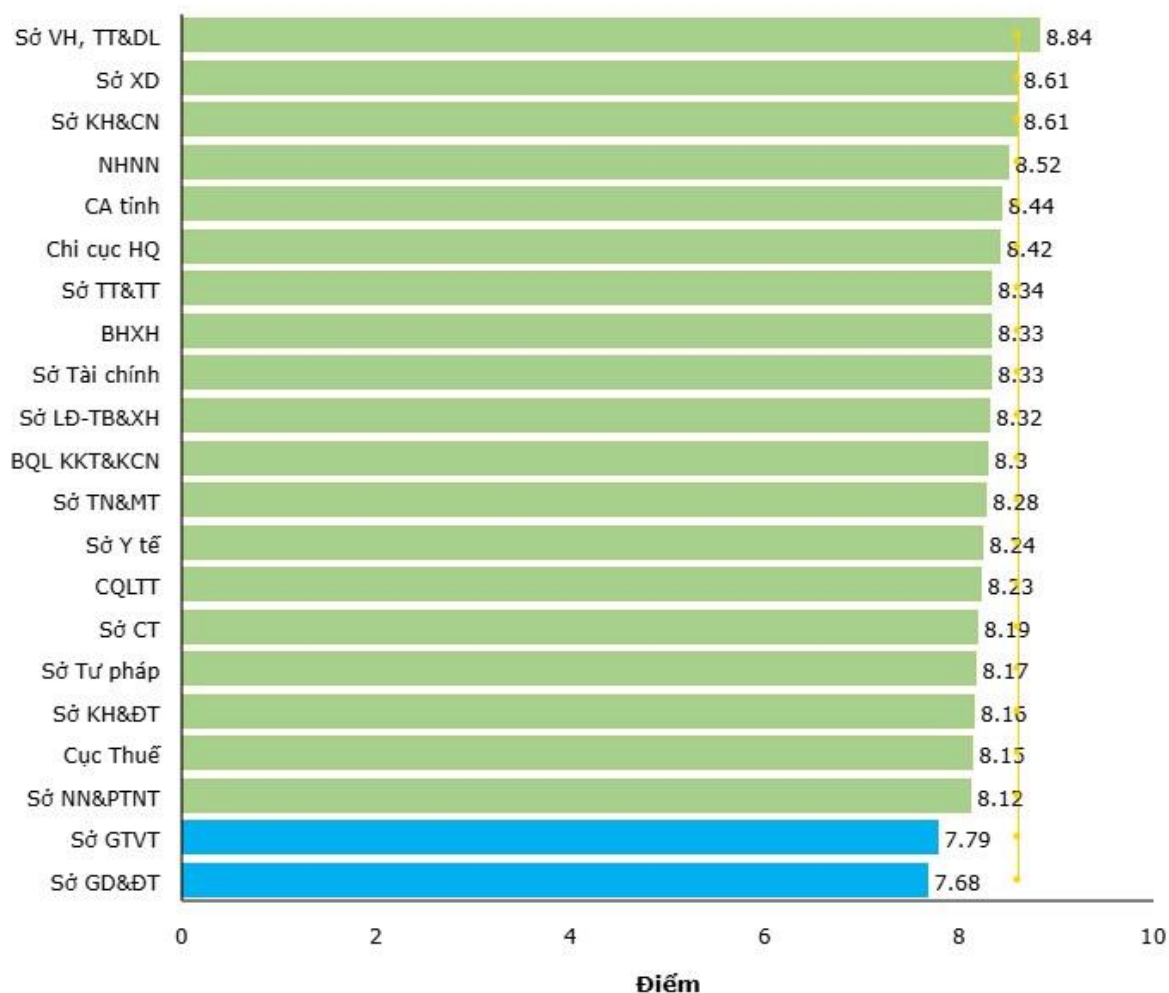
## **3.2. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần**

### **3.2.1. Thực hiện TTHC và cấp phép gia nhập thị trường**

Chỉ số thực hiện TTHC đánh giá mức độ thuận lợi khi làm việc, tương tác với các cơ quan; thực hiện các thủ tục giấy tờ ở các cơ quan, các thủ tục hành chính mà các doanh nghiệp thực hiện trong quá trình hoạt động như: thủ tục đăng ký kinh doanh, thủ tục đầu tư, thủ tục đăng ký lao động, thuế, bảo hiểm xã hội, cấp phép về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, môi trường, cấp phép đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện... và các dịch vụ công và các thủ tục khác ở các sở, ban, ngành... Kết quả khảo sát DDCI năm 2024 cho thấy đây là chỉ số có mức điểm tương đối tích cực khi các Sở, ban, ngành đều có mức điểm tương

đối tốt. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 8,7 điểm. Phần lớn các cơ quan đều đạt mức điểm tốt trên 8 điểm trở lên, với Sở VH, TT&DL, Sở Xây dựng và Sở KH&CN có mức điểm cao nhất. 2 cơ quan có mức điểm khá dưới 8 điểm là Sở GTVT và Sở GD&ĐT. Điều này cho thấy các cơ quan đã được các DN/HTX ghi nhận những nỗ lực trong cải cách hành chính, cắt giảm và đơn giản hóa TTHC.

**Biểu đồ 3.2. Điểm số CSTP thực hiện TTHC và cấp phép gia nhập thị trường**

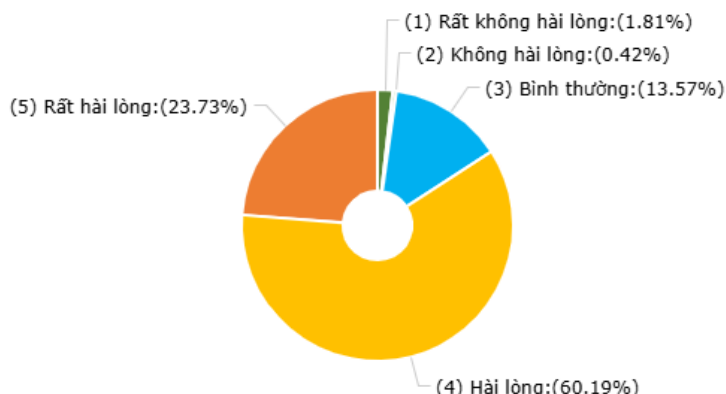


*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Phân tích sâu các chỉ tiêu, các khía cạnh trong quá trình làm việc được DN/HTX đánh giá tốt trong năm 2023 ở các Sở, ban, ngành là: Chất lượng hướng dẫn về trình tự, hồ sơ TTHC/ làm việc và tổ chức thực hiện TTHC/ làm việc; thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ. Điểm số các chỉ tiêu này đều ở mức điểm tốt trên 8,1 điểm. Hơn 80% DN/HTX hài lòng về thực hiện TTHC đúng quy định và thái độ phục vụ ở các cơ quan.

Các khía cạnh cần cải thiện trong thời gian tới chính là chất lượng hướng dẫn, chuyên môn giải quyết công việc thực hiện hồ sơ và thời gian xử lý hồ sơ. Theo dữ liệu DDCI 2024, các lĩnh vực mà DN/HTX đánh giá cần cải thiện trong việc thực hiện TTHC, cấp phép gia nhập thị trường, giảm ảnh hưởng đến kế hoạch kinh doanh của DN/HTX là Sở GTVT, Sở NN&PTNT và Sở KH&ĐT.

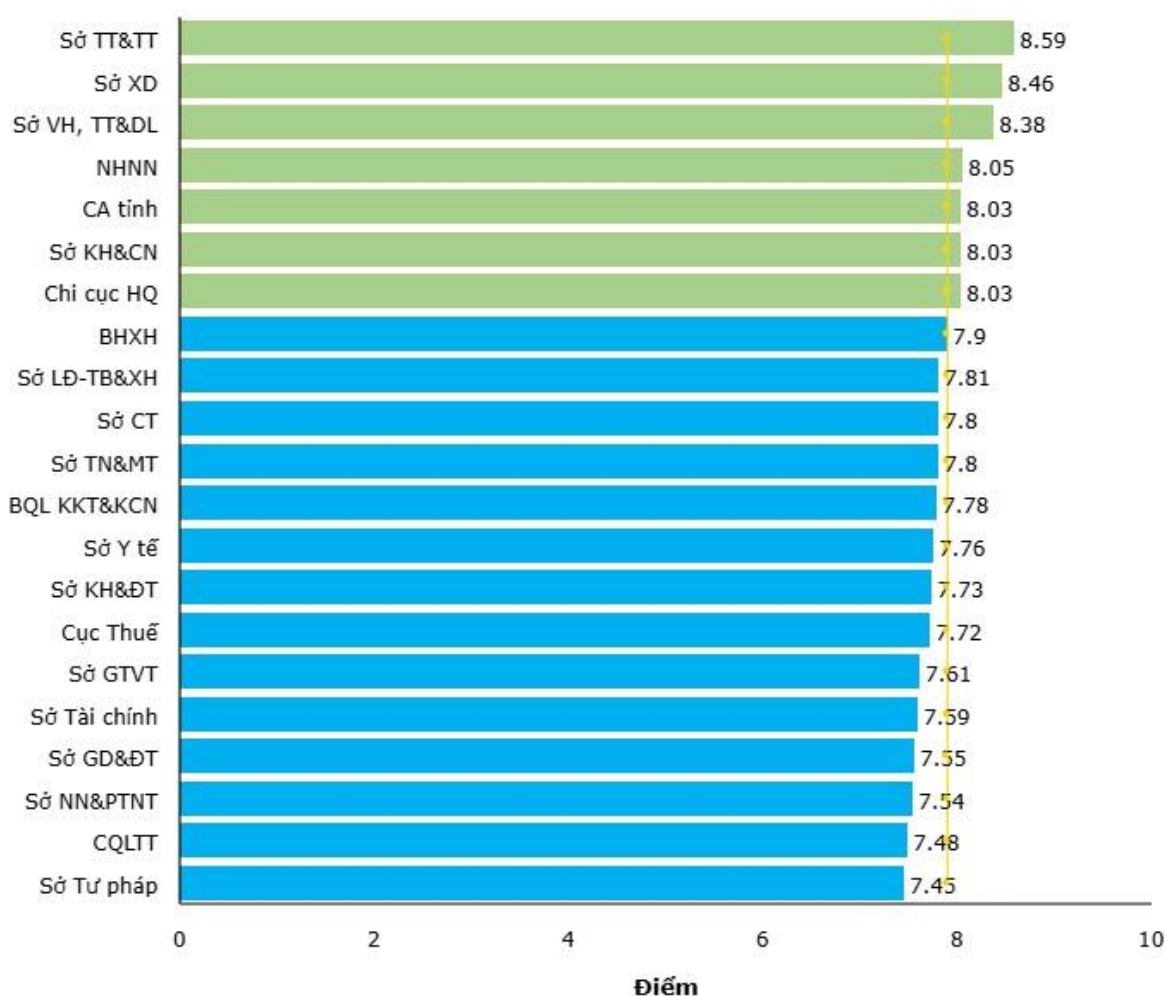
**Biểu đồ 3.3. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá về chất lượng hướng dẫn trình tự, hồ sơ TT&HC, công việc**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

### 3.2.2. Tính minh bạch và ứng dụng CNTT

**Biểu đồ 3.4. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT**

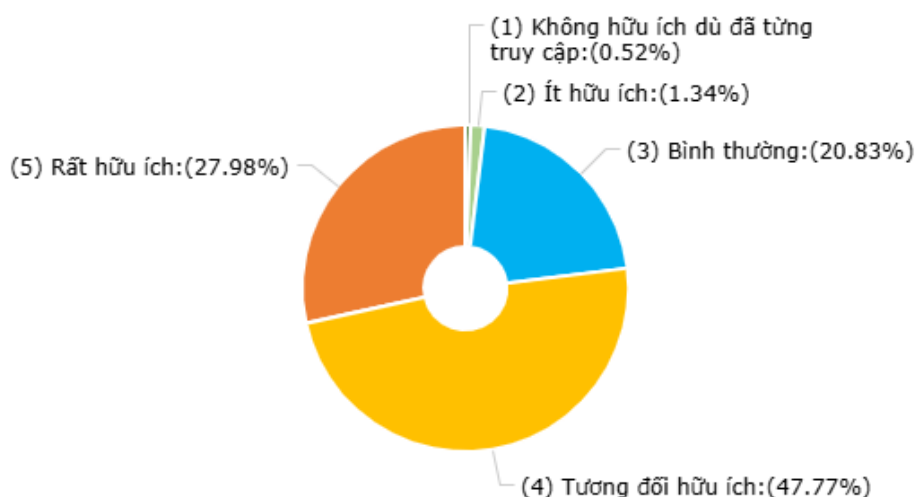


Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Kết quả khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024 cho thấy chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT là chỉ số được đánh giá tương đối tích cực trong 8 CSTP. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 7,86 điểm, xếp thứ 3/8 CSTP. Sở TT&TT, Sở Xây dựng, Sở VH, TT&DL, NHNN, Công an tỉnh, Sở KH&CN và Chi cục HQ dẫn đầu bảng xếp hạng về tính minh bạch và ứng dụng CNTT, thể hiện tốt vai trò của mình trong việc thúc đẩy minh bạch thông tin, truyền thông tới các DN/HTX, công khai văn bản, và tăng cường ứng dụng công nghệ trong giải quyết TTHC có liên quan. Ở chiều ngược lại, Cục QLTT và Sở Tư pháp cần quan tâm nhiều hơn đến việc đẩy mạnh tính minh bạch thông tin, khi điểm số của các cơ quan này đang ở nhóm cuối bảng xếp hạng.

Đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu của CSTP, có thể thấy các chỉ tiêu có sự đan xen nhiều sắc thái tích cực và tiêu cực. Đánh giá về mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách mới, đa số DN/HTX (74,57%) đánh giá tiếp cận khá dễ dàng, 24,57% DN/HTX tiếp cận bình thường. Tỷ lệ khó tiếp cận hoặc không tiếp cận khá thấp, khoảng 1%. Điểm số của chỉ tiêu này đạt 7,98 điểm. Các khía cạnh đánh giá thấp ở chỉ số này là việc DN/HTX cho rằng việc công bố và cung cấp thông tin của các cơ quan chưa đầy đủ, chính xác, kịp thời và liên tục, đồng thời chưa đảm bảo công bằng đối với các đối tượng tiếp nhận. Hơn 50% DN/HTX tham gia khảo sát cho biết về việc gặp khó khăn nhận thông tin khi yêu cầu các cơ quan cung cấp các thông tin không sẵn có và cho rằng vẫn cần phải có “mối quan hệ” mới có thể tiếp cận được các thông tin, tài liệu quan trọng. Điểm số của các chỉ tiêu này chỉ đạt mức điểm khá khoảng hơn 7 điểm. Một số cơ quan mà DN/HTX đánh giá cần phải chủ động cung cấp thông tin hơn nữa cho DN/HTX là Sở Tư pháp, Sở KH&ĐT, Cục QLTT.

**Biểu đồ 3.5. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá mức độ hữu ích của các thông tin trên trang web**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

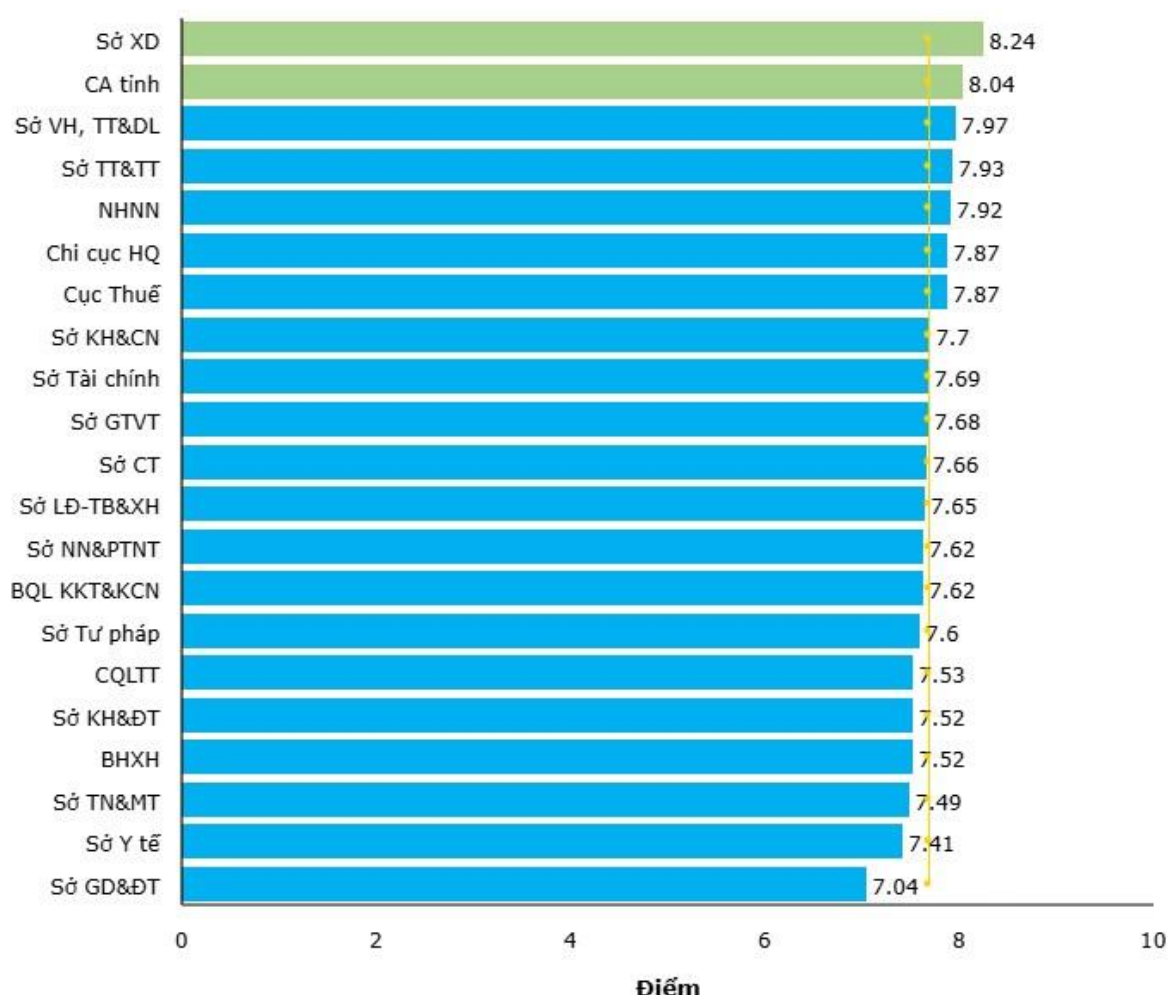
Dịch vụ công trực tuyến và ứng dụng CNTT đã và đang được tinh quan tâm và đẩy mạnh cải cách trong nhiều năm qua. Kết quả khảo sát cho thấy, trang web của các cơ quan là phương thức cung cấp thông tin quan trọng về TTHC. Mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của các cơ quan đối với việc tìm kiếm thông tin của DN/HTX được 75,75% DN/HTX đánh giá tích cực và hơn 90% DN/HTX cho rằng việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến dễ dàng hơn so với thực hiện trực tiếp và không cần phải nộp bổ sung các giấy tờ bản cứng như phương pháp truyền thống. Đây là nhóm các chỉ tiêu được đánh giá tích cực với điểm số tốt trên 8

điểm. Tuy nhiên, một số các cơ quan cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT/phương thức mới trong hỗ trợ cung cấp thông tin cho DN/HTX là Sở Tư pháp, Sở GTVT và Sở NN&PTNT.

### 3.2.3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành

Chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành là một trong những chỉ số cần đẩy mạnh cải thiện trong thời gian. Kết quả điểm số của chỉ số này năm 2024 đạt 7,69 điểm, xếp thứ 5/8 CSTP. Có thể thấy dải điểm của chỉ số này của phần lớn các cơ quan đều nằm ở nhóm điểm khá, dao động trong khoảng 7,04-7,97 điểm. Chỉ có Sở Xây dựng và Công an tỉnh là 2 cơ quan duy nhất đạt điểm số trên 8 điểm, có kết quả đánh giá nổi bật trong 21 Sở, ban, ngành. Tuy nhiên sự chênh lệch không đáng kể ở chỉ số này cho thấy phần nào các cơ quan có sự đồng đều trong quản lý, điều hành. Những cơ quan cần nỗ lực hơn trong quá trình điều hành để đáp ứng được kì vọng của DN/HTX trong giải quyết các vấn đề thực tiễn phát triển kinh tế là Sở Y tế và Sở GD&ĐT.

**Biểu đồ 3.6. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

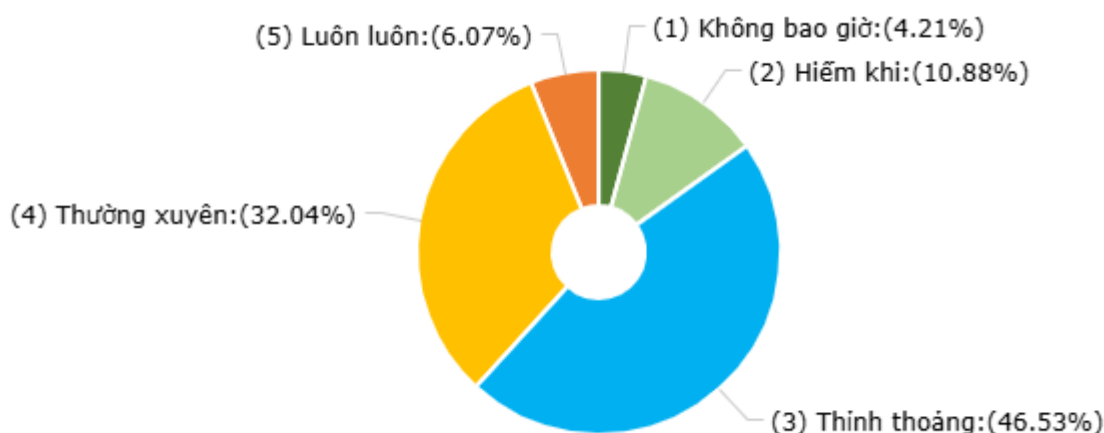
Đi sâu vào phân tích các chỉ tiêu chi tiết, kết quả DDCI năm 2024 ghi nhận nhiều kết quả tích cực của các DN/HTX về một số khía cạnh quản lý, điều hành của các Sở, ban, ngành. Năm 2024, có 76,02% DN/HTX trả lời khảo sát đồng ý về nhận định “Kịp thời, chủ động nắm bắt



và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN/HTX trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao”, chỉ tiêu này đạt 7,94 điểm. Đánh giá về hiện tượng trì hoãn/ chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/ chủ trương của UBND tỉnh và cấp Trung ương, có 75,43% DN/HTX cho rằng ít xảy ra ở các cơ quan đánh giá, đạt 7,95 điểm. 73,84% DN/HTX cho rằng các Sở, ban, ngành đã sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/ quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND tỉnh các đề xuất phù hợp.

Mặc dù các con số trên cho thấy sự năng động của các cơ quan nhưng các chỉ tiêu liên quan tới hoạt động tham vấn, đối thoại DN/HTX chưa được đánh giá tốt. Đây vẫn là nhóm các chỉ tiêu thấp điểm nhất, kéo điểm số trung bình của chỉ số này giảm điểm. Kết quả khảo sát năm 2024 có 4,21% DN/HTX cho biết chưa từng được mời tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển, 10,88% DN/HTX ít khi được mời tham gia góp ý kiến và chỉ có 38,11% DN/HTX luôn luôn và thường xuyên được tham gia. Điểm số của chỉ tiêu này chỉ đạt 6,65 điểm, mức điểm trung bình khá. Bên cạnh đó, hiệu quả và chất lượng của các buổi đối thoại chưa đạt được kì vọng của DN/HTX khi có 34,48% DN/HTX đánh giá ở mức bình thường và hơn 1% DN/HTX cho rằng chưa có nhiều hiệu quả thiết thực. Điều này nhấn mạnh các cơ quan nhà nước cần chủ động đẩy nhanh hơn nữa quá trình xây dựng các văn bản pháp lý, cần tiếp tục cải thiện chất lượng công tác lấy ý kiến thực chất và hiệu quả hơn thông qua nâng cao chất lượng các tài liệu giải trình và tham vấn rộng rãi. Các ý kiến góp ý của DN/HTX cần được giải trình rõ ràng, công khai, để tạo niềm tin cho DN/HTX, tránh gây nản lòng khi các ý kiến không được tiếp thu và giải thích rõ ràng.

**Biểu đồ 3.7. Tỷ lệ DN/HTX được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn**



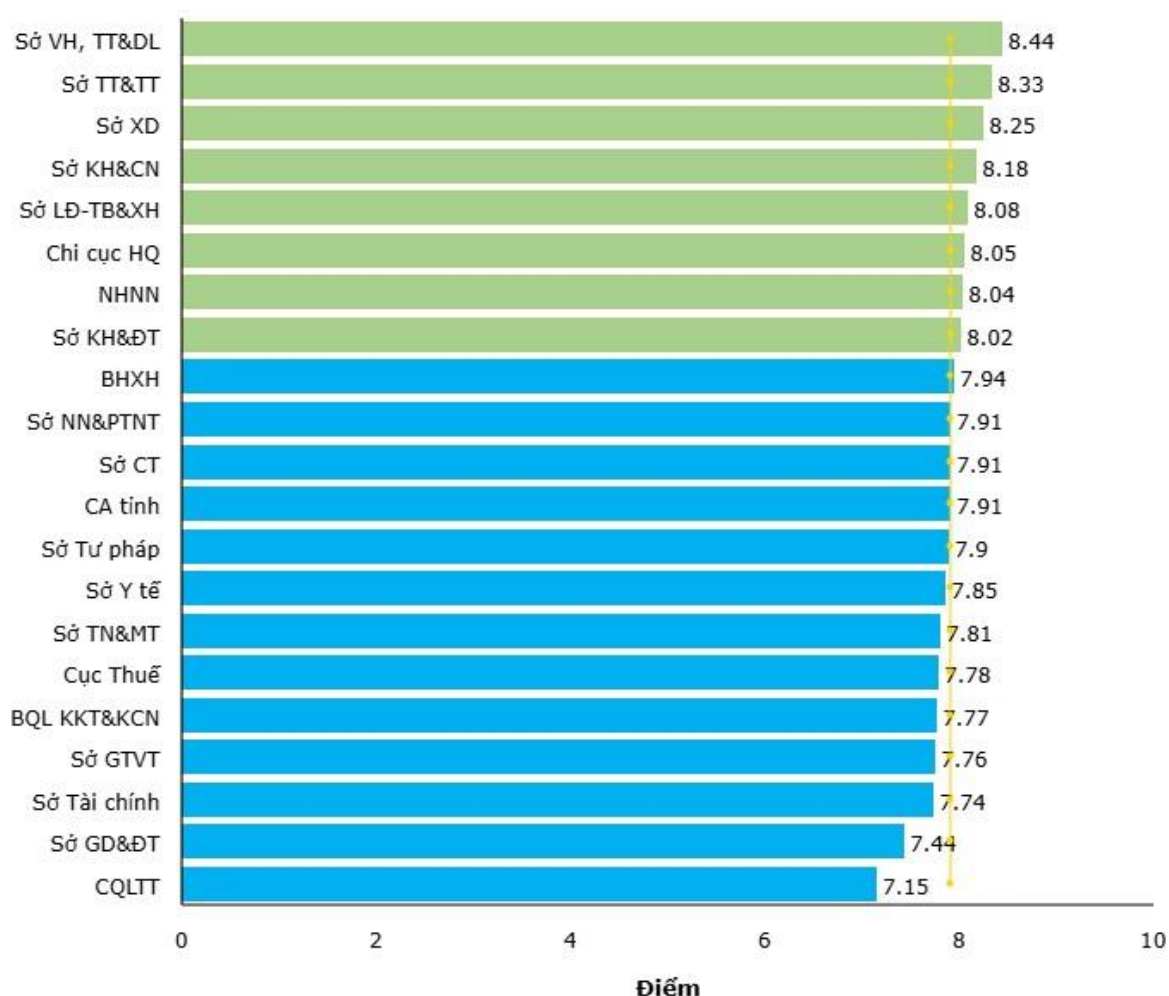
Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

### 3.2.4. Chi phí thời gian

Chỉ số chi phí thời gian là một trong những chỉ số có cải thiện tích cực nhất khi có kết quả điểm số xếp thứ 3/8 CSTP. Điểm số của chỉ số này năm 2024 đạt 7,92 điểm, với phần lớn các cơ quan thuộc nhóm điểm khá. Kết quả cho thấy có những cơ quan được đánh giá ở nhóm điểm tốt gồm: Sở VH, TT&DL, Sở TT&TT, Sở Xây dựng, Sở KH&CN, Sở LĐ-TB&XH, Chi cục HQ, NHNN, Sở KH&ĐT. Đây đều là những cơ quan được các DN/HTX đánh giá có nhiều cải cách, cắt giảm thời gian thực hiện TTHC tương đối tốt cho các DN/HTX. Sở GD&ĐT và Cục QLTT đứng cuối bảng điểm, với mức điểm 7,1- 7,4 điểm. Chênh lệch giữa các cơ quan cũng không có nhiều khoảng cách lớn tuy có sự phân nhóm điểm số, một mặt phản ánh

việc các cơ quan cạnh tranh về điểm số mặt khác cho thấy chưa có sự cải thiện đồng đều, cần sự nỗ lực cải cách nhanh hơn ở nhóm cuối bảng.

**Biểu đồ 3.8. Điểm số CSTP chi phí thời gian**



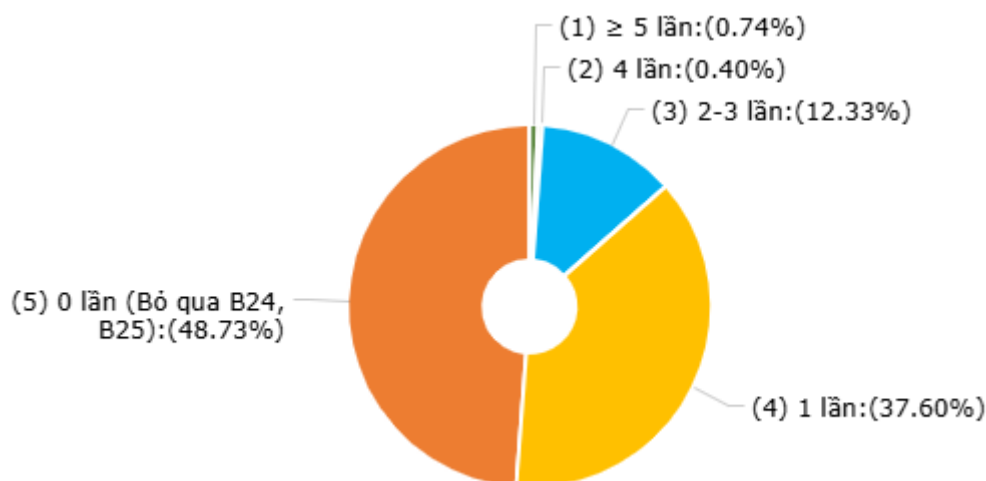
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Đánh giá chung về thời gian thực hiện TTHC ở các cơ quan so với quy định, có 81,86% DN/HTX thực hiện đúng thời gian và 9,29% DN/HTX cho biết được rút ngắn hơn thời gian và chỉ có hơn 1% DN/HTX cho biết vẫn mất thời gian thực hiện so với quy định. Điểm số của chỉ tiêu này đạt 8 điểm.

Trong phương pháp luận PCI 2021, chỉ số chi phí thời gian đã bổ sung nhiều câu hỏi liên quan tới thực hiện dịch công trực tuyến, một trong những giải pháp hữu hiệu giúp cắt giảm chi phí thời gian cho DN/HTX. Bộ chỉ số DDCI Thái Bình năm 2024 đã lồng ghép các nội dung trên và đưa vào đánh giá. Kết quả cho thấy những điểm khá tích cực khi chỉ tiêu này đạt mức điểm tốt, trên 8 điểm. Các DN/HTX đều đồng tình cao về việc thực hiện thủ tục trực tuyến dễ dàng, đơn giản, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí. Những nỗ lực nổi bật trong việc ứng dụng mạnh mẽ CNTT vào cung cấp dịch vụ công đang dần trở nên phổ biến hơn khi DN/HTX có thể thực hiện hầu hết các TTHC trên các nền tảng trực tuyến.

Một trong những khía cạnh đánh giá quan trọng của chỉ số này là hoạt động thanh tra, kiểm tra của các Sở, ban, ngành. Khảo sát DDCI năm 2024 cho thấy có 48,73% DN/HTX không phải tiếp, 37,60% DN/HTX chỉ phải tiếp 1 lần và chỉ có một tỉ lệ nhỏ DN/HTX phải tiếp trên 5 lần (0,74%). Tuy nhiên, DN/HTX phản ánh vẫn còn tình trạng phải đón tiếp nhiều lần ở một số ngành, lĩnh vực như Cục QLTT, Sở GD&ĐT, Sở Y tế. Tỉ lệ DN/HTX đánh giá thanh tra, kiểm tra đúng thời gian là 70,88% và tỉ lệ nhỏ DN/HTX (khoảng 3%) cho biết gây cản trở hoạt động SXKD.

**Biểu đồ 3.9. Số lần thanh tra, kiểm tra của Sở, ban, ngành**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

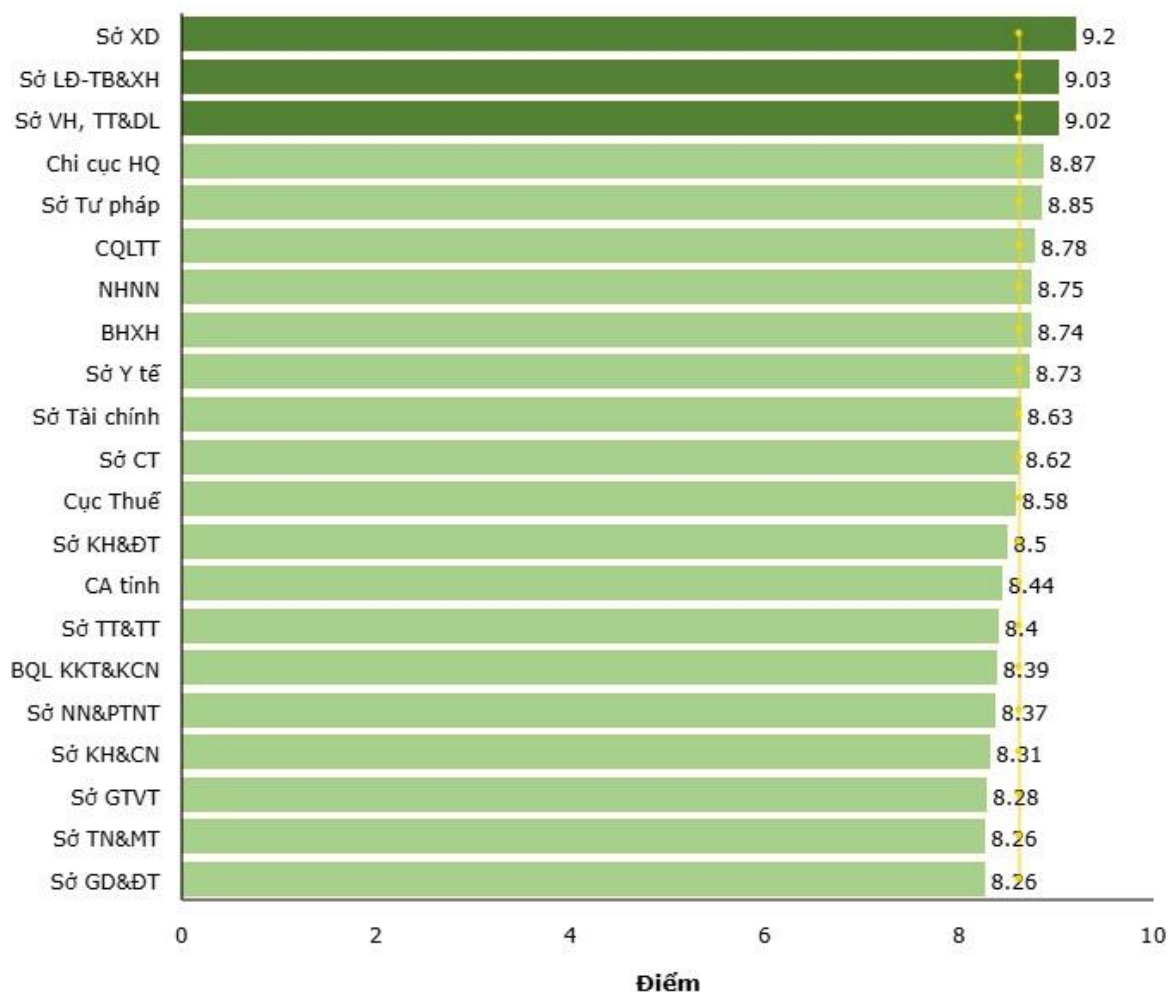
Các kết quả phân tích trên đang củng cố thêm cho tín hiệu tích cực về việc cắt giảm thời gian cho DN/HTX, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện đáng kể. Các kết quả này cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng cơ sở SXKD đối với những tiến bộ của các cơ quan nhà nước về chất lượng giải quyết TTHC chính cho DN/HTX. Các cơ quan cần tiếp tục duy trì những kết quả tích cực như vậy trong các năm tiếp theo.

### 3.3.5. Chi phí không chính thức

Chỉ số chi phí không chính thức đánh giá các khoản chi ngoài quy định của nhà nước mà các DN/HTX phải chi trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của họ. Nhìn trên bình diện 8 CSTP, đây là một trong hai chỉ số đạt mức điểm tốt với 8,62 điểm, cho thấy quyết tâm và cam kết bền vững của tỉnh về việc chống tham nhũng. Phân bổ điểm số của các cơ quan ở chỉ số này cũng khá tích cực khi các cơ quan đều ở nhóm điểm rất tốt và tốt, trên 8 điểm.

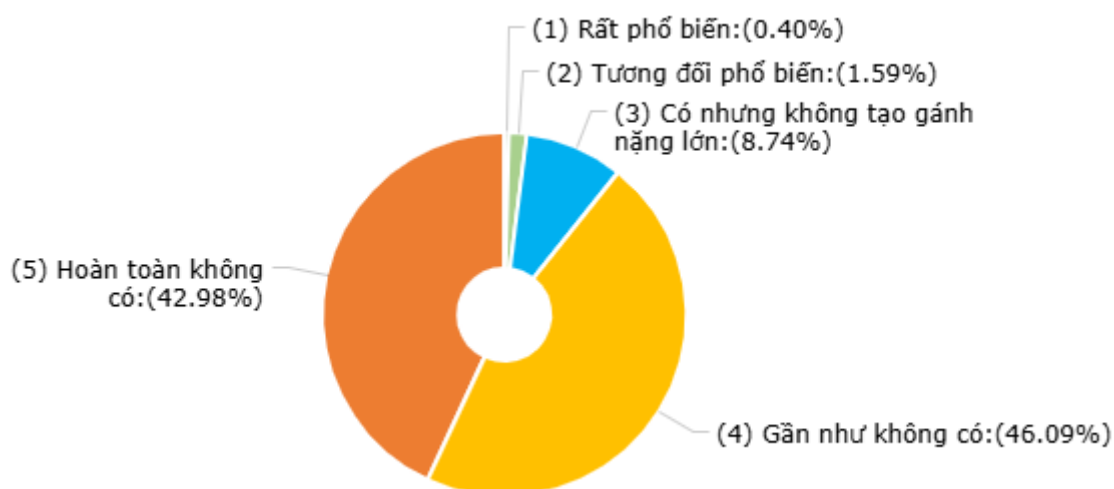
Chỉ số chi phí không chính thức có nhiều chỉ tiêu được đánh giá tích cực. Một trong số đó là chỉ tiêu mức độ phổ biến của chi phí không chính thức (chi phí lót tay, chi phí khác ngoài quy định của Nhà nước) đang trở nên ít xảy ra khi có gần một nửa DN/HTX (42,98%) cho rằng hoàn toàn không có chi phí không chính thức và chỉ có khoảng 2% DN/HTX cho biết tình trạng này vẫn còn phổ biến trong lĩnh vực của họ. Điểm số của chỉ tiêu này đạt 8,62 điểm. Bên cạnh đó, tác động và xu hướng tăng/giảm của các khoản chi trả chi phí không chính thức cũng được đưa ra cho DN/HTX đánh giá. Theo đó, tác động của các khoản chi này chỉ gây ảnh hưởng ở mức độ thấp, chỉ số này đạt 8,79 điểm và kết quả khảo sát cho thấy các khoản chi này có xu hướng giảm, với điểm số 8,5 điểm.

**Biểu đồ 3.10. Điểm số CSTP chi phí không chính thức**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

**Biểu đồ 3.11. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở Sở, ban, ngành**

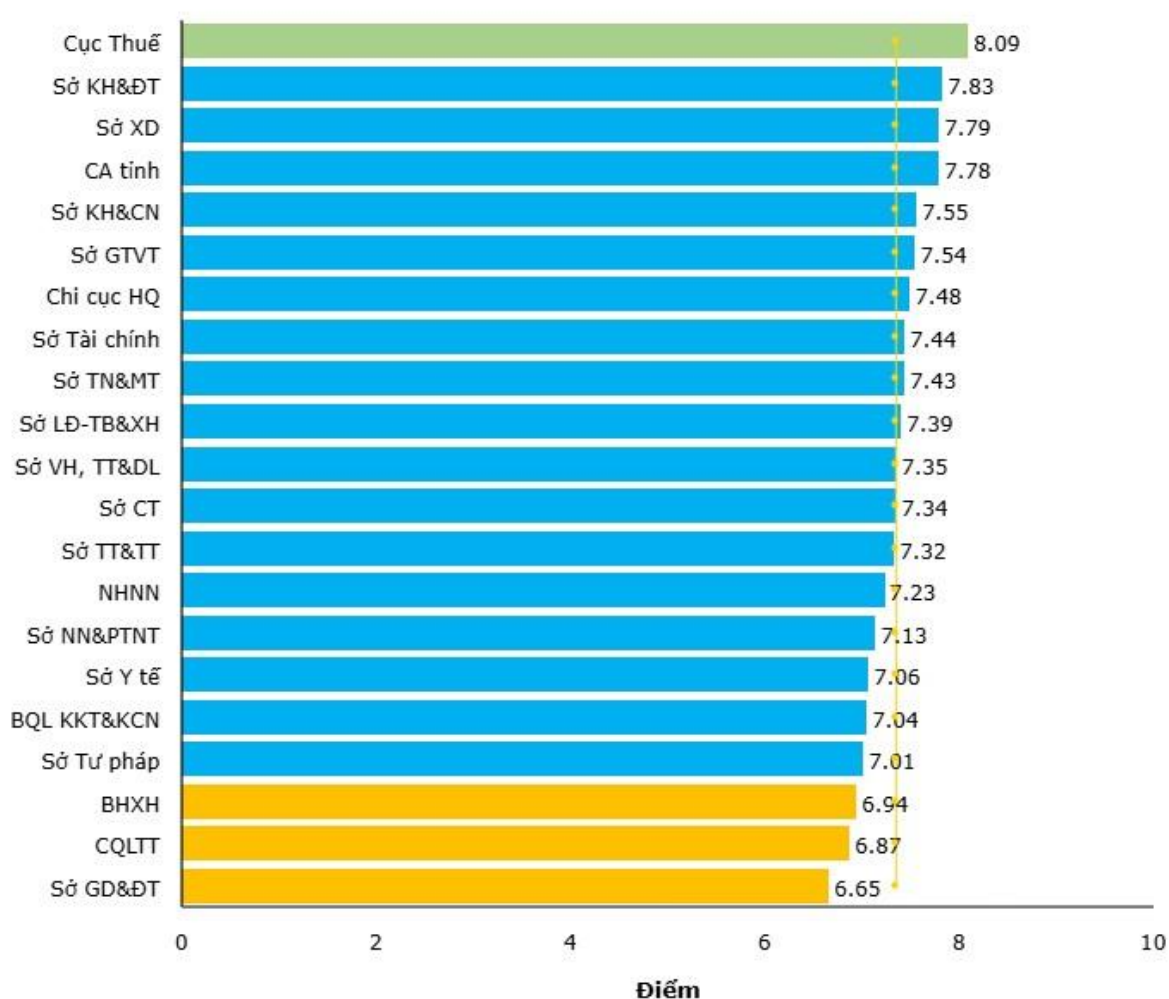


Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

### 3.5.6. Cạnh tranh bình đẳng

Chỉ số cạnh tranh bình đẳng trong DDCI Thái Bình đánh giá khả năng xây dựng môi trường kinh doanh, bình đẳng giữa các nhóm đối tượng kinh doanh như DNNN, DN FDI và DN tư nhân; giữa các DN/HTX lớn, DN/HTX thân hữu với chính quyền và DN/HTX nhỏ. Kết quả khảo sát DDCI năm 2024 cho thấy những nỗ lực của các cấp chính quyền cần được đẩy mạnh hơn nữa trong việc hỗ trợ các nhóm DN/HTX nhỏ trong quá trình hoạt động và làm việc với các cơ quan Nhà nước. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 7,35 điểm, với sự phân nhóm điều hành khá rõ ràng. Cụ thể, Cục Thuế dẫn đầu bảng xếp hạng, thuộc nhóm điều hành tốt với điểm số là 8,09 điểm. Tiếp theo là 17 Sở, ban, ngành ở nhóm có điểm số khá, trong phổ điểm từ 7,04-7,83 điểm. 3 cơ quan ở nhóm điểm trung bình khá, dưới 7 điểm là BHXH, Cục QLTT và Sở GD&ĐT.

**Biểu đồ 3.12. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Kết quả khảo sát DDCI năm 2024 cũng chỉ ra các chỉ tiêu tổng hợp chỉ số cạnh tranh bình đẳng đều đạt mức điểm khá, trong khoảng 7,3 điểm. Phần lớn các DN/HTX đồng ý về các nhận định liên quan đến cạnh tranh bình đẳng với tỉ lệ khoảng 60% DN/HTX tham gia khảo sát. Cụ thể, 59,48% DN/HTX đồng tình về việc “không có việc ưu ái thực hiện TTHC đối với các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền”; 58,97% DN/HTX cho rằng “thông tin,

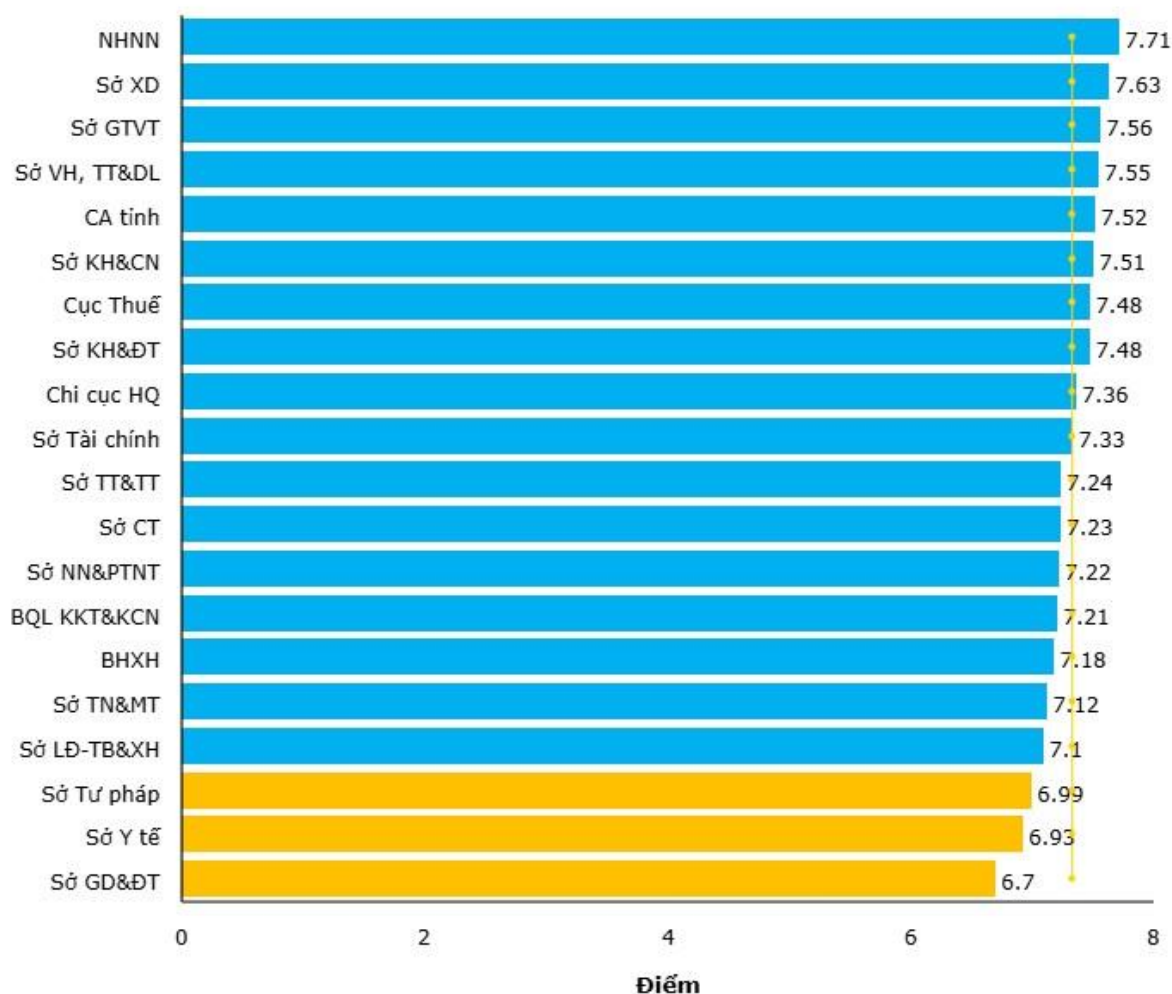


cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ được chia sẻ bình đẳng cho các DN/HTX”. Với nhận định “không ưu tiên giải quyết, kiến nghị, khó khăn đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu so với DN vừa và nhỏ” và “không “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền, tỉ lệ DN/HTX đồng ý lần lượt là 59,48% và 59,9%.

Các kết quả này cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng SXKD đối với những nỗ lực tạo dựng môi trường bình đẳng của các cơ quan nhà nước, tuy nhiên đối với nhóm các DN/HTX vừa và nhỏ, các cơ quan nên dành nhiều sự quan tâm hơn nữa vì đây là nhóm đối tượng có năng lực còn hạn chế trong tiếp cận các thông tin và tham gia thị trường còn thấp.

### 3.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

**Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD**



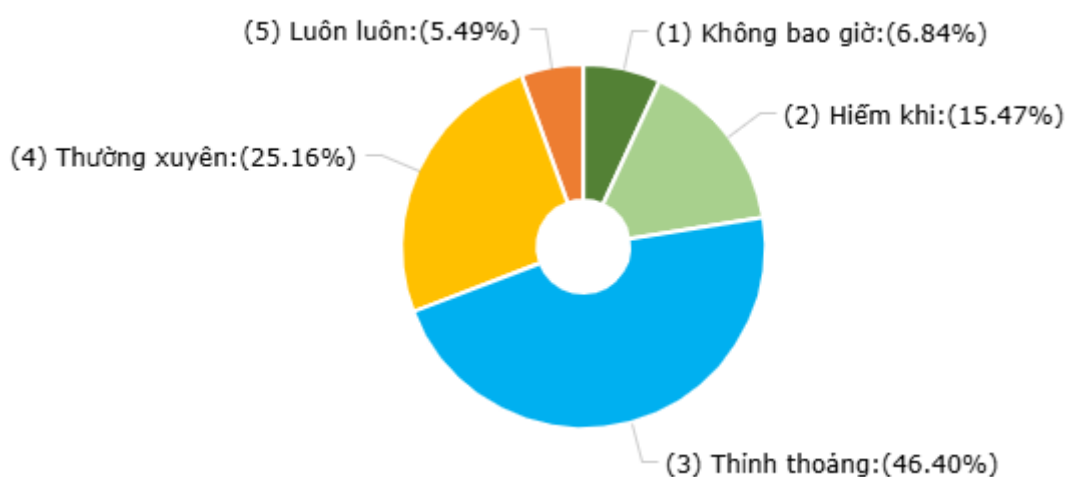
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Trong bối cảnh DN/HTX đang cần các giải pháp hỗ trợ phục hồi sau dịch bệnh, chỉ số hỗ trợ sản xuất kinh doanh có thể xem là một công cụ hữu ích cho các cơ quan Nhà nước đánh giá lại các chính sách hỗ trợ được thực hiện. Kết quả khảo sát DDCI Thái Bình năm 2024 cho thấy hiệu quả của các chương trình hỗ trợ SXKD chưa đạt được hiệu quả như kì vọng của DN/HTX. Điểm số của chỉ số này chỉ đạt mức khá 7,3 điểm và là chỉ số có điểm số thấp nhất trong 8 CSTP. Kết quả chỉ số này có 18/21 cơ quan thuộc nhóm điểm khá trên 7 điểm, còn lại

3 cơ quan là Sở Tư pháp, Sở Y tế và Sở GD&ĐT thuộc nhóm điểm trung bình khá, ở cuối bảng xếp hạng.

Điểm đáng quan tâm ở chỉ số này là tỉ lệ DN/HTX nhận thông báo hoặc được mời tham gia vào các chương trình hỗ trợ DN/HTX còn khá khiêm tốn. Tỉ lệ DN/HTX cho biết không được mời/ hiếm khi được mời tham gia ở mức cao là 22,31%. Điểm số chỉ tiêu này chỉ đạt 6,32 điểm. Đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động hỗ trợ SXKD, có khoảng % DN/HTX đánh giá khá hiệu quả về các chương trình hỗ trợ các trường hợp chịu thiên tai, dịch bệnh và các hoạt động cung cấp thông tin cho DN/HTX về chương trình hỗ trợ, đạt lần lượt 7,56 và 7,53 điểm. Các chương trình hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế hoặc trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh cũng chưa nhận được nhiều phản hồi hiệu quả như kì vọng.

**Biểu đồ 3.14. Tỉ lệ DN/HTX được mời/tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD**



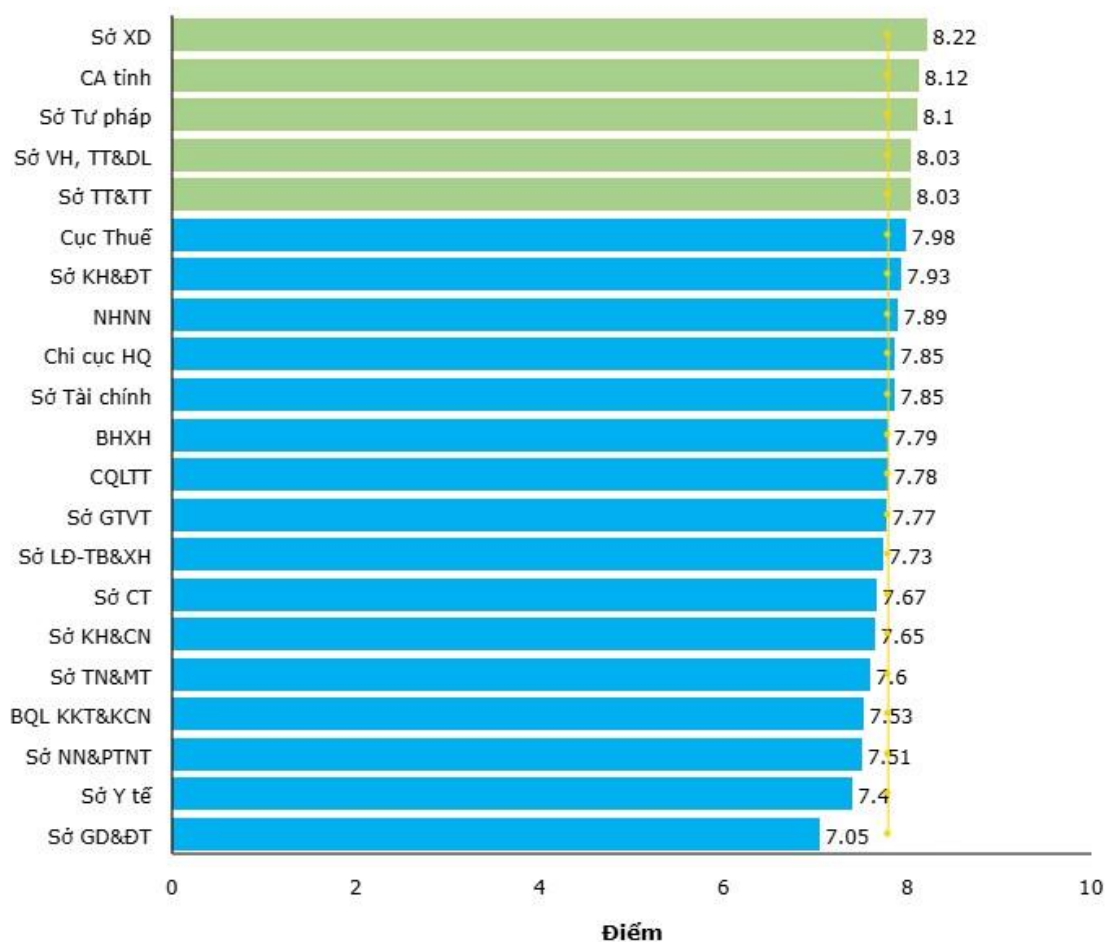
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, với trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp là một trong những giải pháp thiết thực, quan trọng nhất để có thể hỗ trợ hiệu quả cộng đồng doanh nghiệp song song với việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp đến các đối tượng thụ hưởng, nhằm giảm bớt khó khăn và tạo điều kiện thuận lợi, tạo niềm tin và động lực cho cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển bền vững.

### 3.2.8. Hiệu lực thiết chế

Việc thực thi các văn bản chính sách hiệu quả được đánh giá là tạo bước chuyển biến tích cực trong nâng cao chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành. Điểm số trung bình của chỉ số này đạt 7,78 điểm. Dải điểm của chỉ số này phân bổ thành 2 nhóm: nhóm cơ quan điều hành tốt gồm Sở XD, Công an tỉnh, Sở Tư pháp và Sở VH, TT&DL đạt trên 8 điểm; nhóm cơ quan điều hành khá gồm 16 cơ quan với điểm số từ 7,05 điểm - 7,98 điểm, cần nỗ lực hơn trong việc nâng cao hiệu quả thực thi để nhận về nhiều phản hồi tích cực hơn từ phía các DN/HTX.

**Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Đánh giá về hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật triển khai, thực thi, tỉ lệ DN/HTX cho rằng đã triển khai hiệu quả, nghiêm túc là 69,62%. Bên cạnh đó, 66,67% DN/HTX đánh giá các cơ quan đã hoàn thành chức năng, nhiệm vụ và đóng góp tích cực vào việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ở tỉnh. Điểm số các chỉ tiêu này đạt 7,86 và 7,78 điểm. Một số lĩnh vực như Sở GD&ĐT, Sở Y tế và Sở NN&PTNT cần lưu ý về việc phổ biến chính sách, văn bản pháp luật tới các DN/HTX rộng rãi hơn.

Các nội dung liên quan đến cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo và tiếp dân là những chỉ dấu quan trọng để đánh giá chỉ số này. Nhìn chung, các chỉ tiêu này đều có nhiều tiềm năng để cải thiện trong thời gian tới khi điểm số đều đạt mức đánh giá trên 7,7 điểm. Cụ thể, có hơn 66% DN/HTX đồng ý về việc các cơ quan đã hỗ trợ pháp lý, có kênh/cơ chế tiếp nhận thông tin phản ánh, khiếu nại, tố cáo cho các DN/HTX khi họ có phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.

Nhìn chung, các DN/HTX đánh giá khá tích cực về việc triển khai hiệu quả chính sách, văn bản pháp luật và thiết chế của các cơ quan. Những con số trên cũng cho phép các cơ quan có thể kì vọng vào hiệu quả của các chính sách trong các năm tiếp theo sẽ có sự khởi sắc đáng kể. Tuy nhiên, các Sở, ban, ngành cũng cần có nhiều nỗ lực cải thiện hơn trong việc đẩy mạnh tuyên truyền các văn bản chính sách mới và minh bạch hơn nữa trong quá trình giải quyết các kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX.

# CHƯƠNG IV

Kết quả DDCI cấp Địa phương



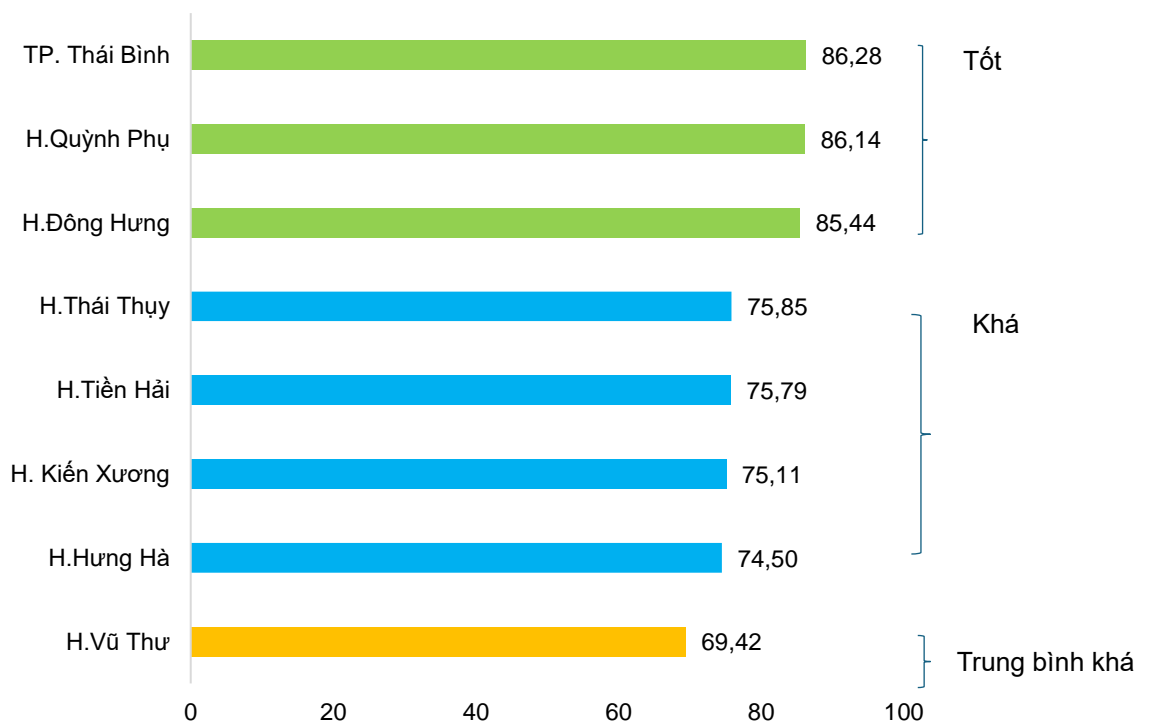




## CHƯƠNG IV. KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

### 4.1. Kết quả và điểm số

**Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI cấp địa phương tỉnh Thái Bình năm 2024**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Dựa trên phương pháp luận về xây dựng bộ chỉ số DDCI cấp địa phương, mỗi chỉ tiêu đã được chuẩn hóa theo thang điểm 1-10, sau đó điểm chỉ số thành phần được tính trên điểm trung bình của tất cả các chỉ tiêu. Sau khi các chỉ số thành phần được chuẩn hóa, điểm số tổng hợp DDCI sẽ được chuẩn hóa về thang điểm 100 và phân nhóm để xếp hạng các địa phương. Theo kết quả phân tích DDCI, điểm số trung bình của tỉnh đạt 78,57 điểm, được phân nhóm như sau:

- Nhóm điều hành tốt: TP. Thái Bình, huyện Quỳnh Phụ và huyện Đông Hưng là 3 địa phương được đánh giá có chất lượng điều hành tốt, dẫn đầu bảng xếp hạng với hơn 80 điểm.



Thành phố Thái Bình được đánh giá tốt ở cả 8 CSTP với chỉ số chi phí không chính thức (9,25 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,96 điểm), cạnh tranh bình đẳng (8,85 điểm). Thành phố Thái Bình đã thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với số hóa hồ sơ, giấy tờ; tăng tỷ lệ hồ sơ được tiếp nhận giải quyết qua dịch vụ công trực tuyến.

Huyện Quỳnh Phụ đã có nhiều nỗ lực cải thiện điểm số ở các chỉ số chi phí thời gian, thực hiện TTHC và cấp phép gia nhập thị trường và chi phí không chính thức. Điều này đã giúp huyện Quỳnh Phụ vươn lên vị trí thứ 2 với 86,14 điểm.

Huyện Đông Hưng cũng là một địa phương có nhiều cải thiện khi vươn lên mạnh mẽ từ nhóm cuối bảng năm 2023 lên top 3 nhóm điều hành tốt của tỉnh trong năm 2024. Huyện Đông Hưng được đánh giá tích cực ở các chỉ tiêu chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự và thực hiện TTHC và cấp phép gia nhập thị trường.

- Nhóm điều hành khá: gồm 4 địa phương nằm trong dải điểm từ 74-75 điểm: Huyện Thái Thụy với 75,85 điểm ở vị trí thứ 4. Tiếp theo sau là huyện Tiền Hải với 75,79 điểm. Huyện Kiến Xương đạt 75,11 điểm ở vị trí thứ 6. Huyện Hưng Hà với 74,50 điểm ở vị trí thứ 7 trong bảng xếp hạng.
- Nhóm điều hành trung bình khá: là huyện Vũ Thư với 69,42 điểm, chưa có cải thiện về mặt thứ hạng so với năm 2023.

Với sự phân nhóm, khoảng cách của các địa phương cũng tương đối lớn. Chênh lệch điểm số giữa địa phương đứng đầu và cuối bảng xếp hạng là 16,86 điểm. Một mặt kết quả này phần nào cho thấy sự nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của các địa phương thuộc nhóm đầu bảng xếp hạng. Mặt khác, khảo sát cũng chỉ ra sự khó khăn thực tế trong cải thiện môi trường kinh doanh tại các địa phương thuộc nhóm cuối của bảng xếp hạng.

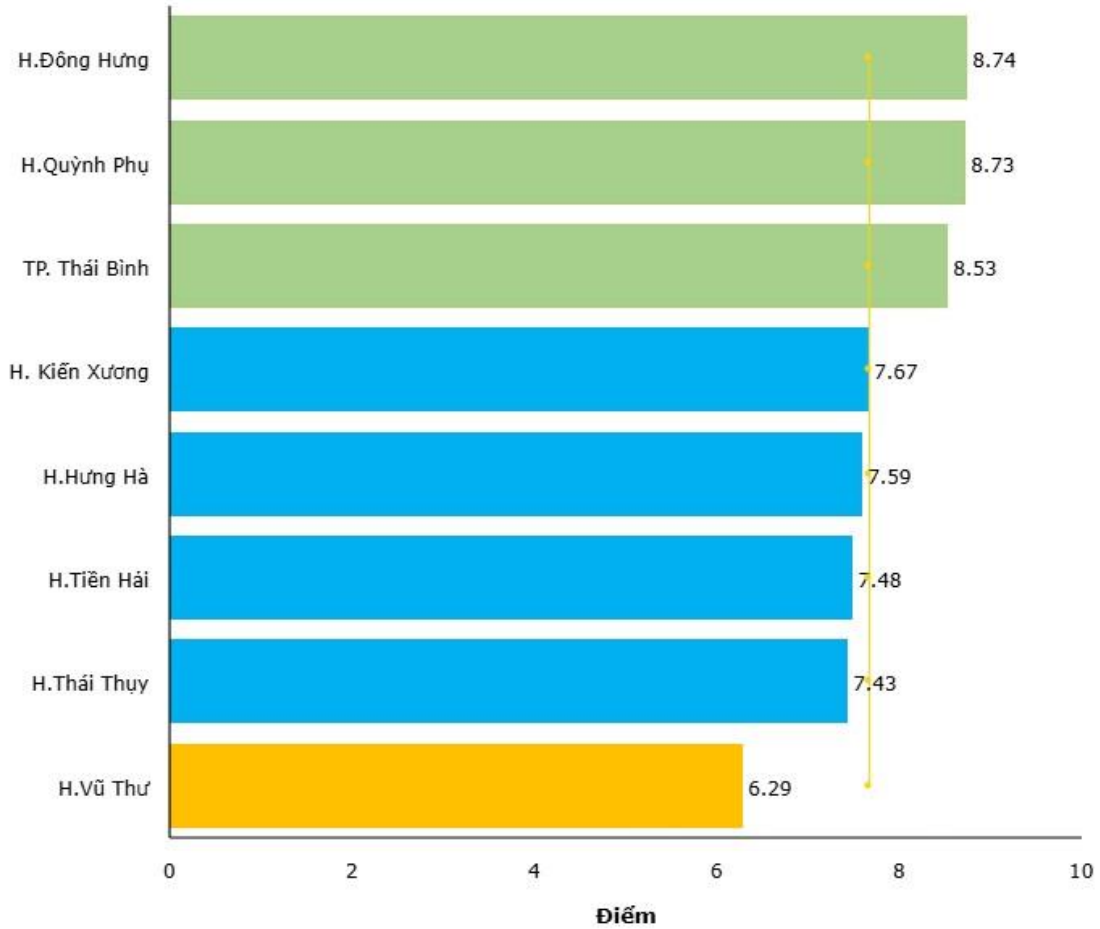
Xét trên các khía cạnh đánh giá của các chỉ số thành phần, các địa phương trong năm 2024 được đánh giá tương đối tích cực ở một số khía cạnh. Trong đó, các chỉ số có điểm số cao nhất là chỉ số chi phí không chính thức; chi phí không chính thức, hiệu lực hiệu lực thiết chế và ANTT. Ngược lại, chỉ số tiếp cận đất đai, cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ SXKD là các chỉ số cần phải nỗ lực cải thiện chung ở tất cả các địa phương trong việc tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh của các HKD.

## 4.2. Kết quả DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần

### 4.2.1. Thực hiện TTHC và cấp phép gia nhập thị trường

Không chỉ các Sở, ban, ngành tại Thái Bình đang nỗ lực đi tìm giải pháp để cải thiện quy trình thực hiện TTHC, mà đây cũng là khó khăn chung mà nhiều địa phương tại tỉnh đang phải đối diện. Bảng chứng là điểm số thực hiện TTHC trung bình chung các địa phương đạt 7,81 điểm, thuộc nhóm điểm số khá trong bảng xếp hạng các lĩnh vực DDCI địa phương Thái Bình. Phân tích theo phân loại nhóm, năm 2024, kết quả DDCI ghi nhận huyện Đông Hưng, Quỳnh Phụ và TP. Thái Bình là 3 địa phương đạt mức điểm tốt, trên 8 điểm. Đây là những địa phương được các HKD đánh giá khá tích cực về việc chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ khi tiếp xúc với các HKD. Nhóm có kết quả khá có 4 địa phương nằm trong khoảng điểm 7,4-7,6 điểm. Huyện Vũ Thư có điểm số ở nhóm trung bình khá, dưới 7 điểm.

**Biểu đồ 4.2. Điểm số CSTP thực hiện TTHC**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Điểm đáng khích lệ trong các chỉ tiêu của chỉ số này là thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với các HKD; chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức cũng như quy trình, thủ tục giải quyết TTHC đúng như văn bản quy định. Kết quả khảo sát có hơn 80% HKD hài lòng về sự phục vụ của các địa phương trong quá trình thực hiện thủ tục gia nhập thị trường, cấp phép và thực hiện TTHC nói chung. Điểm số của nhóm chỉ tiêu này cũng đạt kết quả khả quan trên 8 điểm, cao nhất trong số các chỉ tiêu cấu thành.

Phân tích nhóm TTHC chủ yếu được thực hiện ở các địa phương, kết quả khảo sát năm 2024 cho thấy các HKD còn gặp nhiều khó khăn trong các lĩnh vực đăng ký, cấp phép. Các lĩnh vực như đăng kí kinh doanh, văn hóa - thể thao - du lịch, nông - lâm nghiệp được đánh giá cao hơn các lĩnh vực còn lại như xây dựng, tài nguyên - môi trường, đất đai - địa chính. Như vậy xét trong cùng các nhóm TTHC, thủ tục liên quan tới đất đai - địa chính chậm biến chuyển, vẫn còn nhiều đánh giá tiêu cực hơn so với các lĩnh vực khác.

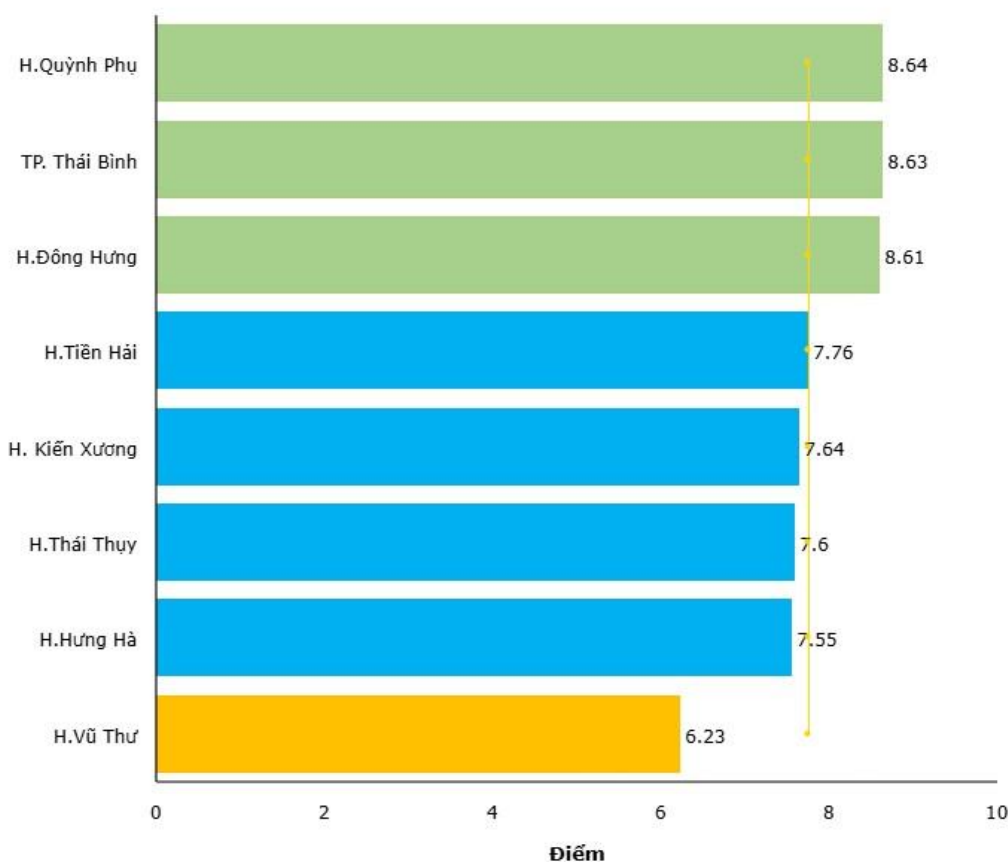
Cải thiện thực hiện TTHC nói chung và rút ngắn thời gian gia nhập thị trường sẽ thu hút thêm nhiều cơ sở SXKD, nhà đầu tư gia nhập thị trường, từ đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. DDCI nỗ lực thúc đẩy các cơ quan quan tâm tới việc rút ngắn thời gian cho các cơ sở SXKD và những nỗ lực trên đang đem lại

những thay đổi tích cực đến chỉ số này và môi trường kinh doanh của tỉnh, qua cảm nhận của các HKD.

#### 4.2.2. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin

Một lần nữa, chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin cho thấy những tín hiệu kém tích cực so với các chỉ số khác tại các địa phương ở tỉnh Thái Bình năm 2024. Chỉ số này đạt 7,83 điểm, mức điểm khá, xếp hạng 4/9 CSTP. Nhóm địa phương xếp hạng tốt là huyện Quỳnh Phụ, TP. Thái Bình và huyện Đông Hưng đạt trên 8 điểm. 4 địa phương thuộc nhóm điểm khá gồm Tiền Hải, Kiến Xương, Thái Thụy và Hưng Hà. Huyện Vũ Thư là địa phương có mức điểm trung bình khá dưới 7 điểm.

**Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP tính minh bạch và tiếp cận thông tin**



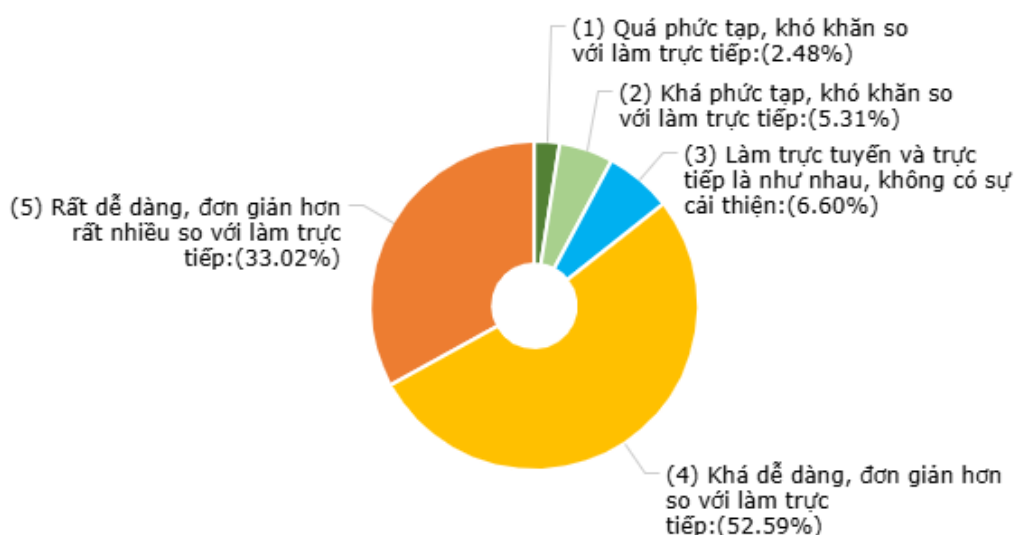
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Đánh giá chi tiết về các loại thông tin có liên quan tới hoạt động SXKD của HKD như văn bản quy pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách mới; bản đồ, quy hoạch sử dụng đất; dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công; ngân sách, hơn 70% HKD cho biết có thể tiếp cận được các loại thông tin dễ dàng. Tuy nhiên, điểm cần lưu ý tới các địa phương trong việc công bố rộng rãi cho các HKD về các khoản ngân sách thu chi, bản đồ quy hoạch của địa phương khi đây là các chỉ tiêu đánh giá kém hơn so với các chỉ tiêu khác. Đặc biệt, có gần 6% HKD cho biết các địa phương không cung cấp hoặc chưa cung cấp thông tin mà họ yêu cầu một cách kịp thời và 10,15% HKD cho rằng “cần phải có mối quan hệ với cán bộ” để tiếp cận thông tin dễ dàng hơn. Do đó, chính quyền các địa phương cũng cần cung cấp thông tin kịp thời hơn tới các HKD khi họ có yêu cầu cung cấp thông tin hoặc nếu chưa thể cung cấp ngay thì

cần có thời hạn thông báo rõ ràng để các HKD theo dõi, tránh trường hợp các HKD không nhận được phản hồi, đặc biệt ở một số địa phương có điểm số các chỉ tiêu này thấp như Vũ Thư, Kiến Xương, Thái Thụy.

Theo kết quả khảo sát DDCI năm 2024, các HKD cho rằng cổng thông tin điện tử của các cơ quan chưa đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin và nhiều HKD chưa truy cập, sử dụng các tính năng của các trang này. Theo kết quả khảo sát có khoảng 78% HKD đánh giá trang web hữu ích trong khi khoảng 5% HKD cho rằng không hữu ích hoặc chưa từng truy cập. Điều này phản ánh phần nào thực tế hầu hết các HKD vẫn áp dụng thói quen và cách làm cũ khi tìm hiểu thông tin. Mặt khác, trang web của các địa phương vẫn còn thiếu hấp dẫn trong cung cấp thông tin, giao diện khó tìm kiếm đối với người sử dụng, thiếu vắng các hướng dẫn trực tiếp, thông tin ít cập nhật...

**Biểu đồ 4.4. Tỷ lệ DN/HTX đánh giá việc thuận lợi trong việc thực hiện TTHC trực tuyến**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

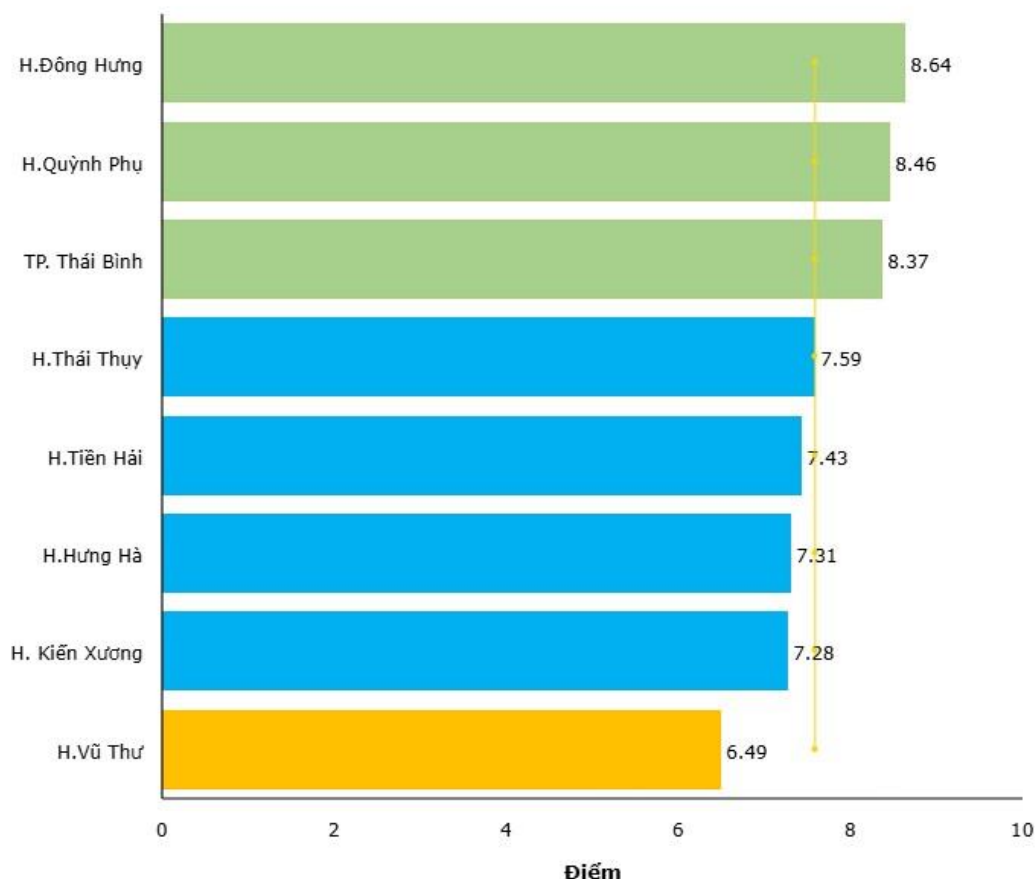
Đẩy mạnh ứng dụng CNTT/ ứng dụng các phương thức mới trong quá trình thực hiện TTHC đang được các địa phương quan tâm và đưa vào thực hiện nghiêm túc. Kết quả phân tích cho thấy phần lớn các HKD đánh giá khá cao việc triển khai thực hiện dịch vụ công trực tiếp. Các HKD cho biết thực hiện dịch vụ công trực tuyến dễ dàng hơn so với làm trực tiếp, không cần nộp giấy tờ cứng như phương pháp trực tiếp. Điểm số của các chỉ tiêu này đều đạt trên 8 điểm. Tuy nhiên, các địa phương vẫn cần đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT/chuyển đổi số để công khai thông tin, tương tác với HKD và tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc.

#### **4.2.3. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương**

Chỉ số tính năng động và tiên phong là chỉ số cũng cần đẩy mạnh cải thiện khi điểm số của chỉ số này là 7,7 điểm, đứng thứ 6/9 CSTP. Phân nhóm của chỉ số này được chia làm 3 nhóm chính là: nhóm có điểm số tốt trên 8 điểm có 3 địa phương, trong đó huyện Đông Hưng đứng thứ nhất với 8,64 điểm với sự hài lòng của phần lớn các HKD tham gia khảo sát. Nhóm điểm số khá gồm 4 địa phương còn lại, với điểm số trong khoảng 7,28-7,59 điểm. Khoảng cách

điểm số giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối là 2,15 điểm, là cơ hội để các địa phương cạnh tranh và thay đổi trong năm tiếp theo.

#### Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương

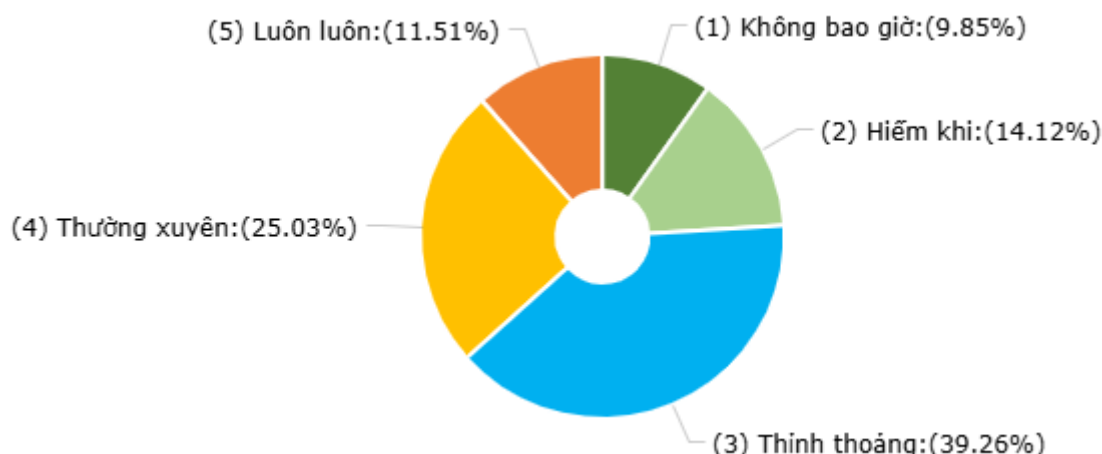


Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Các tiêu chí đánh giá về tính năng động của chính quyền các địa phương có những tín hiệu khá tích cực có thể kể đến: (1) kịp thời, chủ động nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc (8,02 điểm); (2) sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/ quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND tỉnh các đề xuất phù hợp (8,03 điểm); (3) không có hiện tượng trì hoãn/ chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện quyết định/ chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW (7,99 điểm). Khảo sát DDCI năm 2024 cũng lồng ghép chỉ số vai trò của người lãnh đạo vào trong chỉ số này với 3 chỉ tiêu được đánh giá quan trọng, gồm: (1) lãnh đạo đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây cản trở, khó khăn (8,03 điểm); (2) lãnh đạo tích cực, chủ động tham vấn với các HKD về thực hiện các quy định pháp luật, TTHC và các vấn đề phát sinh (8 điểm). Dữ liệu DDCI năm 2024 cho thấy tỉ lệ HKD đồng ý về các nhận định này đều trên 70%. Đây cũng là nhóm chỉ tiêu có kết quả tích cực nhất trong số các chỉ tiêu cấu thành.



**Biểu đồ 4.6. Tỷ lệ được mời tham gia góp ý kiến, đối thoại về chính sách ở địa phương**



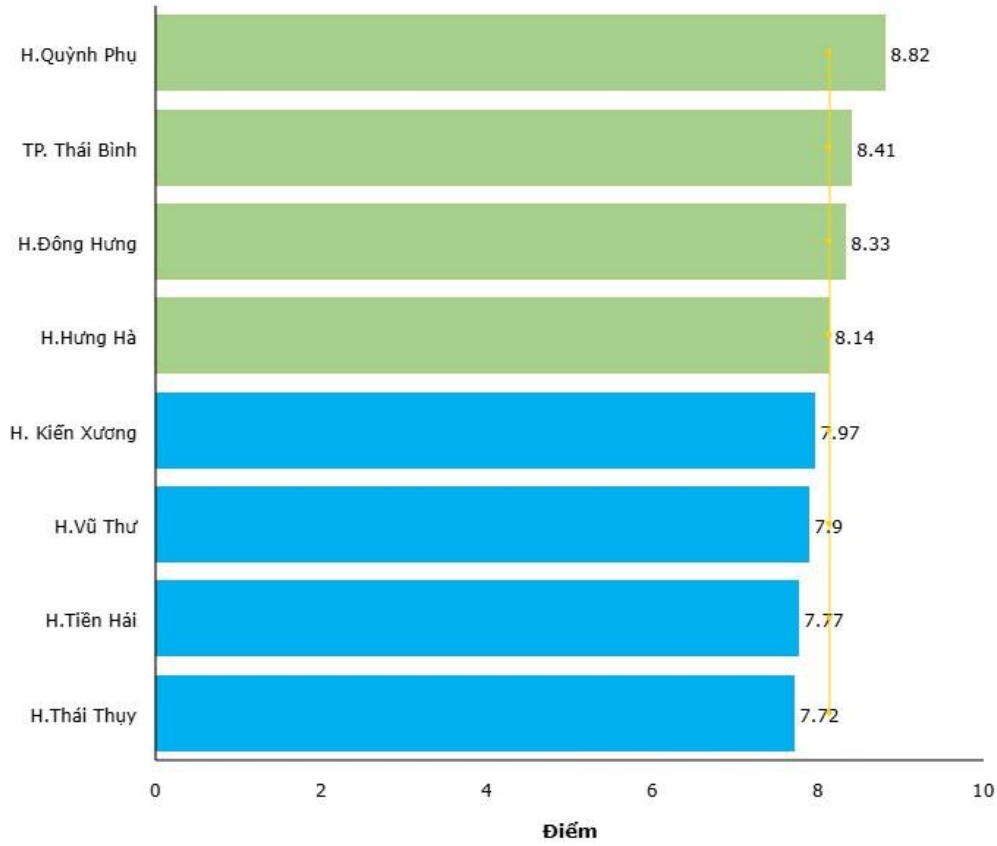
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Bên cạnh những điểm sáng tích cực trên là những gam màu xám cần cải thiện trong thời gian tới. Đó chính là những nội dung liên quan tới công tác đối thoại với các cơ sở SXKD, một điểm nghẽn không riêng biệt ở một cơ quan nào. Kết quả khảo sát chỉ ra có 9,85% HKD chưa được mời tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển ở địa phương, 14,12% HKD hiếm khi tham gia và 39,26% HKD cho biết thường được tham gia các buổi đối thoại. Ngoài việc đánh giá số lượng tham gia đối thoại, DDCI cũng đi sâu vào khảo sát chất lượng của các buổi đối thoại với các HKD đã từng tham gia. Tỷ lệ HKD đánh giá ở mức hiệu quả, thực chất là 65,62%, 27,28% HKD đánh giá bình thường và khoảng 7% HKD cho rằng không hiệu quả và mang tính hình thức nhiều hơn. Con số này phản ánh thực tế thời gian qua, các địa phương đều đã có nỗ lực nhất định trong việc tổ chức đối thoại với các cơ sở SXKD nhằm kịp thời nắm bắt và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc. Tuy nhiên, số lượng tổ chức các buổi đối thoại chưa nhiều và chưa định kỳ, mức độ quan tâm của HKD về các hoạt động này còn thấp do chưa nhận thức được hết tầm quan trọng và tiếng nói của mình trong việc xây dựng chính sách, tạo dựng môi trường kinh doanh. Mặc dù hầu hết các HKD đều nhận thấy tác động của công tác đối thoại, giải trình, nhưng kết quả chưa có những cải thiện nổi bật, chưa mang lại thay đổi sâu sắc, dẫn đến điểm số chỉ ở mức khá, chưa bứt phá lên được điểm số tốt hơn.

#### **4.2.4. Chi phí thời gian**

Cắt giảm thời gian thực hiện TTHC và tuân thủ quy định pháp luật là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc cải cách hành chính mà các cấp, các ngành đang triển khai. Cảm nhận của các HKD đối với chỉ số chi phí thời gian vẫn khá tích cực, cho thấy hướng đi đúng đắn và cần được tiếp tục phát huy trong thời gian tới. Điểm số trung bình chung của khối địa phương của chỉ số này đạt 8,13 điểm, nằm trong nhóm những chỉ số có kết quả cao nhất. Sự phân hóa điểm số cũng thể hiện rõ trong bảng phân bổ màu ở các địa phương. 4 địa phương dẫn đầu đạt mức điểm tốt trên 8 điểm là huyện Quỳnh Phụ, TP. Thái Bình, Đông Hưng và Hưng Hà. 4 địa phương còn lại là Kiến Xương, Vũ Thư, Tiền Hải và Thái Thụy ở nhóm điểm số khá với mức điểm từ 7,7-7,9 điểm.

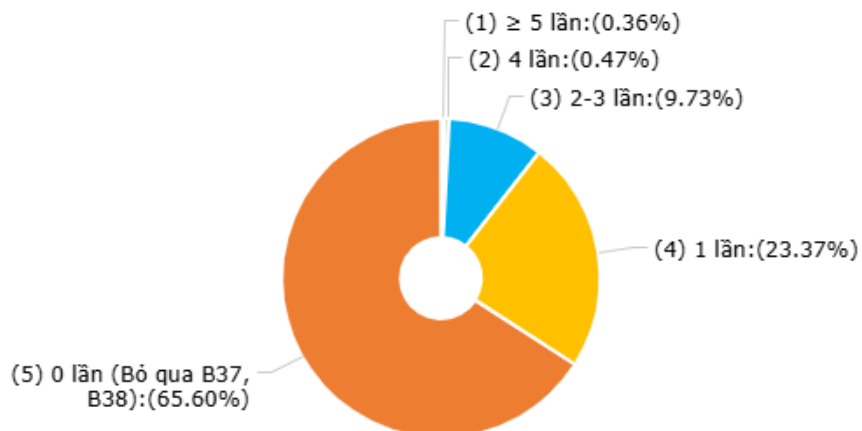
**Biểu đồ 4.7. Điểm số CSTP chi phí thời gian**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Về số lần phải sửa đổi, cập nhật bổ sung hồ sơ, phần lớn các HKD (khoảng 90%) chỉ phải chỉnh sửa 1 lần để nộp hồ sơ. Khảo sát về thời gian thực hiện TTHC ở địa phương so với quy định, có 15,46% HKD cho biết thời gian được rút ngắn hơn, 75,15% HKD đánh giá là đúng thời gian và chỉ khoảng 10% HKD cho biết chậm hơn quy định. 85,7% HKD đánh giá cao việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào dịch vụ công đã tiết kiệm nhiều thời gian.

**Biểu đồ 4.8. Số lần thanh tra, kiểm tra của HKD ở các địa phương**



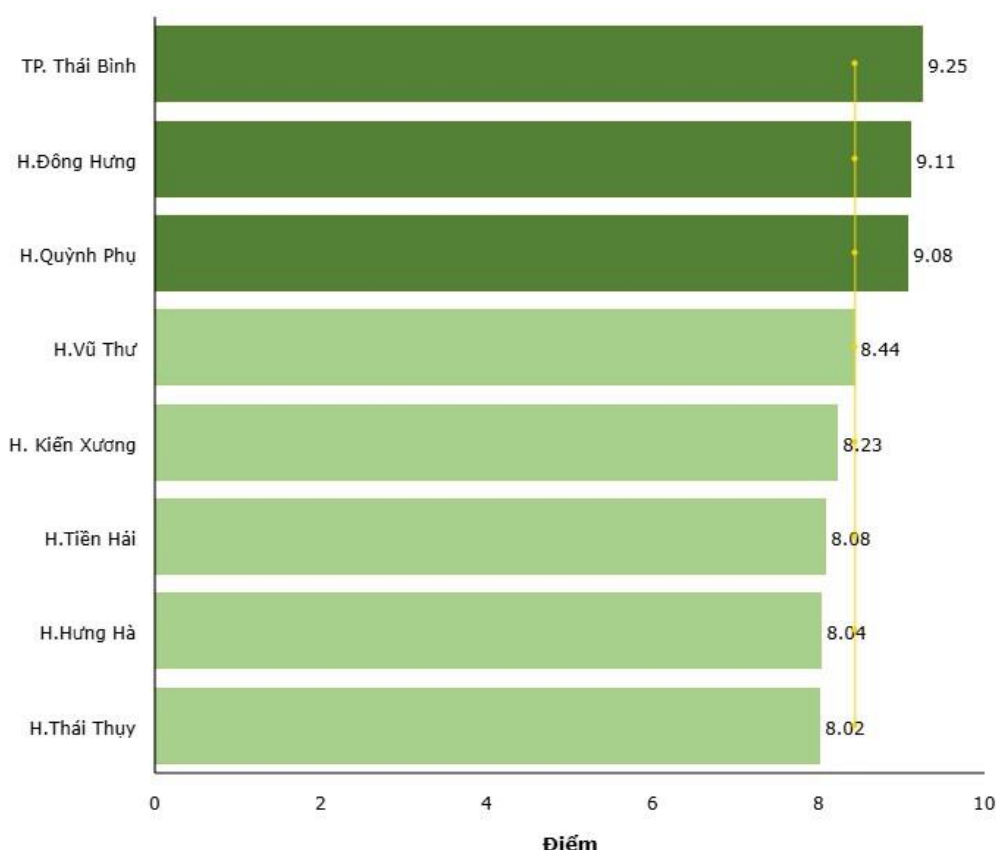
Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Một trong những khía cạnh đánh giá chỉ số chi phí thời gian là các nội dung liên quan tới thanh tra, kiểm tra. Năm 2024, tỉ lệ HKD không phải tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra là 65,6% song vẫn còn tỉ lệ nhỏ khoảng 1% HKD phải tiếp từ 4 lần trở lên và 4,25% HKD cho biết thanh tra, kiểm tra vẫn còn mất nhiều thời gian. Bên cạnh đó, theo phản ánh của các HKD vẫn còn một số trường hợp gây cản trở cho hoạt động SXKD. Điểm số của các chỉ tiêu này ở mức 7 điểm. Các kết quả đánh giá thủ tục thanh tra, kiểm tra tiếp tục chỉ ra đây là lĩnh vực cần thêm nhiều nỗ lực cải cách. Do đó, việc thực hiện tốt thanh tra, kiểm tra, giảm những phiền hà cho các HKD là rất cần thiết, thúc đẩy hoạt động SXKD và môi trường đầu tư, kinh doanh nói chung.

Những địa phương có điểm số cao trong chỉ số này cho thấy bất kỳ địa phương nào cũng có thể tạo nên điểm nhấn về cải cách TTHC. Bởi lẽ, xét trên mặt bằng chung về quy trình thủ tục thì các địa phương đều ngang nhau nhưng điểm khác biệt là địa phương nào thể hiện quyết tâm, tinh thần cầu thị. Bên cạnh đó, đẩy mạnh truyền thông, chia sẻ thông tin hữu ích, bố trí hợp lý, kiên trì hướng dẫn HKD chuyển đổi sang mô hình dịch vụ công trực tuyến. Kết quả cải cách TTHC không thể thay đổi “một sớm một chiều” nhưng những nỗ lực dài hạn sẽ mang lại bức tranh thay đổi tích cực cho các địa phương.

#### 4.2.7. Chi phí không chính thức

**Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP chi phí không chính thức**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Chi phí không chính thức vẫn là tiêu chí mà nhiều cơ sở SXKD quan tâm khi lựa chọn địa điểm đầu tư. Chỉ số chi phí không chính thức đo lường những chi phí ngoài quy định của nhà

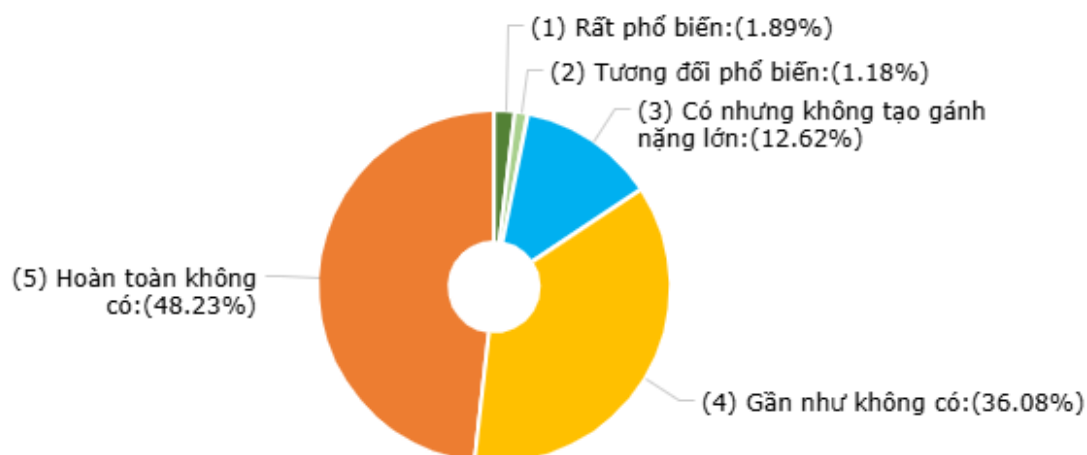
nước, như chi phí lót tay, “tham nhũng vặt”... Phân tích chi phí không chính thức tại tỉnh mang một thông điệp hết sức quan trọng, ghi nhận một cách hệ thống những điểm tích cực trong năm 2024. Điểm số trung bình chung CSTP chi phí không chính thức là 8,53 điểm, là chỉ số được đánh giá tốt nhất trong 9 CSTP. Kết quả khảo sát ghi nhận 3 địa phương thuộc nhóm điểm số rất tốt, trên 9 điểm là TP. Thái Bình, Đông Hưng và Quỳnh Phụ. Còn lại là 5 địa phương có điểm số ở nhóm tốt từ 8-8,4 điểm. Khoảng cách chênh lệch giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối là 1,23 điểm, không có sự phân cách quá lớn giữa các địa phương.

Xét về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức, kết quả DDCI năm 2024 chỉ ra rằng 48,23% HKD cho biết hoàn toàn không có chi phí không chính thức, 36,08% cho rằng vẫn còn một vài trường hợp. Tỷ lệ HKD cho rằng chi phí không chính thức vẫn còn phổ biến chiếm một phần nhỏ, khoảng 3,07%. Điểm số của chỉ tiêu này đạt 8,51 điểm. Bên cạnh các địa phương ghi nhận chiều hướng tích cực, một số địa phương cần cải thiện hơn nữa trong việc giảm mức độ phổ biến của chi phí không chính thức là Thái Thụy và Tiền Hải.

Về khía cạnh thanh tra, kiểm tra, có 83,49% HKD cho biết gần như không có hiện tượng chi trả các khoản này và có hơn 12% HKD cho biết các khoản chi phí này gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động SXKD. Điểm số của các chỉ tiêu này đạt lần lượt là 8,5 và 8,7 điểm.

Một khía cạnh tích cực khác là những cảm nhận khá lạc quan của các cơ sở SXKD về công cuộc đẩy lùi tham nhũng mà các cấp chính quyền đã quyết liệt thực hiện trong thời gian qua với 86,8% HKD cho ý kiến tin tưởng vào chiều hướng tiếp tục được cắt giảm.

#### Biểu đồ 4.10. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức ở các địa phương



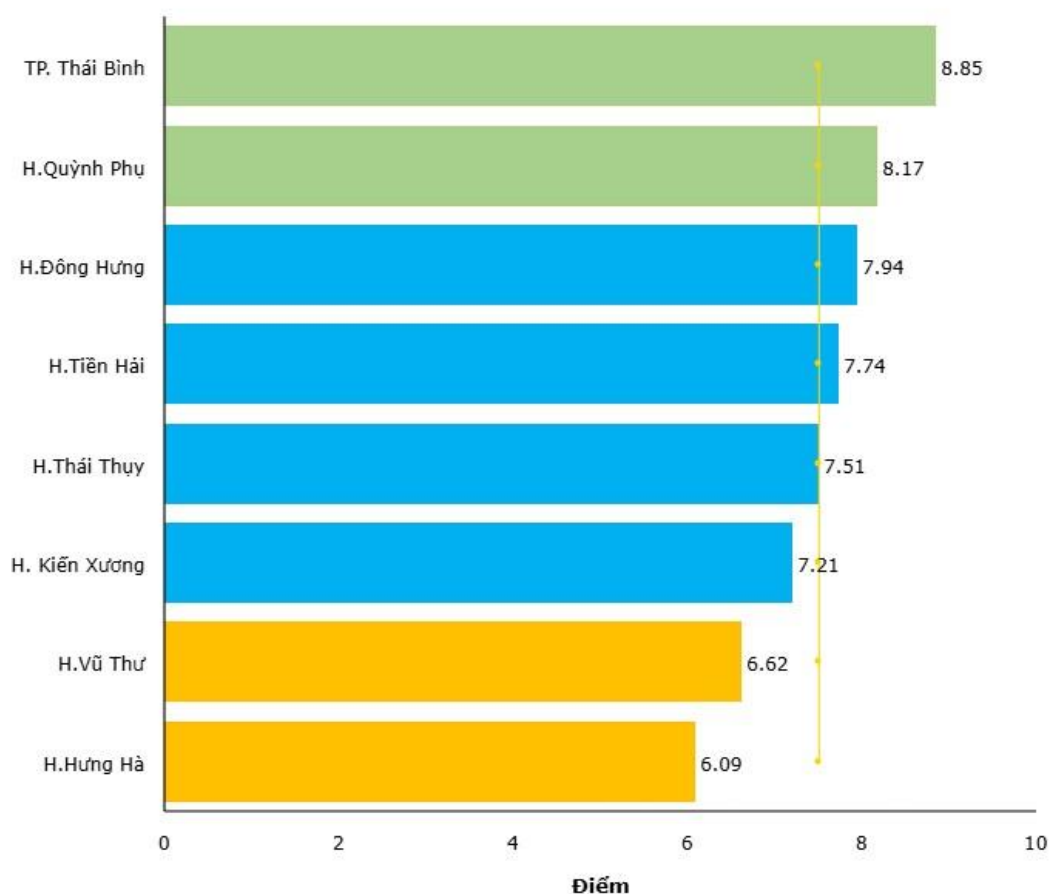
Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

DDCI năm 2023 đánh giá so sánh về quy mô chi phí không chính thức của các địa phương và lĩnh vực. Theo kết quả khảo sát, các khoản chi phí không chính thức tiếp tục ở mức nhỏ trong tổng thu nhập của các SXKD, không gây áp lực lớn với họ. Tuy nhiên, với phạm vi khảo sát về các khoản chi trả thực hiện TTHC đơn giản thì mức quy mô nhỏ của chi phí này trong năm qua là có thể dự đoán được. Các địa phương cần tiếp tục cải thiện ở chỉ số này, nhất là khi các HKD cho biết dù đã chi trả chi phí không chính thức nhưng công việc vẫn không được giải quyết như mong muốn. Tình trạng này được phản ánh ở nhiều địa phương trong tỉnh, bao gồm cả những địa phương thuộc nhóm đầu trong chỉ số này.

#### 4.2.6. Cạnh tranh bình đẳng

Các cải cách vẫn chưa đủ để cạnh tranh bình đẳng trở thành thế mạnh của tỉnh, vẫn còn tồn tại một khoảng cách lớn so với các chỉ số khác. Năm 2024, điểm số trung bình của chỉ số này đạt mức điểm khá là 7,52 điểm. Gam màu điểm số vẫn giữ được màu chủ đạo của nhóm xếp hạng tốt và khá. TP. Thái Bình là 2 địa phương đứng đầu ở chỉ số này với trên 8 điểm. Xếp ngay sau là 4 địa phương trong nhóm khá, ở mức điểm 7,2-7,9 điểm. 2 địa phương dưới 7 điểm là Vũ Thư và Hưng Hà. Khoảng cách điểm số giữa cơ quan đứng đầu và đứng cuối là 2,76 điểm, thể hiện sự chênh lệch về cảm nhận môi trường kinh doanh ở các địa phương.

**Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

DDCI Thái Bình năm 2024 tiếp tục đánh giá chỉ số cạnh tranh bình đẳng dựa trên mức độ đồng ý về đối xử bình đẳng trong tiếp cận 5 tiêu chí cấu thành quan trọng gồm: tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh; thực hiện TTHC, làm việc; giải quyết kiến nghị khó khăn và công tác thanh tra, kiểm tra; giải quyết chính sách ưu đãi, hỗ trợ. Đối xử bình đẳng này được hiểu là không có sự phân biệt đối xử giữa các cơ sở SXKD lớn, cơ sở SXKD thân hữu với chính quyền địa phương so với cơ sở SXKD vừa và nhỏ. Tỷ lệ HKD đánh giá việc đối xử công bằng, bình đẳng trong tiếp cận các khía cạnh đánh giá đạt hơn 65%. Kết quả khảo sát các chỉ tiêu nằm trong mức điểm 7,6 điểm, còn nhiều không gian để cải thiện.

Các kết quả trên cho thấy sự ghi nhận của cộng đồng HKD đối với những tiến bộ của các cơ quan nhà nước ở địa phương về chất lượng cải thiện môi trường kinh doanh. Tuy nhiên các

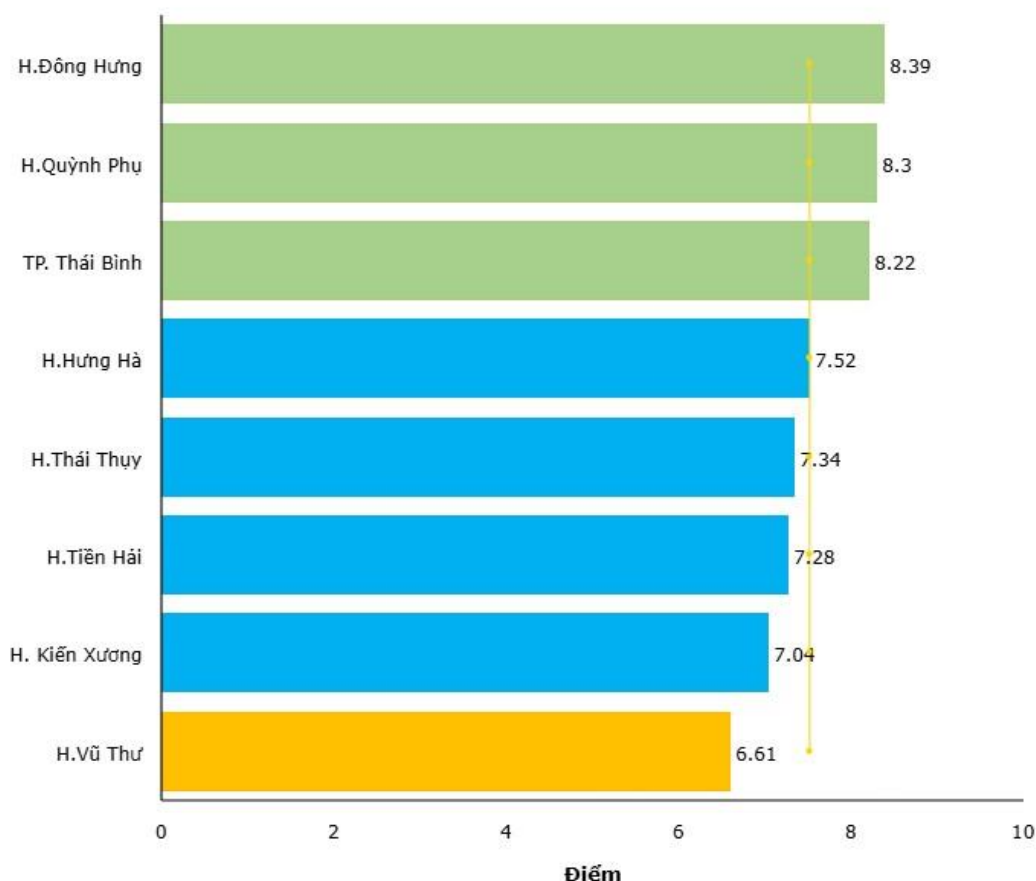


cơ quan cần quan tâm hỗ trợ đến các HKD nhỏ và siêu nhỏ để giúp nhóm đối tượng này tham gia vào thị trường một cách thuận lợi hơn, cải thiện góc nhìn về môi trường kinh doanh bình đẳng.

#### 4.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

Năm 2024, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các địa phương được ghi nhận một số tích cực song chưa đạt kỳ vọng của các HKD trong tỉnh. Bằng chứng là điểm số CSTP về hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh chỉ đạt 7,59 điểm, là CSTP thuộc nhóm điểm số thấp trong bảng xếp hạng chung. Ngay cả các địa phương thuộc nhóm đầu của bảng xếp hạng DDCI địa phương như Đông Hưng, Quỳnh Phụ và TP. Thái Bình thì hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh cũng còn tồn tại một khoảng cách so với mong muốn của cộng đồng DN/HTX/HKD. 4 địa phương gồm Hưng Hà, Thái Thụy, Tiền Hải và Kiến Xương thuộc nhóm điểm khá từ 7-7,5 điểm và duy nhất Vũ Thư thuộc nhóm trung bình khá với 6,61 điểm. Nhiệm vụ này đòi hỏi tất cả các địa phương thuộc tỉnh cần tập trung thực hiện trong thời gian tới để nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh nói chung, mỗi địa phương nói riêng.

**Biểu đồ 4.12. Điểm số CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh**



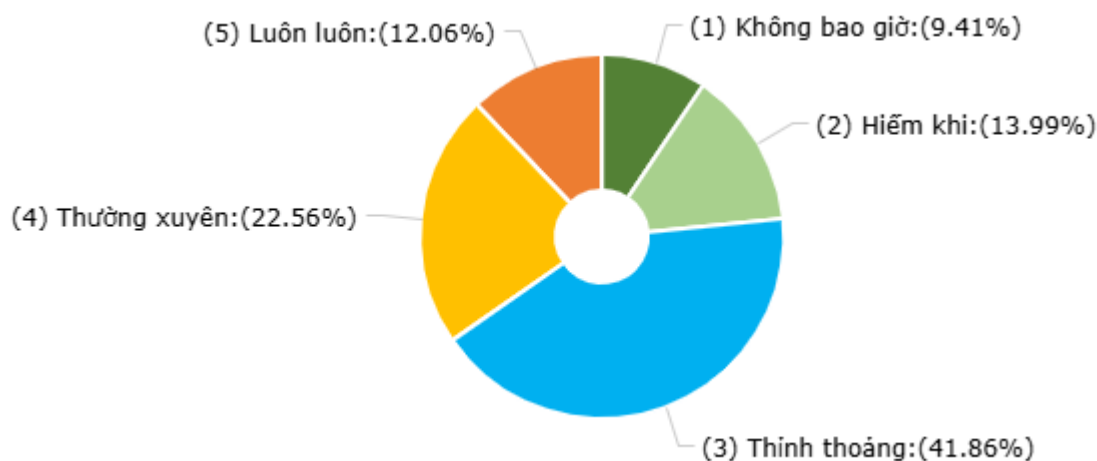
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Trước ảnh hưởng của nền suy thoái kinh tế, các cơ chế, chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh sau đại dịch đã được triển khai liên tục và kịp thời. Các chính sách này đã có tác dụng hỗ trợ và thúc đẩy xu hướng phục hồi tính cực của các hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích sâu về các hoạt động hỗ trợ SXKD, kết quả dữ liệu DDCI cũng cho thấy hầu hết

các hoạt động được các HKD ghi nhận có tác động nhưng hiệu quả chưa cao. Cụ thể, hỗ trợ các HKD cho phụ nữ, người yếu thế làm chủ (đạt 7,83 điểm), hỗ trợ các trường hợp chịu ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (7,86 điểm), hỗ trợ kết nối thị trường, chuỗi cung ứng (7,82 điểm) là những hoạt động được đánh giá cao hơn các hoạt động khác với khoảng 70% HKD đánh giá mang lại hiệu quả thiết thực. Ở một số khía cạnh, DDCI vẫn ghi nhận nhiều hoạt động hỗ trợ cải thiện chậm và đánh giá kém hiệu quả hơn như khởi sự kinh doanh; xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường. Những nhóm giải pháp này được cho là thiếu vắng các giải pháp hỗ trợ cụ thể và tác động khó có thể thấy ngay trong thời gian ngắn hạn.

DDCI Thái Bình cũng chỉ ra một khía cạnh ít cải thiện nhất trong chỉ số này là tỉ lệ các HKD được mời tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD ở các địa phương còn khá thấp, chỉ có 12,06% HKD cho biết luôn luôn được mời tham gia các chương trình này, 22,56% HKD thường xuyên được mời tham gia các chương trình nhưng vẫn còn 23,4% HKD chưa bao giờ hoặc hiếm khi được mời tham gia.

**Biểu đồ 4.13. Tỉ lệ HKD được mời/ tham gia các chương trình, hoạt động hỗ trợ SXKD**



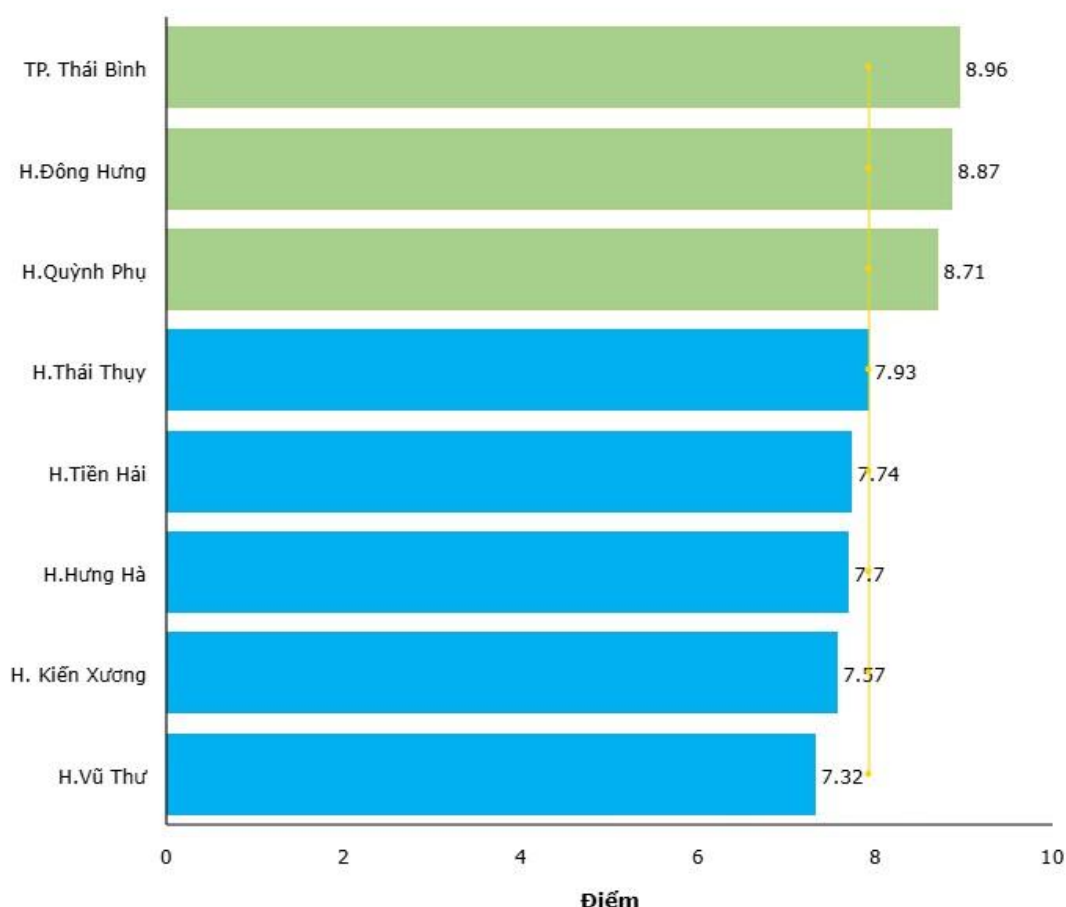
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Như báo cáo đã đề cập ở trong chỉ số DDCI Sở, ban, ngành, ngoài những giải pháp hỗ trợ SXKD thì nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng là gói hỗ trợ hiệu quả nhất và tốn ít chi phí nhất mà các cơ sở SXKD kì vọng ở các cơ quan nhà nước. Đây cũng là giải pháp căn bản, lâu dài, hiệu quả nhất về chi phí và cũng chính là nhiệm vụ chính trị của các cơ quan quản lý nhà nước.

#### **4.2.8. Hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự**

Việc thực thi hiệu quả các quy định pháp luật cũng như việc giải quyết các vấn đề, khiếu nại, tố cáo nhanh chóng, thuận lợi và đúng pháp luật có thể giúp giảm đáng kể rủi ro và chi phí tuân thủ cho các HKD. Kết quả khảo sát HKD tại các địa phương cho thấy những tín hiệu tích cực ở chỉ số hiệu lực thực thi văn bản chính sách, thiết chế. Điểm số trung bình của chỉ số này tiếp tục góp mặt trong nhóm CSTP có điểm số tốt với 8,1 điểm năm 2024. Bảng màu của chỉ số này cũng chuyển dần sang gam màu xanh với nhiều địa phương đã nằm trong nhóm chất lượng tốt hơn với 3/8 địa phương. Trong đó, TP. Thái Bình đạt 8,96 điểm, là đơn vị đứng đầu ở chỉ số này. Tiếp theo là 5 địa phương ở nhóm điểm khá.

**Biểu đồ 4.14. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế và ANTT**

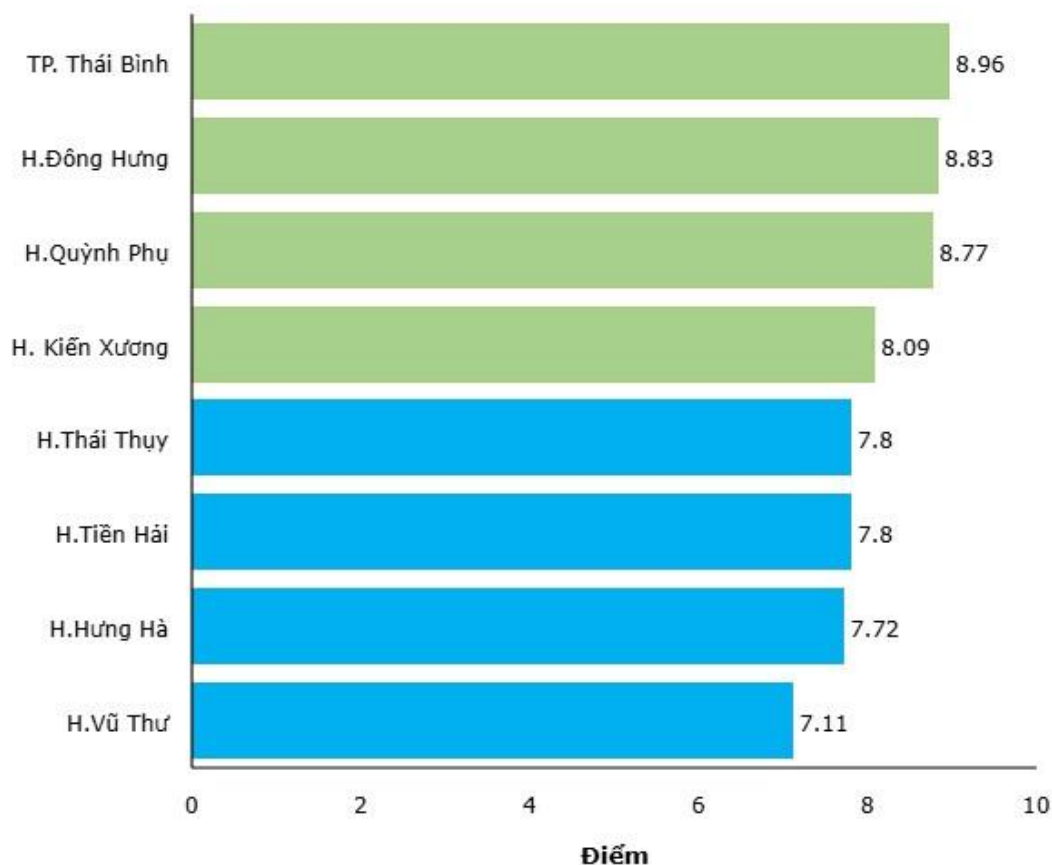


*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Đánh giá về đóng góp việc hoàn thành chức năng, nhiệm vụ chính đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, có 70,29% HKD đánh giá đóng góp tích cực với điểm số chỉ tiêu này đạt 8,57 điểm. Về các chỉ tiêu về hiệu lực thiết chế, phần lớn các HKD đều đánh giá việc triển khai chính sách, pháp luật, tiếp DN/HTX/HKD và cơ chế giải quyết khiếu nại, thắc mắc tương đối tích cực với điểm số trong khoảng 7,9 điểm, tiệm cận rất gần với mức điểm tốt 8 điểm. Các con số trên cho thấy niềm tin của các HKD về cơ chế giải quyết các vụ việc đang được củng cố.

Môi trường an ninh trật tự được đảm bảo trong thời gian qua, theo đánh giá của các HKD. Cụ thể, tỉ lệ các HKD cho biết tình hình an ninh trật tự tại địa phương ổn định, không có các hiện tượng quấy nhiễu hoặc chi trả tiền cho các nhóm đối tượng là hơn 75%. Chỉ còn một số địa phương cần quan tâm hơn nữa đến việc tạo điều kiện an ninh trật tự như Vũ Thư, Hưng Hà, Thái Thụy và Tiền Hải.

**Biểu đồ 4.15. Điểm số chỉ tiêu “UBND địa phương đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh trật tự”**

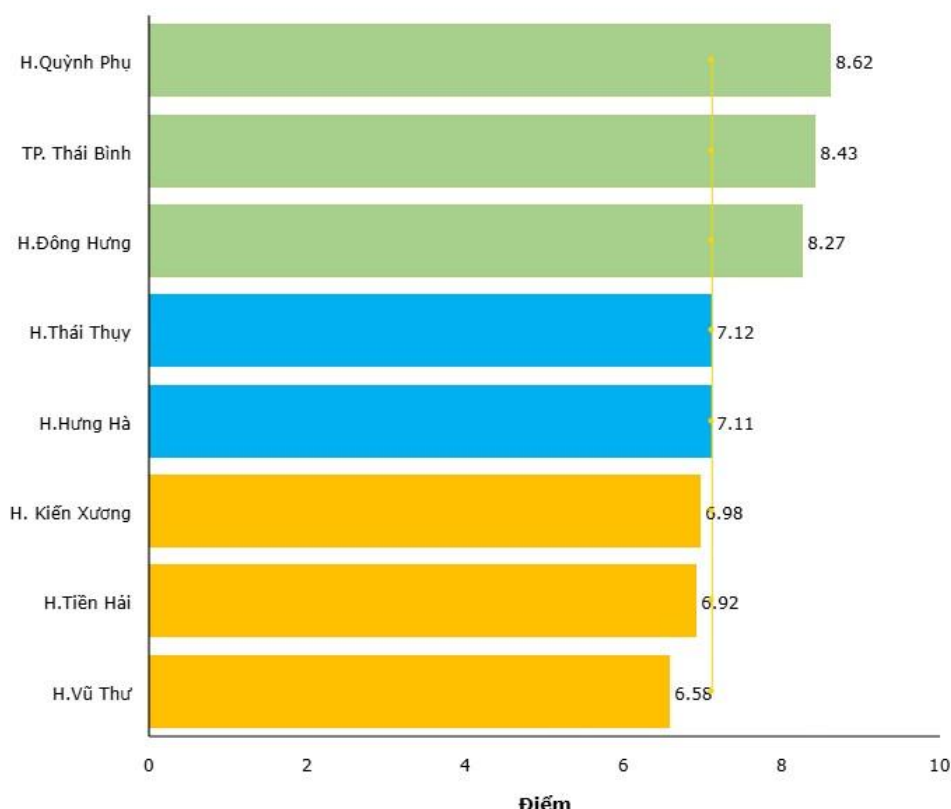


*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

#### **4.2.9. Tiếp cận đất đai**

Chính quyền cấp huyện, thành phố có chức năng quản lý về lĩnh vực đất đai, đây là một trong những cấu phần quan trọng trong phát triển kinh tế, tạo môi trường kinh doanh ổn định. Tuy nhiên, lĩnh vực đất đai cũng là lĩnh vực còn nhiều điểm nghẽn trong quá trình cải cách hành chính không chỉ ở Thái Bình mà còn là tình trạng chung của nhiều tỉnh, thành trong cả nước. Điểm số trung bình của chỉ số này nằm ở nhóm điểm khá, nhưng chỉ đạt 7,5 điểm. Phân nhóm điểm số được chia làm 3 nhóm, Nhóm các địa phương có điểm số tốt là Quỳnh Phụ, TP. Thái Bình và Đông Hưng. Nhóm các địa phương được đánh giá ở mức khá, gồm 2 địa phương là Thái Thụy và Hưng Hà. Còn lại 3 địa phương là Kiến Xương, Tiền Hải và Vũ Thư có điểm số ở mức trung bình khá, dưới 7 điểm.

**Biểu đồ 4.16. Điểm số CSTP tiếp cận đất đai**



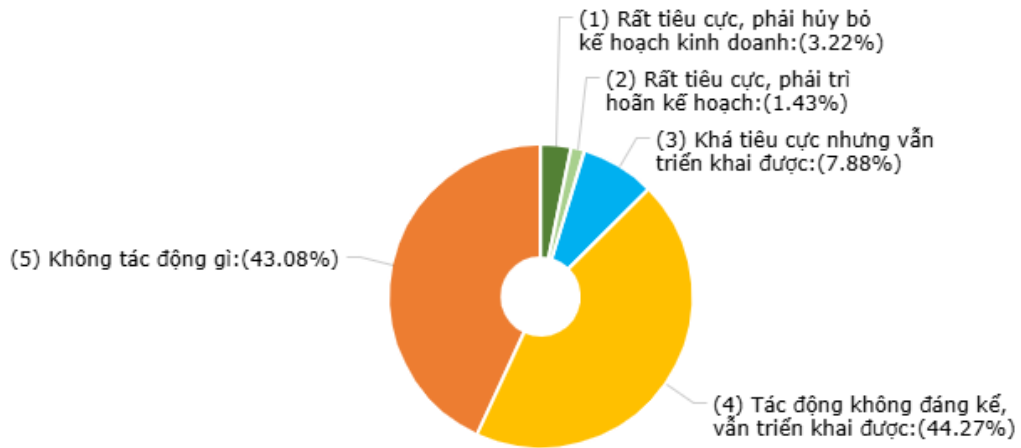
*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*

Đánh giá về các hoạt động thực hiện, triển khai tiếp cận đất đai, có 68,55% HKD cho biết các địa phương đã quan tâm và có hành động nhằm hỗ trợ tiếp cận mặt bằng kinh doanh, quỹ đất sạch hoặc thuê đất đai tại khu đất mới được quy hoạch. Ngoài ra, khoảng 70% HKD cũng đánh giá tích cực về việc chủ động, tích cực trong giải quyết các vướng mắc về mặt bằng kinh doanh, đất đai, công tác quản lý đất đai, quy hoạch công bằng, hiệu quả với khoảng 7,6 điểm. Tuy nhiên, nhiều HKD cho biết các địa phương cần đẩy mạnh hoạt động giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, mặt bằng cần công khai, minh bạch và nhanh chóng hơn. 12,53% HKD cho biết bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc xử lý chưa hiệu quả trong công tác quản lý đất đai, xử lý các vấn đề liên quan tới đất đai ở địa phương.

Chỉ số tiếp cận đất đai là một trong những chỉ dấu quan trọng tại các địa phương, là nền tảng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo điểm đến hấp dẫn, đáng tin cậy cho nhà đầu tư. Chỉ số này nếu được cải thiện liên tục sẽ góp phần giữ chân các nhà đầu tư và các cơ sở SXKD hoạt động hiệu quả, lâu dài tại các địa phương.



**Biểu đồ 4.17. Ảnh hưởng của các công tác quản lý đất đai, xử lý các vấn đề đất đai đến hoạt động SXKD**



*Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)*



# CHƯƠNG V

TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

  
**DDCI**  
THÁI BÌNH

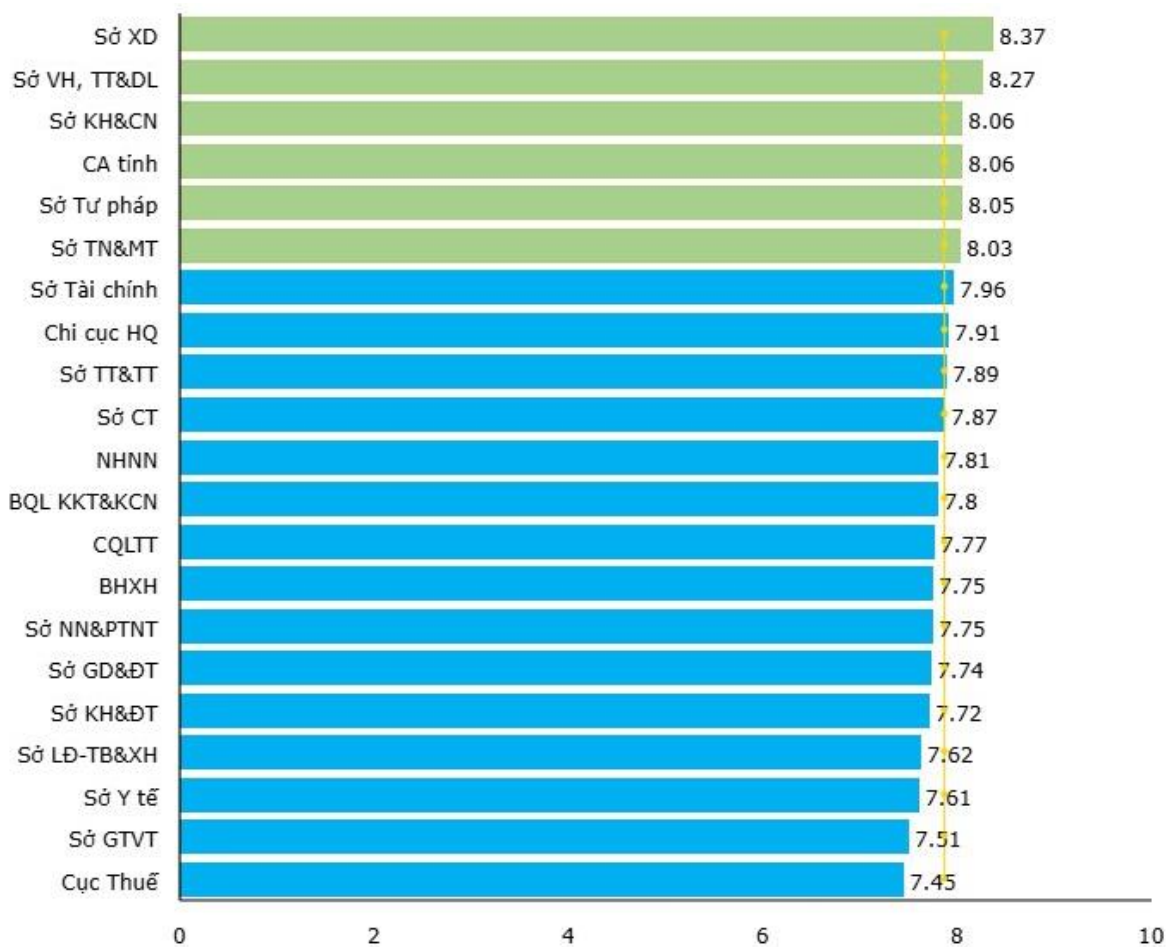


## CHƯƠNG V. TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### 5.1. Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và bền vững từ DDCI cấp Sở, ban, ngành

Tương tự như cách tiếp cận về PGI và PCI mà VCCI đang áp dụng, chỉ số về tăng trưởng xanh và bền vững không đưa vào bảng điểm, xếp hạng chung DDCI mà chỉ đánh giá về việc triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển xanh ở tỉnh, là cơ sở phân tích riêng theo sở, ban, ngành và các địa phương, bổ sung cho đánh giá chỉ số PGI của tỉnh trong thời gian tới.

Biểu đồ 5.1. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững



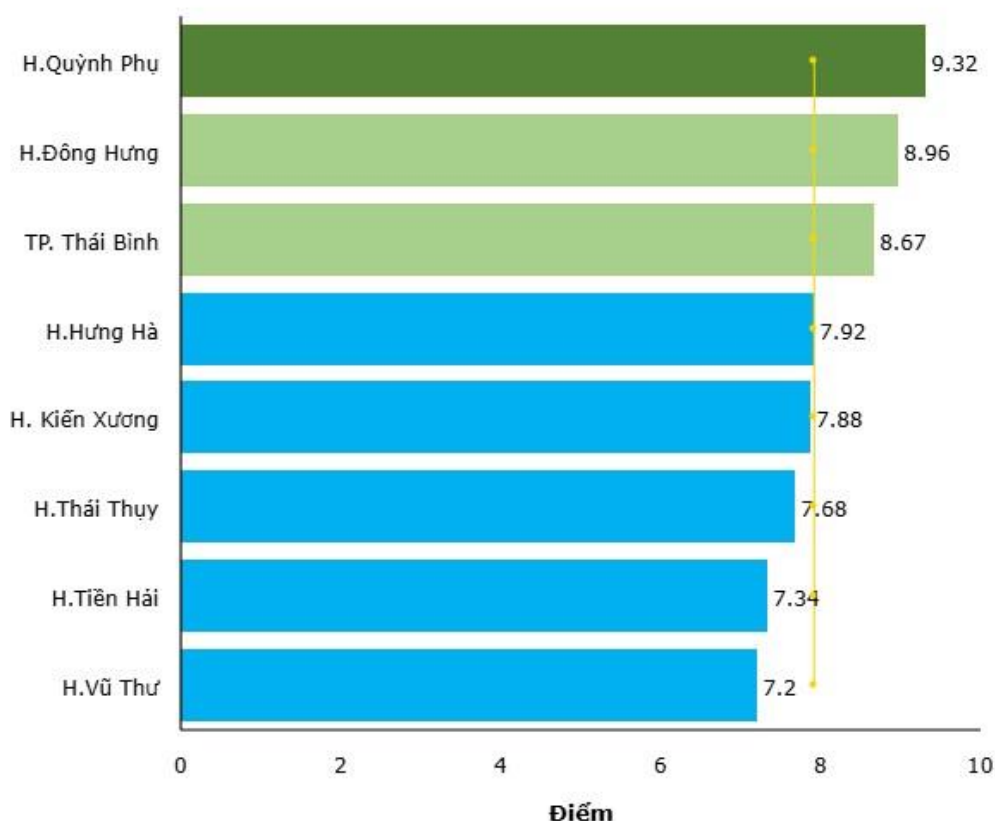
Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Kết quả DDCI ghi nhận mức điểm 7,86 điểm cho CSTP này trung bình chung cho các sở ban ngành. Dưới góc độ DDCI sở ban ngành, CSPT này quan tâm đến việc các sở, ban, ngành khuyến khích, nâng cao nhận thức, tiên phong, lồng ghép nội dung và hành động để hướng đến một nền kinh tế tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Nhìn chung, khoảng 70% DN/HTX đánh giá các sở ban ngành đã quan tâm đến vấn đề chung của tăng trưởng xanh, có các hành động khuyến khích DN/HTX sản xuất kinh doanh chú ý đến yếu tố môi trường, phát triển bền vững.

Mặc dù vậy, mức độ quan tâm cũng có sự khác biệt đôi chút giữa các sở ban ngành. Một số Sở, ban, ngành được đánh giá cao như Sở Xây dựng, Sở VH, TT&DL, Sở KH&CN, Công an tỉnh, Sở Tư pháp và Sở TN&MT. Cộng đồng doanh nghiệp kì vọng cao hơn vào cách hành động thiết thực của một số Sở, ban, ngành khác như Sở Y tế, Sở GTVT và Cục Thuế, liên quan đến các vấn đề nêu trên.

## 5.2. Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và bền vững từ DDCI cấp địa phương

**Biểu đồ 5.2. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững**



Nguồn: Khảo sát DDCI Thái Bình (2024)

Tại Hội nghị COP26, Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Để thực hiện điều này, đòi hỏi có sự hợp tác của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) là công cụ quan trọng để đánh giá hiệu quả của các cơ quan công quyền về vấn đề bảo vệ môi trường. Trước thực tế này, thời gian vừa qua, nhiều địa phương tại tỉnh Thái Bình có hoạt động, khuyến khích các mô hình kinh doanh quan tâm hơn đến vấn đề môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Bám sát các quy định và chủ trương của

Trung ương, của tỉnh, một số địa phương đã có những quan tâm nhất định đến các vấn đề kể trên.

Kết quả DDCI ghi nhận mức điểm 8,12 điểm trung bình chung cho các địa phương, với Quỳnh Phụ dẫn đầu đạt 9,32 điểm, Đông Hưng đứng thứ 2 với 8,96 điểm và TP. Thái Bình đạt 8,67 điểm ở vị trí thứ 3. Các địa phương còn lại cần quan tâm hơn nữa tới tăng trưởng xanh trong thực hiện chính sách. Hơn 80% HKD cho biết các địa phương đã tích cực và hiệu quả trong khuyến khích HKD thực hiện các biện pháp, thực tiễn tốt để giảm thiểu tác động môi trường.



## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2023), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2013)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2023), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2023*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. Chính phủ Việt Nam (2020b), Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09 tháng 4 “*Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19*”
5. Cục Thống kê Thái Bình (2019-2024), “*Niên giám thống kê Thái Bình năm 2019-2024*”.
6. Cục Thống kê Thái Bình (2010-2024), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2024*”.
7. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
8. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
9. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
10. GSO (2005 - 2024), “*Niên giám thống kê các năm 2005-2024*”.
11. GSO (2012), “*Sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2011*”, Nhà xuất Bản Thống kê
12. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2021), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2021*”
13. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
14. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
15. UBND tỉnh Thái Bình (2021-2023), “*Báo cáo kết quả năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương DDCI*”
16. USAID/VNCI-VCCI (2006-2023), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2023)*”. [www.pcivietnam.org/reports.php](http://www.pcivietnam.org/reports.php)
17. VCCI (2018-2021), “*Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2018-2021*”
18. VCCI (2021), “*Báo cáo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường. Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020*”
19. VCCI (2021), “*Báo cáo nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp*”
20. VCCI (2021), “*Báo cáo: Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp*”
21. VCCI (2021), “*Báo cáo: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu*”
22. VCCI (2021), “*Báo cáo: Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra*”
23. VCCI (2010-2017), Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017
24. VCCI (2010-2019), “*Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia
25. VCCI (2019), “*Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế*”, Hà Nội.
26. VCCI. (2020), “*Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia*”, Hà Nội
27. World Bank (2018-2020), “*Doing Business 2018-2020*”

28. Bộ luật số: 45/2019/QH14, Bộ luật Lao động ngày 20 tháng 11 năm 2019
29. Luật số: 77/2015/QH13, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015.
30. Luật số: 104/2016/QH13, Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 04 năm 2016
31. Luật số: 47/2019/QH14, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019
32. Luật số: 20/VBHN-VPQH, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, ngày 15 tháng 07 năm 2020

## PHỤ LỤC

### 1. DDCI cấp Sở, ban, ngành

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN&MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN&PTNT	Sở VH, TT&DL	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Tư pháp	BQL KKT&KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>THỰC HIỆN TTHC, CẤP PHÉP GIẢ NHẬP THỊ TRƯỜNG</b>	8,16	8,33	8,28	8,61	7,79	8,19	8,12	8,84	8,34	8,24	8,61	7,68	8,32	8,17	8,3	8,15	8,42	8,33	8,52	8,44	8,23	8,7
B1. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng hướng dẫn của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY về trình tự, hồ sơ TTHC?	7,9	8	8,15	8,41	7,64	8,05	8,03	8,78	8	7,98	8,31	7,93	8,08	8,13	8,15	7,92	8,26	8,15	8,33	8,29	N/A	8,12
B2. Ông/bà đánh giá thế nào về tổ chức thực hiện TTHC của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,89	8	8,07	8,48	7,58	8,05	8	9	8,28	7,9	8,38	7,86	8,2	8,13	8,12	7,84	8,13	8,17	8,38	8,16	N/A	8,13
B3. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX/HKD.	7,86	8,11	7,91	8,11	7,58	7,72	7,74	8,39	8,07	7,95	8,44	6,86	8	7,81	7,97	7,83	8,16	8,05	8,29	8,29	7,58	7,94
B4. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX	9,17	9,33	9,07	9,29	8,38	8,98	8,9	9,33	8,71	9,16	9,61	7,78	8,94	8,77	9,15	9,15	9,15	9,22	9,3	9,08	8,88	9,02
B5. Ông/bà đánh giá thế nào về tác động của việc thực hiện TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đến kế hoạch kinh doanh?	7,96	8,22	8,2	8,78	7,79	8,17	7,9	8,72	8,62	8,2	8,31	8	8,38	8	8,09	8,01	8,4	8,08	8,29	8,36	N/A	8,22
<b>TÍNH MINH BẠCH VÀ ỨNG DỤNG CNTT</b>	<b>7,73</b>	<b>7,59</b>	<b>7,8</b>	<b>8,46</b>	<b>7,61</b>	<b>7,8</b>	<b>7,54</b>	<b>8,38</b>	<b>8,59</b>	<b>7,76</b>	<b>8,03</b>	<b>7,55</b>	<b>7,81</b>	<b>7,45</b>	<b>7,78</b>	<b>7,72</b>	<b>8,03</b>	<b>7,9</b>	<b>8,05</b>	<b>8,03</b>	<b>7,48</b>	<b>7,86</b>
B6. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế chính	7,72	7,9	7,82	8,37	7,58	7,88	7,74	8,33	8,9	7,8	8	7,5	7,96	8	8	7,83	8,1	7,82	8,33	8,39	7,57	7,98

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH& ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN& PTNT	Sở VH, TT& DL	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ- TB& XH	Sở Tư pháp	BQL KKT& KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
sách mới ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?																						
<b>B7.</b> Khi ông/bà có yêu cầu cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	6,99	7,08	7,19	8,07	7,26	7,24	7,38	7,78	8,29	7,22	7,5	7,71	7,51	6,93	7,33	7,11	7,51	7,37	7,71	7,44	7,04	7,41
<b>B8.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “DN/HTX/HKD của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng và giải quyết TTHC tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY”?	7,29	6,79	7,25	7,89	7,43	7,04	6,59	8	7,85	7,19	7,81	6,57	7,18	6,58	7	7,02	7,23	7,32	7,42	7,11	7,5	7,24
<b>B9.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn). (DN đánh giá Chi cục HQ tỉnh bỏ qua câu này).	8,23	7,71	7,93	8,74	7,55	8,07	7,87	8,67	8,57	7,9	8,33	7,85	7,71	7,81	7,94	8	N/A	8,12	8,32	8,29	N/A	8,08
<b>B10.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY so với thực hiện trực tiếp?	8,14	8	8,14	8,81	8,04	8,26	7,79	8,89	9	8,29	8,2	7,7	8,37	8	8,34	8,07	8,54	8,22	8,17	8,55	N/A	8,28

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH& ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN& PTNT	Sở VH, TT& DL	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ- TB& XH	Sở Tư pháp	BQL KKT& KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>B11.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp cơ sở SXKD không phải nộp bổ sung các giấy tờ bản cứng như phương pháp truyền thống”?	8,07	7,94	8,3	8,6	8,02	8,26	7,97	8,72	8,93	8,17	8,34	7,78	8,12	7,68	8,06	8,19	8,47	8,48	8,26	8,23	N/A	8,23
<b>B12.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nỗ lực ứng dụng CNTT/ chuyển đổi số để công khai thông tin, tương tác với doanh nghiệp, tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc và cung cấp dịch vụ công cho các cơ sở SXKD tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,68	7,74	7,93	8,74	7,4	7,86	7,47	8,28	8,62	7,78	8	7,71	7,84	7,16	7,82	7,84	8,3	7,96	8,13	8,19	7,82	7,92
<b>TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIÊN PHONG CỦA SỞ, BAN, NGÀNH</b>	<b>7,52</b>	<b>7,69</b>	<b>7,49</b>	<b>8,24</b>	<b>7,68</b>	<b>7,66</b>	<b>7,62</b>	<b>7,97</b>	<b>7,93</b>	<b>7,41</b>	<b>7,7</b>	<b>7,04</b>	<b>7,65</b>	<b>7,6</b>	<b>7,62</b>	<b>7,87</b>	<b>7,87</b>	<b>7,52</b>	<b>7,92</b>	<b>8,04</b>	<b>7,53</b>	<b>7,69</b>
<b>B13.</b> “Kịp thời, chủ động nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao”	8	7,95	7,58	8,33	7,98	7,86	7,81	8,17	7,93	7,75	8	7,21	7,92	7,87	7,82	8,24	8,07	7,83	8,13	8,41	7,75	7,93
<b>B14.</b> “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới từ thực tiễn và tham mưu UBND tỉnh các đề xuất phù hợp”	7,89	7,85	7,58	8,42	8,02	7,84	7,84	8,22	7,79	7,68	7,94	7	7,8	7,81	7,73	8,12	8,1	7,82	7,96	8,42	7,75	7,88
<b>B15.</b> “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW”	7,92	8,05	7,78	8,44	8,06	7,86	7,74	8,39	8	7,65	7,81	7	7,96	7,94	7,85	8,26	8,03	7,84	8,09	8,42	7,83	7,95



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH& ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN& PTNT	Sở VH, TT& DL	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ- TB& XH	Sở Tư pháp	BQL KKT& KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>B16.</b> “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây cản trở, khó khăn cho các DN/HTX”	7,93	7,95	7,67	8,37	8,02	7,81	7,87	8,33	7,93	7,68	7,94	7,07	7,84	8	7,76	8,18	8	7,81	8,04	8,35	7,82	7,92
<b>B17.</b> “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tích cực, chủ động tham vấn với DN/HTX/HKD về việc thực hiện các quy định pháp luật, TTHC và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn nhằm tìm biện pháp tháo gỡ cho DN/HTX/HKD”	7,83	7,95	7,71	8,44	8,11	7,86	7,9	8,39	7,93	7,65	7,75	7,07	7,84	8	7,97	8,19	8,07	7,87	8,13	8,39	7,78	7,94
<b>B18.</b> Tần suất được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà ông/bà gặp phải?	5,73	6,72	6,56	7,4	6,34	6,76	6,56	6,46	7,66	6,24	6,75	6,74	6,61	6,52	6,77	6,72	7,08	5,95	7,2	6,41	6,41	6,65
<b>B19.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả của của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà họ gặp phải?	7,33	7,38	7,54	8,27	7,23	7,64	7,61	7,83	8,28	7,23	7,69	7,15	7,59	7,07	7,42	7,36	7,77	7,52	7,91	7,87	7,41	7,58
<b>CHI PHÍ THỜI GIAN</b>	<b>8,02</b>	<b>7,74</b>	<b>7,81</b>	<b>8,25</b>	<b>7,76</b>	<b>7,91</b>	<b>7,91</b>	<b>8,44</b>	<b>8,33</b>	<b>7,85</b>	<b>8,18</b>	<b>7,44</b>	<b>8,08</b>	<b>7,9</b>	<b>7,77</b>	<b>7,78</b>	<b>8,05</b>	<b>7,94</b>	<b>8,04</b>	<b>7,91</b>	<b>7,15</b>	<b>7,92</b>
<b>B20.</b> Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trung bình bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	8,35	8,34	7,84	8	8,11	8,4	8,34	8,56	8,74	8,26	8,47	7,5	8	8,39	7,7	7,84	8,45	8,07	8,49	8,29	N/A	8,21
<b>B21.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện các TTHC ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY so với quy định?	7,9	7,71	7,71	8,22	7,94	7,88	7,93	8,06	8,37	8,05	8	7,86	8,17	7,87	8,03	7,93	8,21	8,07	8,17	7,87	N/A	8

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH& ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN& PTNT	Sở VH, TT& DL	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ- TB& XH	Sở Tư pháp	BQL KKT& KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>B22.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định “việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và cung cấp dịch vụ công của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đã tiết kiệm nhiều thời gian cho người làm TTHC”?	7,96	7,89	8,23	8,42	7,83	8,28	8,07	8,57	8,67	8,18	8,07	7,79	8,26	8,13	8,25	8,07	8,41	8,38	8,43	8,32	N/A	8,21
<b>B23.</b> Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành của Sở/ban/ngành đang đánh giá, không bao gồm hoạt động kiểm tra để hoàn thành TTHC)	9,3	8,21	8,76	9,35	8,66	8,73	8,66	9,11	8,21	8,2	8,65	7,86	8,82	8,71	8,25	8,58	9,15	8,77	8,75	8,39	7,9	8,62
<b>B24.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ban hành?	6,87	6,69	6,71	7,55	6,98	6,58	6,98	7,89	7,83	6,81	7,52	6,4	7,46	6,84	6,83	6,63	6,5	6,91	6,41	6,71	6,22	6,92
<b>B25.</b> Theo ông, bà, hoạt động thanh tra, kiểm tra có làm cản trở hoạt động SXKD bình thường của DN/HTX/HKD?	7,73	7,59	7,63	8	7,03	7,59	7,51	8,44	8,17	7,58	8,38	7,24	7,78	7,44	7,57	7,64	7,57	7,45	8	7,88	7,33	7,69
<b>CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC</b>	<b>8,5</b>	<b>8,63</b>	<b>8,26</b>	<b>9,2</b>	<b>8,28</b>	<b>8,62</b>	<b>8,37</b>	<b>9,02</b>	<b>8,4</b>	<b>8,73</b>	<b>8,31</b>	<b>8,26</b>	<b>9,03</b>	<b>8,85</b>	<b>8,39</b>	<b>8,58</b>	<b>8,87</b>	<b>8,74</b>	<b>8,75</b>	<b>8,44</b>	<b>8,78</b>	<b>8,62</b>
<b>B26.</b> Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức; trình trạng gợi ý, gây khó khăn, cản trở của cán bộ, công chức ở SỞ, BAN, NGÀNH NÀY?	8,36	8,79	8,2	9,15	8,25	8,82	8,26	9,11	8,41	8,63	8,38	8,3	9,08	8,73	8,33	8,51	8,92	8,8	8,92	8,36	8,75	8,62

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH& ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN& PTNT	Sở VH, TT& DL	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ- TB& XH	Sở Tư pháp	BQL KKT& KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>B27.</b> Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi DN/HTX/HKD bị thanh tra, kiểm tra?	8,41	8,74	8,16	9,19	8,29	8,74	8,29	8,94	8,28	8,72	8,44	8,07	8,96	8,67	8,22	8,43	8,7	8,6	9	8,48	8,64	8,57
<b>B28.</b> Tác động của chi phí không thức đối với quyết định kinh doanh, đầu tư của DN/HTX/HKD?	8,89	8,56	8,27	9,08	8,4	8,71	8,53	9,37	8,79	9,06	8,44	8,31	8,94	9	8,76	8,99	9,03	8,91	8,72	8,7	9,13	8,79
<b>B29.</b> Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	8,35	8,44	8,4	9,4	8,17	8,21	8,4	8,65	8,14	8,5	8	8,35	9,14	9	8,27	8,37	8,82	8,65	8,36	8,22	8,6	8,5
<b>CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG</b>	<b>7,83</b>	<b>7,44</b>	<b>7,43</b>	<b>7,79</b>	<b>7,54</b>	<b>7,34</b>	<b>7,13</b>	<b>7,35</b>	<b>7,32</b>	<b>7,06</b>	<b>7,55</b>	<b>6,65</b>	<b>7,39</b>	<b>7,01</b>	<b>7,04</b>	<b>8,09</b>	<b>7,48</b>	<b>6,94</b>	<b>7,23</b>	<b>7,78</b>	<b>6,87</b>	<b>7,35</b>
<b>B30.</b> “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY chỉ rơi vào tay các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền”	7,82	7,49	7,3	7,7	7,54	7,3	7	7,33	7,38	7,01	7,5	6,57	7,31	7	7,09	8,09	7,38	6,95	7,21	7,84	6,8	7,31
<b>B31.</b> “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ưu ái DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa khi thực hiện TTHC và giải quyết công việc”	7,78	7,28	7,49	7,81	7,58	7,33	7,16	7,39	7,31	7,09	7,56	6,57	7,46	6,87	7,03	8,1	7,57	6,98	7,21	7,75	6,9	7,34
<b>B32.</b> “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn ưu ái, nhẹ tay với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa khi thực hiện thanh tra, kiểm tra”	7,85	7,49	7,47	7,81	7,54	7,3	7,13	7,29	7,38	7,06	7,56	6,64	7,43	7,07	7,03	8,09	7,48	6,95	7,25	7,81	6,93	7,36

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN&MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN&PTNT	Sở VH, TT&DL	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Tư pháp	BQL KKT&KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>B33.</b> “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn ưu tiên DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa khi giải quyết các kiến nghị, khó khăn”	7,85	7,44	7,49	7,85	7,54	7,37	7,16	7,39	7,31	7,09	7,56	6,64	7,42	6,97	7,03	8,07	7,51	6,91	7,25	7,75	6,88	7,36
<b>B34.</b> “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thường ưu ái DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa khi giải quyết các chính sách, chương trình ưu đãi, hỗ trợ”	7,85	7,53	7,39	7,78	7,53	7,38	7,19	7,33	7,24	7,06	7,56	6,81	7,35	7,13	7	8,11	7,48	6,9	7,25	7,78	6,86	7,36
<b>HỖ TRỢ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	<b>7,48</b>	<b>7,33</b>	<b>7,12</b>	<b>7,63</b>	<b>7,56</b>	<b>7,23</b>	<b>7,22</b>	<b>7,55</b>	<b>7,24</b>	<b>6,93</b>	<b>7,51</b>	<b>6,7</b>	<b>7,1</b>	<b>6,99</b>	<b>7,21</b>	<b>7,48</b>	<b>7,36</b>	<b>7,18</b>	<b>7,71</b>	<b>7,52</b>	<b>N/A</b>	<b>7,3</b>
<b>B35.</b> Tần suất được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, hoạt động hỗ trợ SXKD do sở/ban/ngành tổ chức?	5,47	6,27	6,47	6,92	6,28	6,42	6,43	6,24	6,9	5,44	6,71	6,38	6,34	6,41	6,41	5,89	6,86	5,73	6,9	5,8	N/A	6,32
<b>B36.</b> Hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin cho DN/HTX về chương trình hỗ trợ (đào tạo, tập huấn, tư vấn, tín dụng...)	7,9	7,58	7,21	7,74	7,83	7,44	7,42	7,83	7,21	7,26	7,67	6,81	7,31	7,13	7,42	7,84	7,6	7,43	7,96	7,97	N/A	7,53
<b>B37.</b> Tác động của các chương trình hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY về kết nối DN với thị trường, chuỗi cung ứng	7,86	7,53	7,23	7,81	7,79	7,47	7,32	7,82	7,45	7,26	7,73	6,85	7,18	7,13	7,24	7,8	7,43	7,41	7,87	7,87	N/A	7,5
<b>B38.</b> Tác động của các chương trình hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY về kết nối DN với nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp	7,9	7,53	7,21	7,77	7,79	7,47	7,32	7,89	7,24	7,26	7,73	6,67	7,18	7,1	7,3	7,78	7,47	7,46	7,91	7,81	N/A	7,49
<b>B39.</b> Các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)	7,92	7,63	7,3	7,89	7,87	7,35	7,48	7,89	7,45	7,31	7,55	6,81	7,35	7,13	7,52	7,87	7,53	7,57	7,83	7,87	N/A	7,56

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính	Sở TN&MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN&PTNT	Sở VH, TT&DL	Sở TT&TT	Sở Y tế	Sở KH&CN	Sở GD&ĐT	Sở LĐ-TB&XH	Sở Tư pháp	BQL KKT&KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
B40. Các chương trình, chính sách cho DN/HTX do phụ nữ, người yếu thế làm chủ	7,83	7,42	7,27	7,66	7,83	7,26	7,32	7,66	7,17	7,05	7,67	6,69	7,27	7,03	7,34	7,71	7,29	7,47	7,78	7,77	N/A	7,42
<b>HIỆU LỰC THIẾT CHẾ</b>	<b>7,93</b>	<b>7,85</b>	<b>7,6</b>	<b>8,22</b>	<b>7,77</b>	<b>7,67</b>	<b>7,51</b>	<b>8,03</b>	<b>8,03</b>	<b>7,4</b>	<b>7,65</b>	<b>7,05</b>	<b>7,73</b>	<b>8,1</b>	<b>7,53</b>	<b>7,98</b>	<b>7,85</b>	<b>7,79</b>	<b>7,89</b>	<b>8,12</b>	<b>7,78</b>	<b>7,78</b>
B41. Ông bà đánh giá thế nào về mức độ đóng góp của việc hoàn thành chức năng nhiệm vụ chính của SBN này đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh (ví dụ như nỗ lực về chuyển đổi số của Sở TTTT, đào tạo nghề của Sở LĐTB-XH, thủ tục và xúc tiến đầu tư của Sở KHĐT...)?	7,83	7,74	7,84	8,49	7,4	7,91	7,48	8,17	8,41	7,7	8	7,7	7,59	7,67	7,75	7,59	7,97	7,71	8,04	8,16	7,85	7,86
B42. “Hiệu quả khi thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật”	8,15	7,95	7,51	8,15	7,89	7,62	7,52	7,89	7,93	7,39	7,5	6,89	7,84	8,26	7,48	8,11	7,84	7,82	7,79	8,16	7,7	7,78
B43. “Hiệu quả của hoạt động tiếp DN/HTX/HKD”	7,97	7,79	7,56	8,19	7,87	7,67	7,52	7,94	7,93	7,28	7,63	6,85	7,8	8,06	7,48	8,07	7,8	7,8	7,83	8,1	7,8	7,76
B44. “Hiệu quả của cơ chế giải quyết thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX/HKD”	7,75	7,89	7,6	8,15	7,81	7,58	7,48	8	7,93	7,27	7,56	6,92	7,71	8,19	7,52	8,07	7,9	7,81	7,71	8	7,78	7,74
B45. “Hoàn toàn tin tưởng vào việc bảo mật thông tin, các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ của chính quyền địa phương khi phân ánh, kiến nghị, hay khiếu nại”	7,96	7,89	7,51	8,11	7,85	7,58	7,54	8,17	7,93	7,35	7,55	6,89	7,7	8,32	7,42	8,09	7,77	7,8	8,08	8,16	7,77	7,78
<b>TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>	<b>7,72</b>	<b>7,96</b>	<b>8,03</b>	<b>8,37</b>	<b>7,51</b>	<b>7,87</b>	<b>7,75</b>	<b>8,27</b>	<b>7,89</b>	<b>7,61</b>	<b>8,06</b>	<b>7,74</b>	<b>7,62</b>	<b>8,05</b>	<b>7,8</b>	<b>7,45</b>	<b>7,91</b>	<b>7,75</b>	<b>7,81</b>	<b>8,06</b>	<b>7,77</b>	<b>7,86</b>



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/ CHỈ TIÊU	SỞ, BAN, NGÀNH																				TB	
	Sở KH& ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở GTVT	Sở CT	Sở NN& PTNT	Sở VH, TT& DL	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ- TB& XH	Sở Tư pháp	BQL KKT& KCN	Cục Thuế	Chi cục HQ	BH XH	NH NN	CA tỉnh	CQLTT	Tỉnh
<b>B46.</b> Ông bà đánh giá thế nào về mức độ quan tâm của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đối với vấn đề về tăng trưởng xanh, bền vững?	8	7,95	8,07	8,64	7,57	7,98	7,84	8,39	8	7,62	8,19	7,77	7,63	8,07	7,79	7,5	7,9	7,75	8,08	8,32	7,67	7,94
<b>B47.</b> “Tích cực và hiệu quả trong khuyến khích DN/HTX thực hiện các biện pháp, thực tiễn tốt, cách làm tốt để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu”	7,62	7,95	7,96	8,3	7,49	7,81	7,71	8,17	7,86	7,59	7,94	7,77	7,67	8,27	7,82	7,4	7,93	7,76	7,71	7,94	7,78	7,83
<b>B48.</b> “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thể hiện vai trò tiên phong trong các biện pháp, hành động bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và bền vững”.	7,52	8	8,07	8,19	7,47	7,81	7,71	8,24	7,79	7,61	8,06	7,69	7,55	7,8	7,79	7,44	7,9	7,75	7,63	7,94	7,88	7,8
<b>Tổng</b>	<b>7,9</b>	<b>7,83</b>	<b>7,72</b>	<b>8,3</b>	<b>7,75</b>	<b>7,8</b>	<b>7,68</b>	<b>8,2</b>	<b>8,02</b>	<b>7,67</b>	<b>7,94</b>	<b>7,3</b>	<b>7,89</b>	<b>7,76</b>	<b>7,7</b>	<b>7,96</b>	<b>7,99</b>	<b>7,79</b>	<b>8,01</b>	<b>8,03</b>	<b>7,69</b>	<b>7,9</b>

## 2. DDCI cấp địa phương

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>THỰC HIỆN TTHC, CẤP PHÉP VÀ GIA NHẬP THỊ TRƯỜNG</b>	<b>8,53</b>	<b>8,73</b>	<b>7,59</b>	<b>8,74</b>	<b>7,43</b>	<b>7,48</b>	<b>7,68</b>	<b>6,29</b>	<b>7,81</b>
<b>B1.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng hướng dẫn của cơ quan cấp thành phố/huyện về trình tự, hồ sơ TTHC?	9	8,53	8	8,82	7,86	8,02	7,52	7,37	8,14
<b>B2.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về tổ chức thực hiện TTHC của của cơ quan cấp thành phố/huyện so với văn bản quy định?	8,97	8,58	8,07	8,88	7,96	8,07	7,52	7,3	8,17
<b>B3.</b> Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc và chất lượng cung cấp các chỉ dẫn phù hợp của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX/HKD	8,86	8,79	7,69	8,91	7,89	7,96	7,67	7,3	8,13
<b>B4.</b> Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX/HKD	8,87	8,77	7,98	9,02	7,91	7,96	7,76	7,24	8,19
<b>B5.</b> Đăng kí kinh doanh	8,63	8,74	7,61	8,78	7,41	7,67	7,76	6,8	7,92
<b>B6.</b> Đất đai - địa chính	8,17	8,48	7,35	8,5	6,94	6,85	7,54	4,59	7,3
<b>B7.</b> Xây dựng (vd: giấy phép xây dựng, vv)	8,25	8,65	7,49	8,65	7,03	7,15	7,73	5,22	7,52
<b>B8.</b> Quy hoạch	8,13	8,62	7,4	8,57	6,95	6,97	7,65	4,89	7,4
<b>B9.</b> Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	8,23	8,79	7,36	8,59	7,05	7,17	7,73	5,65	7,57
<b>B10.</b> Công Thương (vd: giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận kinh doanh ngành nghề có điều kiện như rượu, bia, thuốc lá, xăng dầu, khí hóa lỏng, vv)	8,34	8,8	7,71	8,74	7,15	7,06	7,67	5,98	7,68

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B11.</b> Tài nguyên-MT (vd: giấy phép thực hiện các quy định về TN-MT)	8,2	8,58	7,38	8,65	7,05	7	7,54	5,09	7,43
<b>B12.</b> Lao động, Xã hội	8,33	8,8	7,24	8,68	7,27	7,21	7,69	6,38	7,7
<b>B13.</b> Nông, lâm nghiệp, thủy sản	8,34	8,84	7,29	8,66	7,26	7,21	7,78	6,51	7,74
<b>B14.</b> Văn hóa - thể thao - du lịch	8,33	8,83	7,39	8,67	7,25	7,26	7,78	6,43	7,74
<b>B15.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về tác động của việc thực hiện TTHC ở cơ quan cấp thành phố/huyện đối với việc triển khai kế hoạch kinh doanh của các DN/HTX/HKD?	9,24	9,08	7,94	8,91	8,5	8,64	7,8	7,68	8,48
<b>TÍNH MINH BẠCH VÀ ỨNG DỤNG CNTT</b>	<b>8,63</b>	<b>8,64</b>	<b>7,55</b>	<b>8,61</b>	<b>7,6</b>	<b>7,76</b>	<b>7,64</b>	<b>6,23</b>	<b>7,83</b>
<b>B16.</b> Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới	8,62	8,67	7,51	8,73	7,86	7,76	7,63	5,69	7,81
<b>B17.</b> Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của thành phố/huyện với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng	8,46	8,54	7,44	8,61	7,69	7,47	7,47	5,09	7,59
<b>B18.</b> Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do thành phố/huyện quản lý	8,57	8,63	7,36	8,62	7,51	7,42	7,49	5,04	7,58
<b>B19.</b> Thông tin công khai khoản đóng góp của cơ sở SXKD cho ngân sách nhà nước (NSNN)	8,67	8,73	7,47	8,66	7,69	7,6	7,69	5,14	7,71

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B20.</b> Nếu DN/HTX/HKD của ông/bà có yêu cầu địa phương cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của địa phương trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	8,21	8,42	7,26	8,21	7,21	7,48	7,19	6,27	7,53
<b>B21.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “DN/HTX/HKD của tôi KHÔNG cần phải có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để được thuận lợi hơn trong tiếp cận các thông tin, tài liệu quan trọng để giải quyết TTHC tại thành phố/huyện”?	8,33	8,11	7,6	8,54	7,24	7,73	7,41	6,84	7,73
<b>B22.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của thành phố/huyện đối với cơ sở SXKD trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	9,14	8,71	7,58	8,87	7,78	7,95	8,02	7,18	8,15
<b>B23.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến ở địa phương này so với thực hiện trực tiếp?	8,59	8,98	7,82	8,59	7,8	8,13	7,85	7,2	8,12
<b>B24.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định: “Việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp DN/HTX/HKD không phải nộp bổ sung các giấy tờ bản cứng như phương pháp trực tiếp”?	8,77	8,9	7,72	8,85	7,66	8,27	7,8	7,88	8,23

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B25.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nỗ lực ứng dụng CNTT/chuyển đổi số để công khai thông tin, tương tác với các cơ sở SXKD, tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc và cung cấp dịch vụ công cho các DN/HTX/HKD tại thành phố/ huyện?	8,91	8,73	7,69	8,44	7,6	7,76	7,87	6	7,87
<b>TÍNH NĂNG ĐỘNG VÀ TIỀN PHONG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG</b>	<b>8,37</b>	<b>8,46</b>	<b>7,31</b>	<b>8,64</b>	<b>7,59</b>	<b>7,43</b>	<b>7,28</b>	<b>6,49</b>	<b>7,7</b>
<b>B26.</b> “Kịp thời, chủ động nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao”	8,73	8,75	7,44	8,96	7,96	7,76	7,54	7,06	8,02
<b>B27.</b> “Thành phố/huyện sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới từ thực tiễn và tham mưu UBND tỉnh các đề xuất phù hợp”	8,75	8,63	7,57	8,89	8,07	7,73	7,58	7,04	8,03
<b>B28.</b> “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND tỉnh và cấp TW”	8,83	8,74	7,52	8,91	7,89	7,6	7,41	7,01	7,99
<b>B29.</b> “Lãnh đạo thành phố/huyện đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây cản trở, khó khăn cho các cơ sở SXKD”	8,81	8,67	7,54	8,93	7,93	7,69	7,65	7,04	8,03
<b>B30.</b> “Lãnh đạo thành phố/huyện tích cực, chủ động tham vấn với cơ sở SXKD về việc thực hiện các quy định pháp luật, TTHC và các vấn đề phát sinh trong thực tiễn nhằm tìm biện pháp tháo gỡ cho DN”	8,89	8,77	7,64	8,98	7,71	7,69	7,48	7,06	8,03



CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B31.</b> Tần suất được mời tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà ông/bà gặp phải?	6,38	7,14	6,31	7,37	6,23	5,87	6,02	4,32	6,21
<b>B32.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà họ gặp phải?	8,21	8,5	7,14	8,4	7,36	7,7	7,25	5,93	7,56
<b>CHI PHÍ THỜI GIAN</b>	<b>8,41</b>	<b>8,82</b>	<b>8,14</b>	<b>8,33</b>	<b>7,72</b>	<b>7,77</b>	<b>7,97</b>	<b>7,9</b>	<b>8,13</b>
<b>B33.</b> Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trung bình bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	8,46	9,23	9,09	9,05	8,14	7,98	8,99	9,3	8,78
<b>B34.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện các TTHC ở thành phố/huyện so với quy định?	8,41	8,63	7,79	8,33	7,85	7,62	7,54	7,56	7,97
<b>B35.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về nhận định "việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số vào cung cấp dịch vụ công của cơ quan chính quyền cấp thành phố/huyện đã tiết kiệm nhiều thời gian cho người làm TTHC"	8,75	9,18	7,96	8,79	7,58	8,04	8,2	7,38	8,23
<b>B36.</b> Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của cơ quan chính quyền địa phương mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành của địa phương đang đánh giá, không bao gồm hoạt động kiểm tra để hoàn thành TTHC)	8,73	9,21	9,23	9,32	8,75	8,6	9,38	9,61	9,11

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B37.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do cơ quan chính quyền ban hành?	7,76	7,95	7,17	6,47	6,86	6,83	6,89	6,22	7,02
<b>B38.</b> Theo ông, bà, hoạt động thanh tra, kiểm tra có làm cản trở hoạt động SXKD bình thường của DN/HTX/HKD?	8,35	8,71	7,58	8	7,12	7,54	6,81	7,33	7,68
<b>CHI PHÍ KHÔNG CHÍNH THỨC</b>	<b>9,25</b>	<b>9,08</b>	<b>8,04</b>	<b>9,11</b>	<b>8,02</b>	<b>8,08</b>	<b>8,23</b>	<b>8,44</b>	<b>8,53</b>
<b>B39.</b> Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức; tình trạng gợi ý, gây khó khăn, cản trở của cán bộ, công chức ông/bà phải bỏ ra tại thành phố/huyện khi thực hiện TTHC, dịch vụ công?	9,21	9,19	8,16	8,91	7,91	7,93	8,22	8,54	8,51
<b>B40.</b> Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi DN/HTX/HKD bị thanh tra, kiểm tra?	9,29	9,14	8,08	8,93	7,94	7,84	8,2	8,55	8,5
<b>B41.</b> Tác động của chi phí không chính thức đối với quyết định kinh doanh, đầu tư của DN/HTX/HKD?	9,38	8,85	8,29	9,24	8,29	8,56	8,31	8,7	8,7
<b>B42.</b> Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại thành phố/huyện có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	9,13	9,15	7,64	9,37	7,95	8	8,18	7,98	8,42
<b>CẠNH TRANH BÌNH ĐẲNG</b>	<b>8,85</b>	<b>8,17</b>	<b>6,09</b>	<b>7,94</b>	<b>7,51</b>	<b>7,74</b>	<b>7,21</b>	<b>6,62</b>	<b>7,52</b>

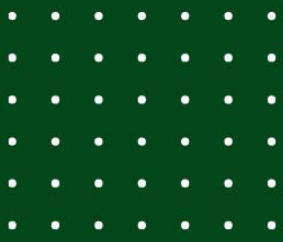
CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B43.</b> “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở thành phố/ huyện chỉ rơi vào tay các HKD/DN/HTX thân hữu với chính quyền địa phương”	8,49	8,52	6,26	8,57	7,44	7,46	7,58	7,11	7,68
<b>B44.</b> “Chính quyền địa phương ưu ái DN FDI, HKD, DN, DN thân hữu với chính quyền so với HKD nhỏ khi thực hiện TTHC”	8,64	8,5	6,15	8,57	7,41	7,48	7,47	6,72	7,62
<b>B45.</b> “Chính quyền địa phương ưu ái DN FDI, HKD, DN, DN thân hữu với chính quyền so với HKD nhỏ khi thực hiện thanh tra, kiểm tra”	8,56	8,5	6,2	8,57	7,44	7,45	7,63	6,63	7,62
<b>B46.</b> “Chính quyền địa phương ưu ái DN FDI, HKD, DN, DN thân hữu với chính quyền so với HKD nhỏ khi giải quyết các kiến nghị, khó khăn”	10	6,75	5,57	5,33	7,85	8,94	5,77	6	7,03
<b>B47.</b> “Chính quyền địa phương ưu ái DN FDI, HKD, DN, DN thân hữu với chính quyền so với HKD nhỏ khi giải quyết các chính sách, chương trình ưu đãi, hỗ trợ”	8,54	8,56	6,27	8,64	7,44	7,35	7,6	6,66	7,63
<b>HỖ TRỢ SẢN XUẤT KINH DOANH</b>	<b>8,22</b>	<b>8,3</b>	<b>7,52</b>	<b>8,39</b>	<b>7,34</b>	<b>7,28</b>	<b>7,04</b>	<b>6,61</b>	<b>7,59</b>
<b>B48.</b> Tần suất được mời tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, tập huấn, hoạt động hỗ trợ SXKD do địa phương này tổ chức?	6,57	6,84	6,37	7,41	6,17	5,84	5,91	4,33	6,18
<b>B49.</b> Hiệu quả của hoạt động cung cấp thông tin cho cơ sở SXKD về chương trình hỗ trợ (đào tạo, tập huấn, tư vấn, tín dụng...)	8,47	8,44	7,67	8,54	7,59	7,49	7,27	7,01	7,81

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B50.</b> Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ ở về gia nhập thị trường, và nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX	8,49	8,48	7,69	8,54	7,5	7,51	7,14	6,94	7,79
<b>B51.</b> Tác động của các chương trình hỗ trợ về kết nối cơ sở SXKD với thị trường, chuỗi cung ứng	8,43	8,56	7,78	8,52	7,62	7,42	7,25	6,99	7,82
<b>B52.</b> Tác động của các chương trình hỗ trợ về kết nối cơ sở SXKD với nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp	8,42	8,65	7,8	8,52	7,48	7,56	7,3	6,99	7,84
<b>B53.</b> Các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như Covid-19)	8,57	8,59	7,71	8,62	7,55	7,62	7,19	7,01	7,86
<b>B54.</b> Các chương trình, chính sách cho cơ sở SXKD do phụ nữ, người yếu thế làm chủ	8,6	8,57	7,61	8,57	7,5	7,51	7,25	7,01	7,83
<b>HIỆU LỰC THIẾT CHẾ VÀ AN NINH TRẬT TỰ</b>	<b>8,96</b>	<b>8,71</b>	<b>7,7</b>	<b>8,87</b>	<b>7,93</b>	<b>7,74</b>	<b>7,57</b>	<b>7,32</b>	<b>8,1</b>
<b>B55.</b> Ông/bà đánh giá thế nào về đóng góp việc hoàn thành chức năng, nhiệm vụ chính của địa phương này đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của tỉnh?	9,33	8,85	8,18	9,69	8,76	8,25	7,51	7,98	8,57
<b>B56.</b> “Hiệu quả khi thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật”	8,79	8,67	7,35	8,67	7,78	7,82	7,21	7,3	7,95
<b>B57.</b> “Hiệu quả của hoạt động tiếp DN/HTX/HKD”	8,92	8,57	7,6	8,67	7,89	7,58	7,2	7,25	7,96

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B58.</b> “Hiệu quả của cơ chế giải quyết thắc mắc, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX/HKD”	8,88	8,7	7,64	8,69	7,78	7,44	7,34	7,2	7,96
<b>B59.</b> “Hoàn toàn tin tưởng vào việc bảo mật thông tin, các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ của chính quyền địa phương khi phản ánh, kiến nghị, hay khiếu nại”	8,92	8,69	7,55	8,68	7,71	7,58	7,44	7,3	7,98
<b>B60.</b> “Thành phố/ huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự khi cơ sở SXKD phản ánh, kiến nghị.	8,96	8,77	7,72	8,83	7,8	7,8	8,09	7,11	8,13
<b>B61.</b> “Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”	8,9	8,71	7,83	8,86	7,76	7,73	8,18	7,08	8,13
<b>TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI</b>	<b>8,43</b>	<b>8,62</b>	<b>7,11</b>	<b>8,27</b>	<b>7,12</b>	<b>6,93</b>	<b>6,98</b>	<b>6,58</b>	<b>7,5</b>
<b>B62.</b> “Chính quyền địa phương quan tâm và có hành động nhằm hỗ trợ cơ sở SXKD cải thiện khả năng tiếp cận mặt bằng kinh doanh hay quỹ đất sạch hoặc thuê đất tại các khu đất mới được quy hoạch”	8,4	8,72	7,31	8,62	7,53	6,88	7,23	7,01	7,71
<b>B63.</b> “Chính quyền địa phương chủ động, tích cực trong giải quyết các vướng mắc về mặt bằng kinh doanh, đất đai gây bức xúc ở địa phương”	8,51	8,57	7,49	8,62	7,53	6,9	7,1	6,63	7,67
<b>B64.</b> “Hoạt động giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, mặt bằng kinh doanh thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp thành phố, huyện là công bằng, minh bạch, và đúng quy định”	7,39	8,09	5,76	6,46	4,84	5,8	6,07	4,58	6,12

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	HUYỆN								TB Tỉnh
	TP. Thái Bình	H.Quỳnh Phụ	H.Hưng Hà	H.Đông Hưng	H.Thái Thụy	H.Tiền Hải	H. Kiến Xương	H.Vũ Thư	
<b>B65.</b> “Công tác quản lý các khu đất trống, đất bỏ hoang cho mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của chính quyền cấp thành phố, huyện là minh bạch, công bằng, hiệu quả, không thất thoát và đúng quy định trọng”	8,43	8,74	7,36	8,63	7,49	6,84	7,2	6,5	7,65
<b>B66.</b> Theo ông, bà, ảnh hưởng của công tác quản lý đất đai, xử lý các vấn đề về đất đai của chính quyền địa phương ảnh hưởng thế nào đối với hoạt động SXKD của cơ sở SXKD?	9,4	8,97	7,61	9,02	8,24	8,21	7,31	8,17	8,37
<b>TĂNG TRƯỞNG XANH VÀ BỀN VỮNG</b>	<b>8,67</b>	<b>9,32</b>	<b>7,92</b>	<b>8,96</b>	<b>7,68</b>	<b>7,34</b>	<b>7,88</b>	<b>7,2</b>	<b>8,12</b>
<b>B67.</b> Ông bà đánh giá thế nào về mức độ quan tâm của chính quyền thành phố/huyện đối với vấn đề về tăng trưởng xanh, bền vững?	8,75	9,38	7,76	9,02	8,02	7,64	7,36	7,42	8,17
<b>B68.</b> “Tích cực và hiệu quả trong khuyến khích DN/HTX/HKD thực hiện các biện pháp, thực tiễn tốt, cách làm tốt để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu”	8,62	9,23	7,91	8,93	7,47	7,17	8,09	7,11	8,06
<b>B69.</b> “Chính quyền thành phố/huyện thể hiện vai trò tiên phong trong các biện pháp, hành động bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và bền vững”.	8,64	9,37	8,09	8,93	7,54	7,2	8,18	7,08	8,13
<b>Tổng</b>	<b>8,63</b>	<b>8,61</b>	<b>7,45</b>	<b>8,54</b>	<b>7,59</b>	<b>7,58</b>	<b>7,51</b>	<b>6,94</b>	<b>7,86</b>





**DDCI**  
THÁI BÌNH



<https://thaibinh.ddci.org.vn>

# BÁO CÁO DDCI THÁI BÌNH 2024